

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUY CHẾ

**TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á**

- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á,
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Á,

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (sau đây gọi tắt là "Đại hội") năm 2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á (sau đây gọi tắt là VAB).
- Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông; người tham dự họp Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- Quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
 - Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - Trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (Một) ngày trước khi khai mạc cuộc họp, trừ các trường hợp phải thông qua hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp theo quy định của Điều lệ VAB. Trong trường hợp này, Trưởng Ban Bầu cử, kiểm phiếu của Đại hội đồng Cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ VAB và theo quy định pháp luật.
 - Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ VAB;

KC

NGÂN HÀNG
THƯƠNG
MẠI CỔ
PHẦN VIỆT Á

Digitally signed by NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI,
CN=NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ
PHẦN VIỆT Á,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0302963695
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2025.04.05 15:09:53+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1

- c) Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội;
- d) Tại cuộc họp Đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu (trong đó có ghi số đăng ký, họ tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban thẩm tra tư cách cổ đông.
- e) Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự họp Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện được ủy quyền của cổ đông có mặt tại cuộc họp Đại hội.
- f) Các cổ đông, đại diện được ủy quyền khi dự họp Đại hội được thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung họp Đại hội.
- g) Cổ đông, đại diện được ủy quyền đến dự họp Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng cuộc họp Đại hội và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó sẽ không thay đổi.

2. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

- a) Cổ đông hay đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội phải mang theo thẻ căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn, Giấy mời họp/Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban Thẩm tra tư cách cổ đông;
- b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này;
- c) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội, sự điều hành của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc tại cuộc họp Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thẩm tra tư cách cổ đông

Ban thẩm tra tư cách cổ đông do Hội đồng Quản trị thành lập và được giới thiệu với Đại hội, có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- 1. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp Đại hội: số thẻ căn cước/ căn cước công dân hoặc hộ chiếu, thông tin cổ đông là doanh nghiệp/ tổ chức, Giấy mời họp/ Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);
- 2. Phát cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp Đại hội: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu họp khác;
- 3. Giải đáp thắc mắc, phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến tư cách cổ đông và các vấn đề khác có liên quan trong suốt thời gian họp Đại hội.
- 4. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Bầu cử, Kiểm phiếu

- 1. Ban Bầu cử, kiểm phiếu là bộ phận giúp việc liên quan tới công tác biểu quyết, bầu cử của Đại hội do Đoàn Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 2. Ban Bầu cử, kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Trình Đại hội Đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu cử.
- Hướng dẫn việc biểu quyết, bầu cử, bỏ phiếu, kiểm tra, niêm phong thùng phiếu.
- Thực hiện kiểm tra số Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử phát ra/thu về và kiểm phiếu.
- Lập, ký biên bản kiểm phiếu và Báo cáo kết quả kiểm phiếu, bầu cử trước Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa

1. Đoàn Chủ tọa có chức năng điều hành Đại hội, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số, do Hội đồng Quản trị giới thiệu và Đại hội biểu quyết thông qua; Thành phần Đoàn Chủ tọa gồm có Chủ tọa là Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền và các thành viên khác.

2. Quyết định của Đoàn chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

3. Đoàn Chủ tọa tiến hành các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số các Cổ đông tham dự họp Đại hội;

4. Đoàn Chủ tọa có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Đoàn Chủ tọa cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Đoàn Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc tước quyền Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.

5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng:

a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Hành vi của những người có mặt gây rối, mất trật tự hoặc có khả năng làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Đoàn Chủ tọa cuộc họp có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (Ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký

1. Đoàn Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn Chủ tọa, cụ thể:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung, diễn biến của Đại hội.

- Soạn thảo dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Tiếp nhận Phiếu đóng góp ý kiến, tài liệu của cổ đông gửi Đoàn Chủ tọa tại Đại hội.
- Tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội.
- Thực hiện các công việc trợ giúp khác theo phân công của Đoàn Chủ tọa.

Chương III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội

Cuộc họp Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự họp Đại hội.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Họp trực tiếp, cuộc họp Đại hội dự kiến sẽ diễn ra trong 1/2 ngày;
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung theo Chương trình Đại hội.

Điều 10. Thông qua Quyết định của Đại hội

1. Số phiếu biểu quyết của cổ đông do Ban Bầu cử, Kiểm phiếu thu về sẽ làm cơ sở tính tỷ lệ biểu quyết.

2. Đại hội quyết định thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đối với nội dung sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- b) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới của từng loại cổ phần;
- c) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- d) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VAB.

3. Đối với các nội dung khác, quyết định của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 11. Nghị quyết, Biên bản cuộc họp Đại hội

Nội dung cuộc họp Đại hội được lập thành Biên bản và được Ban thư ký ghi vào Sổ biên bản. Biên bản cuộc họp, toàn văn Nghị quyết Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội và được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB.

Chương IV

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 12. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8 Quy chế này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 11.1 điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba có thể được thực hiện trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại hội lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Chương V

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 5 chương, 13 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Tài liệu họp được công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

3. Cổ đông và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này. /.



TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA 

DỰ THẢO

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á
NĂM 2025**

Thời gian : 07h30' sáng ngày 26 tháng 4 năm 2025.

Địa điểm : Phòng họp Elite Ballroom, tầng 2 – Khách sạn SHERATON HANOI WEST – Số 36 đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

TT	Thời gian dự kiến	Nội dung
I	KHAI MẠC ĐẠI HỘI	
1	07h30'	Tiếp đón cổ đông, khách mời; cổ đông đăng ký tham dự.
2	08h00 – 08h30'	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự, Ban Thẩm tra tư cách cổ đông.
3		Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Đại hội).
4		Giới thiệu và thông qua: - Chương trình nghị sự; Đoàn Chủ tọa; Ban Bầu cử, Kiểm phiếu; - Quy chế tổ chức họp Đại hội; Thể lệ biểu quyết tại Đại hội.
5		Khai mạc Đại hội.
II	NỘI DUNG ĐẠI HỘI	
1	08h30' – 10h30'	Báo cáo của Hội đồng Quản trị (HĐQT) về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025.
2		Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
3		Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.
4		Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024.
5		Tờ trình về việc thông qua mức thù lao năm 2024 và dự kiến mức thù lao năm 2025 của HĐQT và BKS.
6		Tờ trình về việc thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025.
7		Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính và Thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2026.
8		Tờ trình về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025.
9		Tờ trình về việc niêm yết cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á tại Sở giao dịch Chứng khoán.
10		Tờ trình về việc niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành ra công chúng.

TT	Thời gian dự kiến	Nội dung
11		Tờ trình về việc thông qua phương án đầu tư góp vốn/mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết.
12		Tờ trình về việc thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.
13		Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB.
14		Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Á.
15		Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.
16		Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.
17		Các Báo cáo, Tờ trình khác (nếu có).
18		Đại hội thảo luận và biểu quyết các Báo cáo, Tờ trình.
III	BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2023-2028	
1	10h30' – 11h00	Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028. Giới thiệu danh sách ứng viên được đề cử bầu thành viên HĐQT.
2		Biểu quyết thông qua Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT.
3		Thông qua: Quy chế bầu cử.
4		Thực hiện bỏ phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.
5	11h00 – 11h15'	Tiệc trà (15 phút)
IV	CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT, BẦU CỬ	
1	11h15' – 11h45'	- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội. - Công bố kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028. - Thành viên HĐQT ra mắt Đại hội.
V	TỔNG KẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI	
1	11h45' – 12h15'	Phát biểu của Đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có).
2		Trình bày dự thảo Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025
3		Biểu quyết thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025.
4		Phát biểu tổng kết, bế mạc Đại hội.

Kec

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *fa*

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

QUY CHẾ BẦU CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 Hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Thông tư 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư 10/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);
- Căn cứ Công văn số ngày/...../2025 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận nhân sự dự kiến;

Công tác bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Ngân hàng TMCP Việt Á nhiệm kỳ 2023 – 2028 tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 được tiến hành theo những quy định sau đây:

1. **Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung**
 - Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 bầu bổ sung dự kiến: 02 (hai) thành viên, trong đó có 01 (một) thành viên độc lập của HĐQT.
2. **Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu bổ sung:**
 - Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT 2023-2028.
3. **Nguyên tắc bầu cử**
 - Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền hợp pháp của tất cả các cổ đông;

- Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.

4. Đối tượng được quyền bầu cử

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á chốt vào ngày 26/03/2025) và những người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra vào ngày 26/4/2025.

5. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

- Các tiêu chuẩn, điều kiện để tham gia thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Á được thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành, Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á và các quy định pháp luật liên quan;
- Các tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên đã được thông báo tới Quý cổ đông theo Thông báo số 03/2025/TB-HĐQT ngày 08/01/2025.

6. Phương thức bầu cử

6.1. Nhận phiếu bầu cử

Mỗi cổ đông khi làm thủ tục đăng ký dự họp ĐHĐCĐ sẽ được nhận 01 (một) Phiếu bầu cử thành viên HĐQT. Cổ đông khi được nhận Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Thẩm tra tư cách cổ đông để được cấp lại phiếu chính xác.

6.2. Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử thành viên HĐQT được in sẵn tên người ứng cử hoặc được đề cử theo thứ tự ABC có đóng dấu treo Ngân hàng TMCP Việt Á bên góc trái của Phiếu bầu.
- Phiếu bầu cử có in: mã số cổ đông, tên cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông, tổng số phiếu được bầu (bằng với số lượng cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên HĐQT cần bầu); Danh sách ứng cử viên làm thành viên HĐQT và vùng thông tin để cổ đông điền số phiếu đồng ý bầu cho các thành viên HĐQT; Ghi chú hướng dẫn cách ghi trên phiếu bầu.
- Mẫu Phiếu bầu cử đính kèm Quy chế này.

6.3. Phương thức bầu cử thành viên HĐQT

- Việc bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu được bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT;
- Cổ đông có thể điền số phiếu bầu của mình cho ứng viên mà mình bầu. Tổng của các số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông cộng lại bằng hoặc nhỏ hơn tổng số phiếu bầu mà cổ đông có được ghi trên Phiếu bầu cử.

Ví dụ: Trường hợp có 02 ứng viên thành viên HĐQT, cổ đông sở hữu 1.000 cổ

phần có quyền biểu quyết tại VAB, sẽ bỏ phiếu bầu cho 02 ứng viên thành viên HĐQT:

- Cổ đông sẽ có: $1.000 (CP) \times 2 (TV. HĐQT được bầu) = 2.000$ phiếu bầu TV. HĐQT (VAB đã ghi sẵn số cổ phần sở hữu của cổ đông nhân với số thành viên HĐQT được bầu);
- Theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, Cổ đông có thể dồn hết 2.000 phiếu bầu trên cho 01 ứng viên thành viên HĐQT hoặc điền số phiếu bầu cụ thể của mình cho mỗi ứng viên thành viên HĐQT, sao cho tổng phiếu bầu của tất cả các ứng viên thành viên HĐQT bằng hoặc nhỏ hơn 2.000.

6.4. Cách thức bầu cử

Cổ đông lựa chọn thành viên HĐQT trong Danh sách ứng cử viên làm thành viên HĐQT (danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận) theo cách thức sau:

a) Trường hợp cổ đông bầu cho ứng cử viên:

- Cổ đông tự điền "Số phiếu bầu" cho ứng cử viên đó trên Phiếu bầu cử. "Tổng số phiếu bầu" của cổ đông cho các ứng cử viên không được lớn "Tổng số phiếu được quyền bầu" của cổ đông.
- "Số phiếu bầu" phải được ghi bằng số nguyên dương. Cổ đông không ghi phiếu biểu quyết của mình dưới dạng tỷ lệ % (phần trăm).
- Cổ đông được quyền dồn hết phiếu bầu cho 01 ứng cử viên bằng cách gạch bỏ tên các ứng cử viên còn lại mà mình không đồng ý bầu. Khi đó, cổ đông ghi "Số phiếu bầu" hoặc không ghi "Số phiếu bầu" vào ô của tên ứng cử viên không được gạch bỏ thì vẫn được xem là cổ đông đã **dồn hết phiếu bầu** của mình cho ứng cử viên này (ứng cử viên được lựa chọn).

b) Trường hợp cổ đông không bầu cho ứng cử viên:

- Điền số 0 vào ô "Số phiếu bầu" của ứng cử viên đó **hoặc** gạch bỏ tên ứng cử viên mà mình không đồng ý bầu.
- Trong mọi trường hợp tên ứng cử viên bị gạch bỏ nhưng vừa có thông tin số phiếu bầu thì đều xem là cổ đông không bầu cho ứng cử viên này.

c) Trường hợp cổ đông ghi sai hoặc muốn sửa đổi số tại ô "Số phiếu bầu" cho các ứng viên, cổ đông gạch đường thẳng đè ngang lên con số đã ghi sai, ký tên vào bên cạnh chỗ gạch bỏ và ghi lại số phiếu bầu mới; không được tẩy xóa, sửa chữa trên số phiếu bầu đã ghi sai.

d) Sau khi hoàn tất việc ghi số phiếu bầu cho các ứng cử viên trên Phiếu bầu cử theo đúng quy định, cổ đông thực hiện bỏ Phiếu bầu cử vào thùng phiếu. Việc bỏ phiếu bầu cử kết thúc khi tất cả các cổ đông có mặt đã bỏ xong Phiếu bầu cử vào thùng phiếu và Ban Bầu cử, Kiểm phiếu tiếp nhận các thùng phiếu để tiến hành kiểm phiếu.

e) Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp sau khi việc bỏ phiếu bầu cử đã kết thúc thì vẫn được đăng ký và thực hiện biểu quyết với những vấn đề phát sinh sau nhưng không được phép tham gia bỏ Phiếu bầu cử. Trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết mà ĐHĐCĐ đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng bởi những quyết định của các cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp trễ này.

6.5. Phiếu bầu hợp lệ

Phiếu bầu cử chỉ xem là hợp lệ khi đáp ứng các tiêu chuẩn như sau:

- Là các Phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ngân hàng TMCP Việt Á ban hành, có đóng dấu treo của Ngân hàng TMCP Việt Á.
- Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Phiếu bầu không được tẩy xóa, sửa chữa, gạch bỏ (trừ trường hợp gạch tên ứng cử viên mà cổ đông không chọn và sửa số phiếu bầu theo Điểm b, c Mục 6.4) và phải còn nguyên vẹn.
- Phiếu bầu cử có “Tổng cộng phiếu bầu” cho các ứng viên mà cổ đông lựa chọn ghi trên Phiếu bầu cử không được lớn hơn “Tổng số phiếu được quyền bầu” của cổ đông;
- Phiếu bầu không được viết thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên làm thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua.
- Phiếu bầu không được viết thêm bất kỳ thông tin nào khác ngoài việc điền con số vào ô “Số phiếu bầu” hoặc ký tên vào bên cạnh chỗ gạch bỏ theo Điểm c Mục 6.4
- Phiếu bầu có ký tên và ghi rõ họ tên cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông.
- Phiếu bầu có nội dung chọn lựa thành viên HĐQT được thể hiện đúng theo nội dung hướng dẫn tại mục 6.4 nêu trên.

6.6. Phiếu bầu không hợp lệ:

Là những phiếu bầu không đáp ứng được một trong các tiêu chuẩn của Phiếu bầu hợp lệ quy định tại mục 6.5 nêu trên.

7. Nguyên tắc bỏ phiếu, kiểm phiếu

- Ban Bầu cử, Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra Thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ Phiếu bắt đầu từ khi có thông báo của Trưởng Ban Bầu cử, Kiểm phiếu và kết thúc khi không còn cổ đông nào bỏ Phiếu bầu vào Thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

- Ban Bầu cử, Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên Phiếu bầu của cổ đông.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Bầu cử, Kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

8. Điều kiện trúng cử

- Các ứng cử viên trúng cử là các ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất tính từ trên xuống cho đến khi đủ số lượng theo quy định tại Quy chế này.
- Trường hợp có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau và số lượng trúng cử vượt quá số lượng cần bầu thì tiến hành bầu lần thứ hai đối với những ứng cử viên này để lựa chọn. Việc bầu lại cũng theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, nếu bầu lần thứ hai vẫn bằng nhau thì việc có tiếp tục bầu cử nữa hay không do ĐHĐCĐ quyết định.

9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử, Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung của Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trắng, số và tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào HĐQT.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

10. Nhiệm vụ của Ban Bầu cử, Kiểm Phiếu

Ban Bầu cử, Kiểm phiếu là bộ phận giúp việc của ĐHĐCĐ, thành phần Ban Bầu cử, Kiểm phiếu do Đoàn Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Ban Bầu cử, Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Trình ĐHĐCĐ thông qua Quy chế Bầu cử.
- Hướng dẫn việc biểu quyết, bầu cử, bỏ phiếu, kiểm tra, niêm phong thùng phiếu.
- Thực hiện kiểm tra số Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử phát ra/thu về và kiểm phiếu.
- Lập, ký biên bản kiểm phiếu và Báo cáo kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử trước Đại hội.

11. Khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu

Sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

12. Điều hành thi hành

- Chủ tọa tại Đại hội chủ trì toàn bộ công tác bầu cử thành viên HĐQT có trách

nhiệm giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử, giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu và giải quyết các khiếu nại về bầu cử (nếu có);

- Quy chế bầu cử này được trình bày trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Việt Á và thông qua khi được sự chấp thuận của cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội với tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á
NĂM 2025

- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Thẻ lệ biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) năm 2025 (sau đây gọi tắt là Đại hội) như sau:

1. Đối tượng được tham gia biểu quyết

- Tất cả các cổ đông của VAB đủ điều kiện tham dự Đại hội.
 - Người được cổ đông ủy quyền.
- (sau đây gọi chung là “Cổ đông”)

2. Các loại thẻ, phiếu biểu quyết và cách sử dụng

2.1. Mỗi Cổ đông đến dự Đại hội sẽ được cung cấp 02 loại gồm Thẻ và Phiếu biểu quyết (gồm 01 thẻ và 02 phiếu biểu quyết) như sau:

- a. 01 THẺ BIỂU QUYẾT** dùng để Cổ đông ghi biểu quyết chương trình và các vấn đề chung để tiến hành Đại hội. Việc sử dụng THẺ BIỂU QUYẾT sẽ do Đoàn Chủ tọa điều khiển theo từng vấn đề cần được Đại hội thông qua.
- b. 01 PHIẾU BIỂU QUYẾT** dùng để biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội và nội dung cần biểu quyết được in sẵn trong Phiếu.
- c. 01 PHIẾU BIỂU QUYẾT DỰ PHÒNG** được sử dụng trong trường hợp biểu quyết cho những vấn đề phát sinh ngoài chương trình của Đại hội và được phát cho Cổ đông khi có phát sinh.

2.2. Cổ đông cần kiểm tra kỹ những nội dung ghi trên THẺ BIỂU QUYẾT và PHIẾU BIỂU QUYẾT để thông báo Ban Thẩm tra tư cách cổ đông điều chỉnh (nếu có).

3. Các quy định liên quan đến bỏ phiếu và kiểm phiếu

- 3.1.** Việc bỏ PHIẾU BIỂU QUYẾT được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín, công khai tại Đại hội và theo sự điều khiển của Ban Bầu cử, Kiểm phiếu.
- 3.2.** Ban Bầu cử, Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và được công bố kết quả kiểm phiếu công khai tại Đại hội.

3.3. Đối với PHIẾU BIỂU QUYẾT:

- Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 01 trong 03 ô biểu quyết: “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” tương ứng với từng nội dung trên PHIẾU BIỂU QUYẾT. Trường hợp chọn nhầm ô, Cổ đông tô đen ô đã chọn, ký nháy vào ô tô đen và chọn (X) lại vào ô khác.
- Nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT sẽ được tính là không hợp lệ nếu có dấu chọn (X) được đánh vào nhiều hơn 01 ô biểu quyết.
- PHIẾU BIỂU QUYẾT không có đánh dấu chọn (X) vào bất kỳ ô biểu quyết nào được xem là **Không có ý kiến** đối với tất cả các nội dung cần biểu quyết.

3.4. PHIẾU BIỂU QUYẾT được xem là hợp lệ khi đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Là phiếu do VAB phát hành, có con dấu của VAB và không bị chỉnh sửa bất kỳ nội dung nào. Trường hợp Cổ đông ghi sai thông tin, Cổ đông có quyền đề nghị Ban Bầu cử, Kiểm phiếu cấp PHIẾU BIỂU QUYẾT mới và tiến hành hủy PHIẾU BIỂU QUYẾT cũ.
- PHIẾU BIỂU QUYẾT được điền thông tin phù hợp với nội dung và các thức theo khoản 3.3 nêu trên.

3.5. PHIẾU BIỂU QUYẾT được xem là không hợp lệ khi không đáp ứng bất kỳ nội dung nào theo khoản 3.4 nêu trên.

4. Điều kiện thông qua các nội dung theo các tờ trình, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: theo quy định tại Điều lệ VAB.

5. Điều khoản thi hành

Thế lệ này đã được đọc trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên VAB năm 2025, có hiệu lực thi hành ngay sau khi Đại hội biểu quyết thông qua, Cổ đông và những người tham gia Đại hội chịu trách nhiệm thực hiện. *kel*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA *tm*

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

Số: .../2025/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) trân trọng báo cáo đến Quý cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM NĂM 2024

Năm 2024, tình hình thế giới diễn biến phức tạp với nhiều rủi ro và bất định. Tuy nhiên, kinh tế thế giới dần ổn định với thương mại cải thiện, lạm phát giảm, thị trường tài chính nói lỏng và lao động phục hồi, ước tính tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 3,2%, tương đương năm 2023.

Năm 2024, GDP Việt Nam tăng 7,09%, là mức tăng cao, chỉ thấp hơn các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, GDP bình quân đầu người đạt 114 triệu đồng/người (4.700 USD).

Đến 31/12/2024, tổng phương tiện thanh toán tăng 9,42% so với cuối năm 2023, thấp hơn mức tăng 10,34% của năm trước, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,06%, tín dụng tăng trưởng đạt 13,82% (cao hơn mức 11,48% của năm 2023). Ngân hàng Nhà nước (NHNN) linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ và tỷ giá; định hướng các tổ chức tín dụng giảm lãi suất huy động, tiết giảm chi phí quản lý để giảm lãi suất cho vay nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; mặt bằng lãi suất cho vay đối với các khoản vay mới có xu hướng giảm, lãi suất bình quân bằng đồng Việt Nam từ 6,7% - 9,0%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn đối với lĩnh vực ưu tiên ở mức 3,8%/năm, thấp hơn mức trần 4%/năm do NHNN quy định; NHNN đã có sự can thiệp tỷ giá thông qua nghiệp vụ bán USD từ dự trữ ngoại hối đáp ứng nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế, duy trì ổn định thị trường ngoại tệ đồng thời phát hành tín phiếu ngắn hạn để điều hòa dòng vốn đến, cuối năm tỷ giá trung tâm VND/USD là 24.355 đồng tăng 1,97% so với cuối năm 2023.

Kil

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024:

Năm 2024, VAB đạt nhiều dấu mốc quan trọng trong chuyển đổi số như: Xác thực sinh trắc học, ra mắt hệ thống phê duyệt và quản lý hồ sơ tín dụng (ILOS), triển khai hệ thống phê duyệt điện tử IBPM; đồng thời, VAB liên tục ra mắt các sản phẩm, chương trình mới với nhiều ưu đãi lớn như: Miễn phí chuyển tiền quốc tế, Tiết kiệm đặc lộc, Lãi suất vàng – Kinh doanh rộn ràng, Vượt Yagi – Phí 0 đồng... Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp được triển khai sâu rộng và thiết thực như: Ký kết Hợp đồng khung cho vay gián tiếp với Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF), Ưu đãi lãi suất cho vay dành cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi bão Yagi với lãi suất vay chỉ 5,5%/năm... Các kết quả đạt được cụ thể như sau:

1.1. Các kết quả tài chính năm 2024

Kết quả hoạt động năm 2024 của VAB có sự tăng trưởng tốt về hiệu quả hoạt động và quy mô. Các chỉ số tài chính cải thiện so với năm trước, hoàn thành 5/6 chỉ tiêu tài chính do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2024 (Nghị quyết số 02). Cụ thể một số chỉ tiêu tài chính đạt được:

Đơn vị: tỷ đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	% thực hiện kế hoạch năm 2024
1	Tổng tài sản	112.196	119.832	116.988	102%
2	Tiền gửi khách hàng và phát hành GTCG	87.181	92.434	92.027	100%
3	Dư nợ tín dụng (*)	69.190	79.916	79.918	100%
4	Lợi nhuận trước thuế	917	1.086	1.058	103%
5	Vốn điều lệ	5.400	5.400	7.505	72%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,59%	1,37%	<3%	Hoàn thành

(*) Kế hoạch Dư nợ tín dụng được điều chỉnh theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN giao tại công văn số 10167/NHNN-CSTT ngày 31/12/2023, số 7194/NHNN-CSTT ngày 28/8/2024, số 9790/NHNN-CSTT ngày 28/11/2024.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 1.086 tỷ đồng tăng 18,4% so với năm 2023 (tăng 169 tỷ đồng), đạt 103% kế hoạch được giao tại Nghị quyết số 02. Chỉ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 10,29%.

- Tổng tài sản đạt 119.832 tỷ đồng, đạt 102% so kế hoạch năm 2024 được giao tại Nghị quyết số 02, tăng 6,8% so với năm 2023; Tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá (GTCG) đạt 92.434 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 6% so năm trước;

Dư nợ tín dụng đạt 79.916 tỷ đồng, tăng 15,50% so năm trước, sử dụng 100% hạn mức tín dụng do NHNN giao.

- Thực hiện nâng cao năng lực thẩm định tín dụng, tăng cường giám sát sử dụng vốn, đôn đốc thu hồi – xử lý nợ, nền nợ xấu tại VAB được kiểm soát ở mức 1.091 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ 0,22% so với năm 2023, chiếm 1,37% dư nợ cho vay của VAB - đảm bảo tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3% theo quy định của NHNN. Đồng thời, VAB đã thực hiện chuyển đổi hoạt động tín dụng theo hướng tập trung phát triển tín dụng các ngành nghề theo định hướng, vì vậy tỷ lệ lãi dự thu/tổng dư nợ đã giảm mạnh (giảm từ 11,16% cuối năm 2023 xuống còn 5,43% cuối năm 2024). Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tuân thủ theo quy định của Pháp luật (chi tiết theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông thông qua).

- Vốn chủ sở hữu đạt: 8.857 tỷ đồng, tăng 860 tỷ đồng so với năm 2023. Trong đó: Vốn điều lệ đạt 5.400 tỷ đồng, không thay đổi so với năm 2023. VAB chưa thực hiện tăng vốn điều lệ trong năm tài chính 2024 do thị trường chứng khoán năm 2024 diễn biến chưa thuận lợi, thanh khoản và giá trị giao dịch bình quân cổ phiếu chưa cao; Do vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, VAB chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.

- Vốn cấp 2: trong năm 2024, VAB tiếp tục phát hành trái phiếu riêng lẻ (kỳ hạn 7 năm) tăng vốn cấp 2 và đã huy động thành công 754 tỷ đồng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như hỗ trợ chi số an toàn hoạt động. Số dư trái phiếu do VAB phát hành nhằm tăng vốn cấp 2 cuối năm 2024 đạt 1.000 tỷ đồng.

- Với các nỗ lực và kết quả tài chính đạt được năm 2024, VAB được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế - Moody's xếp hạng B2 - Triển vọng phát triển ổn định năm thứ 4 liên tiếp.

- VAB tuân thủ giới hạn về các chỉ số an toàn hoạt động theo quy định của Pháp luật và NHNN.

1.2. Công tác Quản trị rủi ro

Hệ thống kiểm soát nội bộ ngày càng được hoàn thiện, đảm bảo nhận diện, ngăn ngừa và kịp thời xử lý các rủi ro phát sinh. Các chỉ số an toàn hoạt động Ngân hàng được kiểm soát thường xuyên và Ngân hàng tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN về chế độ báo cáo và thực hiện các chỉ tiêu an toàn vốn, về quản lý an toàn hoạt động và kiểm soát rủi ro trong kinh doanh.

VAB đã thực hiện rà soát, cập nhật hệ thống văn bản nội bộ phù hợp với thay đổi của Luật TCTD 2024, Luật Đất đai 2024 và các Nghị định/ Thông tư hướng dẫn. Tiếp tục triển khai, áp dụng công cụ tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41 và ICAAP đáp ứng yêu cầu của NHNN về việc áp dụng Basel 2; Hoàn thành xây dựng quy định liên quan đến quản lý tài sản, quy trình cấp tín dụng, Rà soát xử lý hồ sơ phần mềm cảnh báo giao dịch bất thường (có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật), ...

1.3. Công tác nhân sự

Tổng số nhân sự đến 31/12/2024 là 1.557 người, tăng 16 người so cuối năm 2023, đạt 92,8% so định biên nhân sự năm 2024 (1.678 nhân sự). VAB mở rộng kênh tuyển dụng; đẩy mạnh đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng mềm cho CBNV tân tuyển và hiện hữu, đẩy mạnh truyền thông về Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và văn hóa ứng xử của VAB; rà soát sửa đổi bổ sung Quy chế tuyển dụng, Quy chế bổ nhiệm miễn nhiệm, Quy chế thi đua khen thưởng, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể; điều chỉnh chính sách tiền lương hiệu quả công việc đối với CBNV, tiếp tục thực hiện chính sách đánh giá - tăng lương định kỳ và các chính sách phúc lợi hàng năm, ... ; duy trì chương trình quy hoạch nguồn nhân lực kế nhiệm VAB NextGen, Talent pool.

1.4. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Thực hiện chiến lược phát triển công nghệ thông tin VAB đến năm 2025 - định hướng đến năm 2023, VAB tiếp tục chú trọng đẩy mạnh đầu tư, cải tiến công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất vận hành, đảm bảo tính ổn định và khả năng mở rộng linh hoạt của hệ thống ngân hàng. Việc ứng dụng các nền tảng công nghệ tiên tiến giúp xử lý giao dịch nhanh hơn, chính xác hơn, đồng thời nâng cao trải nghiệm khách hàng với dịch vụ an toàn, bảo mật cao; tuân thủ quy định phòng chống rửa tiền. Đây cũng là tiền đề để VAB mở rộng danh mục sản phẩm, phát triển kênh dịch vụ mới và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Dịch vụ thẻ và ngân hàng số: Nâng cấp chương trình App VAB- EZMobile đã hỗ trợ tăng trưởng doanh số tiết kiệm online, thanh toán dịch vụ và mua sắm online; đẩy mạnh khai thác dịch vụ tài khoản tự chọn 8 số và tài khoản nickname. xây dựng chức năng cấp lại mật khẩu trên Ngân hàng số, gia tăng bảo mật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng.

Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động vận hành: Phát triển các ứng dụng liên quan đến công tác quản lý nhân sự và đào tạo trực tuyến; nâng cấp chương trình quản lý trình duyệt nội bộ qua iBPM; triển khai hệ thống phê duyệt và quản lý hồ sơ tín dụng iLOS; triển khai giải pháp xác thực khách hàng và thu thập sinh trắc học; triển khai nâng cấp hệ thống phòng chống rửa tiền AML

1.5. Mạng lưới hoạt động của VAB, truyền thông thương hiệu và hoạt động cộng đồng

Năm 2024, VAB tập trung quy hoạch lại mạng lưới kinh doanh (hoàn thành di dời trụ sở của 5 Đơn vị kinh doanh), cải tạo sửa chữa trụ sở của 15 Đơn vị kinh doanh. Đến 31/12/2024, mạng lưới hoạt động của VAB vẫn là 98 điểm, gồm Trụ sở chính, 24 Chi nhánh và 73 Phòng Giao dịch.

(i) Hình ảnh, nhận diện thương hiệu:

- Trong năm 2024, nhận diện thương hiệu tại mặt tiền, quầy giao dịch của các địa điểm kinh doanh VAB được nâng cấp và đồng bộ.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả, cơ sở vật chất của đơn vị kinh doanh nhằm đáp ứng kịp thời việc di dời, cải tạo sửa chữa cho đơn vị, đảm bảo yêu cầu kinh doanh và phục vụ khách hàng tốt nhất.

(ii) Hoạt động truyền thông thương hiệu:

- Điều chỉnh bộ nhận diện theo hướng hiện đại, tối giản và số hóa nhằm tăng cường sự nhất quán và tính nhận diện cao trong tâm trí khách hàng.

- Phát triển các hoạt động marketing gắn kết với cộng đồng: Đẩy mạnh các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR), nâng cao hình ảnh thương hiệu, tạo niềm tin và sự gắn bó lâu dài từ khách hàng

- Tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thương hiệu VAB thông qua các chương trình truyền thông nội bộ và khách hàng, đưa thương hiệu và văn hóa VAB đến gần hơn với công chúng.

(iii) Trách nhiệm với cộng đồng:

- Ngoài việc tập trung triển khai kinh doanh, VAB cũng hướng đến các hoạt động cộng đồng như tổ chức ngày hội hiến máu với sự tham gia của đông đảo các CBNV, triển khai các chương trình thiện nguyện tại các địa bàn có đơn vị kinh doanh của Ngân hàng;

- Chủ động, kịp thời triển khai nhiều giải pháp từ giảm lãi suất cho đến các hoạt động an sinh xã hội nhằm chung tay hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, phục hồi và phát triển sau bão Yagi: chương trình hỗ trợ lãi suất cho vay đối với Khách hàng tại các vùng chịu tác động của bão, song song với các hoạt động hỗ trợ trực tiếp đến khách hàng, VAB ủng hộ 500 triệu đồng, CBNV VAB đóng góp 300 triệu đồng hỗ trợ đồng bào bị thiệt hại.

1.6. Kết quả giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đánh giá cao kết quả và nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024:

- Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức, triển khai tốt các nội dung định hướng của HĐQT, kết quả kinh doanh năm 2024 hoàn thành mục tiêu được giao. Tổng tài sản, lợi nhuận trước thuế và các chỉ tiêu quy mô hoàn thành và vượt kế hoạch.

- Hệ thống quản trị rủi ro và vận hành đảm bảo an toàn, được củng cố và hoạt động hiệu quả.

- Các giải pháp triển khai kinh doanh và quản trị được điều chỉnh kịp thời, phù hợp với định hướng kinh doanh và diễn biến của kinh tế, xã hội cũng như các định hướng của NHNN, HĐQT.

- Nguồn nhân lực được tuyển dụng, đào tạo đáp ứng nhu cầu hoạt động. Triển khai tốt các chương trình phúc lợi, giữ chân nhân sự nòng cốt.

- Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, vận hành đảm bảo an toàn hoạt động, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Hệ thống cơ sở vật chất, các điểm giao dịch được cải tạo, sửa chữa nhằm nâng cao hình ảnh nhận diện thương hiệu của VAB, tạo niềm tin tốt cho khách hàng khi giao dịch tại ngân hàng.

1.7. Báo cáo giao dịch với công ty con, người có liên quan của VAB

Năm 2024, VAB có giao dịch với người có liên quan và đã tuân thủ quy định thực hiện công bố thông tin. (Chi tiết giao dịch được báo cáo tại Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á năm 2024 và được công bố trên website của VAB).

1.8. Về công khai thông tin theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng:

- VAB tuân thủ, thực hiện đảm bảo công khai thông tin của Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật các TCTD. Đồng thời, người có liên quan của những chức danh này được VAB công bố thông tin tại Báo cáo tình hình quản trị định kỳ trong năm 2024.

- Đối với cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ của VAB, VAB đã thực hiện công khai thông tin trên website của VAB và báo cáo NHNN theo quy định.

1.9. Triển khai Phương án cơ cấu lại VAB đến năm 2024

Trên cơ sở định hướng xây dựng “Phương án cơ cấu lại VAB gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua. Định kỳ hàng quý, VAB báo cáo kết quả thực hiện PACCL theo quy định của NHNN. Theo đó:

- Trong năm 2024, VAB đã chủ động tổ chức triển khai, thực hiện PACCL và tuân thủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện PACCL hàng quý/năm theo đúng chỉ đạo của NHNN. Đến cuối năm 2024, VAB đã hoàn thành 7/10 mục tiêu cơ cấu lại; trong đó: Tổng tài sản đạt 102,4% kế hoạch; Dự nợ cấp tín dụng đạt 103,3% kế hoạch; Huy động vốn thị trường 1 đạt 100,7% kế hoạch; Vốn chủ sở hữu đạt 102% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 114,4% kế hoạch; Tỷ lệ nợ xấu nội bảng đạt dưới 3%. VAB còn 3/10 chỉ tiêu tài chính tiếp tục tập trung thực hiện bao gồm: tăng vốn điều lệ; tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động phi tín dụng/tổng thu nhập và tăng trưởng hệ số an toàn vốn CAR.

- Năm 2025, VAB tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp để hoàn thành các mục tiêu đã xây dựng tại PACCL giai đoạn 2021 - 2025.

1.10. Báo cáo công khai danh sách người vay theo Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng 2024:

Theo quy định tại Điều 13 thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024, VAB báo cáo ĐHĐCĐ về việc cho vay các đối tượng hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng tính đến thời điểm lấy số liệu để họp ĐHĐCĐ (ngày 31/12/2024) như sau:

- a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại VAB; người ra quyết định thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động đoàn thanh tra đang thanh tra tại VAB; Kế toán trưởng của VAB; Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập của VAB; Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 134 của

Luật Các tổ chức tín dụng sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó; Công ty con, công ty liên kết của VAB; Không phát sinh.

b) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại VAB (trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân): 18,8 tỷ đồng.

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b là 0,18% vốn tự có, không vượt quá 5% vốn tự có của VAB.

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024

2.1. Về công tác của Hội đồng Quản trị đã thực hiện

- HĐQT đã tổ chức họp định kỳ tháng, quý theo quy định của Luật các TCTD, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB; đồng thời tổ chức các cuộc họp giao ban, họp chuyên đề và xin ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT; ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo chỉ đạo thực hiện liên quan đến các hoạt động chính của ngân hàng.

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành triển khai và thực hiện các nhiệm vụ năm 2024, bám sát các mục tiêu được ĐHĐCĐ thường niên 2024 giao. Trong đó, một số nội dung chỉ đạo trọng tâm như:

+ Đôn đốc Ban Điều hành quyết liệt triển khai kế hoạch kinh doanh hàng tháng, hàng quý để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ giao và định hướng chính sách tiền tệ của NHNN;

+ Yêu cầu Điều hành thực hiện các giải pháp cân đối nguồn vốn phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đồng thời nâng cao các chỉ số an toàn hoạt động của ngân hàng; giảm chi phí hoạt động và giá vốn trong năm 2024.

+ Đẩy mạnh triển khai mô hình chất lượng dịch vụ, trải nghiệm khách hàng hỗ trợ cho tăng trưởng kinh doanh; tăng tỷ trọng thu nhập hoạt động dịch vụ.

+ Phát động chương trình thi đua trên toàn hệ thống; động viên CBNV tích cực tham gia các chương trình thi đua, đóng góp sáng kiến đổi mới sáng tạo tại VAB;

+ Tiếp tục công tác kiện toàn bộ máy nhân sự điều hành, quản lý cấp cao;

+ Tập trung các đầu tư giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn công nghệ, phòng tránh các rủi ro liên quan tới rủi ro trong lĩnh vực công nghệ thông tin; đầu tư chuyển đổi số thúc đẩy kinh doanh và quản trị nội bộ.

+ Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ của VAB phù hợp, tuân thủ các quy định của Luật TCTD 2024, Luật Đất đai 2024, các Nghị định/ Thông tư hướng dẫn đã ban hành; tổ chức các Hội thảo truyền thông đến các đơn vị chuyên môn, đơn vị kinh doanh về tác động thay đổi của các văn bản pháp luật đến hoạt động, kinh doanh của Ngân hàng.

- Năm 2024, Hội đồng Quản trị VAB có 05 thành viên; trong đó có 01 thành viên độc lập, 01 thành viên HĐQT kiêm Phó TGD, 03 thành viên không phải là người điều hành, HĐQT đảm bảo cơ cấu thành phần tuân thủ quy định tại Điều 69 Luật Các TCTD.

- Chủ tịch HĐQT, các Thành viên HĐQT và các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã tuân thủ các quy định và thực hiện đầy đủ trách nhiệm thường xuyên theo dõi sát sao mọi mặt hoạt động của ngân hàng. HĐQT có những quyết định, chỉ đạo thuộc thẩm quyền của hỗ trợ kịp thời cho công tác quản trị và kinh doanh nhằm nâng cao năng lực hoạt động, khả năng cạnh tranh, tạo tiền đề cho sự phát triển vững chắc của VAB trong năm 2025.

2.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy của VAB

Cơ cấu tổ chức quản lý của VAB theo mô hình Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc; tuân thủ quy định tại khoản 1 điều 40 của Luật các Tổ chức tín dụng và điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Bộ máy hoạt động của VAB gồm các đơn vị chức năng, tham mưu, giúp việc trực thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Cuối năm 2024, Ban Điều hành rà soát, đánh giá bộ máy điều hành của VAB với mục tiêu tinh gọn, hiệu quả, hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của VAB đồng thời đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro.

2.3. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT

Hội đồng Quản trị VAB có các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc (Ủy ban Nhân sự, Ủy Ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Chiến lược,); các Ủy ban, Hội đồng có vai trò tham mưu, giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cho HĐQT trong từng lĩnh vực.

Các Ủy ban, Hội đồng quản lý chuyên biệt theo từng lĩnh vực và các thành viên HĐQT được phân công phụ trách giám sát, quản lý, hoạt động tích cực và hiệu quả; họp định kỳ, đột xuất theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban, Hội đồng để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền cũng như tham gia giám sát hoạt động theo phân công các lĩnh vực, tuân thủ quy định của pháp luật và VAB.

2.4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ các thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT: Ông Phương Thành Long, ông Phan Văn Tới, ông Trần Tiến Dũng, ông Nguyễn Hồng Hải đã thực hiện tốt vai trò thành viên HĐQT, hoàn thành các nhiệm vụ được HĐQT phân công phụ trách, quản lý, bao gồm nhiệm vụ tại các Ủy ban trực thuộc HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập: Ông Lê Hồng Phương hoàn thành công việc được giao, đảm bảo tính độc lập của mình trong thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo Ngân hàng hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật cũng như Điều lệ của Ngân hàng, phù hợp với chủ trương và định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ và HĐQT.

2.5. Đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT

HQĐT hiện tại gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập cho nhiệm kỳ 2023-2028.

Năm 2024, HĐQT đã kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định, để triển khai hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024, góp phần tích cực vào kết quả hoạt động chung của ngân hàng. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT đều được đưa ra thảo luận và biểu quyết công khai ngay tại phiên họp. Thông tin về công tác điều hành luôn được HĐQT tiếp cận và định hướng xử lý.

Thành viên HĐQT độc lập đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2024 đạt hiệu quả, chất lượng tốt; HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ cũng như các quy định nội bộ của VAB.

2.6. Báo cáo về thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS; tiền lương của Tổng Giám đốc

Mức thù lao và thưởng năm 2024 đã chi là: **9.075.190.000 đồng** (bằng chữ: Chín tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng). Chi tiết thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc đã được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, công bố trên website của VAB.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Dự báo kinh tế năm 2025.

Tăng trưởng GDP mục tiêu đạt 8,0% trở lên; tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5 - 5,0%, tiếp tục được kiểm soát lạm phát chặt chẽ. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội kỳ vọng tiếp tục tăng, song cần tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng vốn để đảm bảo sự phát triển bền vững.

Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng ở mức 16% nhằm góp phần hỗ trợ nền kinh tế. Lợi nhuận toàn ngành dự kiến tiếp tục gia tăng nhờ tín dụng mở rộng và biên lãi ròng (NIM) được cải thiện. Tuy nhiên, ngành ngân hàng vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động. Với bối cảnh này, việc duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt, kiểm soát rủi ro và thúc đẩy tăng trưởng bền vững sẽ là những yếu tố quan trọng giúp kinh tế Việt Nam và ngành ngân hàng phát triển ổn định trong năm 2025.

2. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2025

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2024, định hướng hoạt động năm 2025 của HĐQT sẽ tập trung vào các nội dung sau:

(i) Tổ chức, triển khai chương trình hành động của VAB trong năm 2025 trên cơ sở nghiên cứu, thực hiện các nội dung trọng tâm trong phạm vi của Tổ chức tín dụng theo Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 20/01/2025 của NHNN về triển khai nhiệm vụ ngành Ngân hàng năm 2025, điều hành chính sách tiền tệ của Chính phủ, NHNN và Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 20/01/2025 của NHNN về đẩy mạnh chuyển đổi số và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động Ngân hàng năm 2025; Chương trình phát triển bền vững tích hợp ESG, tăng trưởng xanh trong hoạt động Ngân hàng.

(ii) Tiếp tục thực hiện chiến lược đa dạng nguồn vốn huy động, khai thác nguồn vốn giá rẻ, mở rộng giao dịch với các định chế tài chính trong và ngoài nước, tăng tỷ trọng tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn; chính sách lãi suất huy động phù hợp với thị trường và điều hành chính sách tiền tệ của NHNN; kiểm soát chi phí vận hành/

quản lý để giảm giá vốn góp phần cải thiện các chỉ số NIM, CIR, giảm lãi suất cho vay hỗ trợ khách hàng vay vốn.

(iii) Tiếp tục mục tiêu chuyển dịch cấp tín dụng cho khách hàng theo định hướng tập trung phân khúc khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp vừa và nhỏ; cấp tín dụng theo chuỗi dự án.

(iv) Tăng cường ứng dụng công nghệ vào nâng cấp và phát triển sản phẩm – dịch vụ, phát triển hệ thống thanh toán; đẩy mạnh kênh giao dịch Ngân hàng hiện đại (triển khai nền tảng ứng dụng ngân hàng số như Ommi Channel nhằm đẩy mạnh mảng bán lẻ hợp kênh), hình thức thanh toán mới nhằm thúc đẩy kinh doanh, ... góp phần tăng trưởng thu nhập dịch vụ của Ngân hàng.

(v) Chú trọng công tác quản lý chất lượng tín dụng; kiểm soát và thu hồi và xử lý nợ xấu; ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh nhằm đảm bảo tỷ lệ nợ xấu đạt mức dưới 3% theo định hướng điều hành của NHNN.

(vi) Hoàn thành niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, thực hiện lộ trình tăng vốn Điều lệ theo phương án tăng vốn trình ĐHCĐ năm 2025.

(vii) Hoàn thành đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ, an ninh bảo mật, phòng chống tấn công xâm nhập mạng, hệ thống công nghệ ứng dụng trong quản trị, điều hành và hệ thống phần mềm phòng chống rửa tiền theo quy định.

(viii) Tăng cường công tác quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ bảo đảm ngân hàng tuân thủ quy tắc đạo đức kinh doanh và chính sách, quy trình nội bộ.

(ix) Đánh giá và quy hoạch lại mạng lưới Chi nhánh/ Phòng giao dịch, điểm kinh doanh phù hợp với Thông tư 32/2024/TT-NHNN, phân vùng quản lý của Ngân hàng Nhà nước, chia tách sáp nhập các tỉnh và chiến lược phát triển của VAB.

(x) Hoàn thành thực hiện Phương án cơ cấu lại VAB gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 theo đúng phương án xây dựng.

(xi) Tiếp tục rà soát, kiện toàn các Quy chế, Quy định, Hướng dẫn nội bộ phù hợp với thay đổi của Luật TCTD 2024, Luật Đất đai 2024 và các Nghị định/ Thông tư hướng dẫn mới được ban hành.

(xii) Rà soát, kiện toàn bộ máy điều hành; bổ sung và cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý cho triển khai kinh doanh; hoàn thiện cơ chế tiền lương và hiệu suất lao động, phát triển các chính sách đãi ngộ CBNV nhằm thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài.

(xiii) Tăng cường thực hiện các chương trình văn hóa đoàn thể gắn kết văn hóa doanh nghiệp.

(xiv) Triển khai các chương trình gắn kết cộng đồng, từ đó nâng cao nhận diện thương hiệu, hình ảnh của VAB trong lòng khách hàng và cộng đồng.

(xv) Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025:

Đvt: tỷ đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ tăng trưởng
1	Tổng tài sản	119.832	128.381	7,1%
2	Tiền gửi khách hàng và phát hành GTCG	92.434	101.007	9,3%
3	Dư nợ tín dụng (*)	79.916	88.110	10,3%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.086	1.306	20,3%
5	Vốn điều lệ	5.400	11.582	114,5%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,37%	<3%	-

(*) Tăng trưởng tín dụng năm 2025 điều chỉnh linh hoạt theo hạn mức tăng trưởng tín dụng năm 2025 được NHNN giao.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025. Với mong muốn xây dựng VAB trở thành một Ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt, hoạt động minh bạch, an toàn, bền vững, trở thành địa chỉ uy tín và là sự lựa chọn của các đối tác và khách hàng. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBNV VAB cam kết nỗ lực thực hiện thành công định hướng phát triển đã xây dựng. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ và hợp tác thương xuyên của các Quý Cổ đông.

Trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHƯƠNG THÀNH LONG

Số:/2025/BC-BKS

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ Báo cáo của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2024 của Ngân hàng TMCP Việt Á đã được kiểm toán;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị (HDQT), kết quả kinh doanh của Tổng Giám đốc (TGD) và hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) trong năm 2024 như sau:

I. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu kinh doanh của VAB năm 2024.

Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tín học MOORE AISIC và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2024 của Ngân hàng đã trình bày đầy đủ, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con đến thời điểm 31/12/2024. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán áp dụng cho các Tổ chức tín dụng (CTTD) tại Việt Nam và các quy định hiện hành.

- Một số chỉ tiêu kinh doanh chính trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất kết thúc năm tài chính (ngày 31/12/2024) như sau:

+ Tổng tài sản: 119.832 tỷ đồng, đạt 102% so kế hoạch năm 2024 được giao tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (DHDĐ) thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-DHDĐ ngày 26/4/2024 (Nghị quyết số 02).

+ Vốn huy động tổ chức kinh tế và dân cư: 92.434 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch năm 2024 được giao tại Nghị quyết số 02.

+ Dự nợ tín dụng: 79.916 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm 2024 được giao tại Nghị quyết số 02; tỷ lệ tăng trưởng tín dụng năm 2024 đạt 15,5%, tuân thủ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 được NHNN giao tại Công văn số 10167/NHNN-CSTT ngày 31/12/2023, công văn

số 7194/NHNN-CSTT ngày 28/8/2024 và công văn số 9790/NHNN-CSTT ngày 28/11/2024 (sau đây gọi chung là công văn 10167) là 15,5%.

+ Tỷ lệ nợ xấu nội bảng: 1,37%/tổng dư nợ tín dụng, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3% trong năm 2024 theo quy định của NHNN, đạt so với kế hoạch năm 2024 được giao tại Nghị quyết số 02.

+ Lợi nhuận trước thuế: 1.086 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch năm 2024 được giao tại Nghị quyết số 02. Trong năm 2024, bên cạnh nguồn thu nhập ổn định từ hoạt động tín dụng, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ và công tác thu hồi nợ xấu đã đóng góp tỷ trọng khá lớn trong tổng thu nhập tại VAB.

Chi tiết một số chỉ tiêu kinh doanh tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	31/12/2024	31/12/2023	Kế hoạch năm 2024 theo Nghị quyết số 02	Tỷ lệ % đạt được so với kế hoạch	Tăng/giảm so với đầu năm	
						Tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Vốn điều lệ	5.399,6	5.399,6	7.505	71,9%	-	-
2	Tổng tài sản	119.832	112.196	116.988	102%	7.636	6,81%
3	Huy động TCKT và dân cư	92.434	87.181	92.027	100%	5.253	6,03%
4	Dư nợ tín dụng (*)	79.916	69.190	79.918	100%	10.726	15,5%
5	Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ tín dụng	1,37%	1,59%	<3%	Đạt	-0,22%	
6	Lợi nhuận trước thuế	1.086	917	1.058	103%	169	18%

(*) Dư nợ tín dụng: Kế hoạch Dư nợ tín dụng năm 2024 theo Nghị quyết số 02 được điều chỉnh theo hạn mức tăng trưởng tín dụng năm 2024 được NHNN giao tại công văn 10167.

Như vậy, ngoài chỉ tiêu tăng vốn điều lệ trong năm 2024 chưa đạt kế hoạch, về cơ bản HĐQT và TGD đã hoàn thành một số chỉ tiêu kinh doanh năm 2024 được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 02.

II. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc năm 2024.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành. Tổng Giám đốc đã kịp thời triển khai các định hướng chiến lược, chỉ đạo của HĐQT thông qua công tác quản trị điều hành trong Ban TGD đến các Khối/Phòng nghiệp vụ và các Đơn vị kinh doanh trong toàn hệ thống.

Thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Hội đồng Quản trị tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng/quý để thực hiện nhiệm vụ và triển khai công việc của các thành viên HĐQT. Năm 2024, HĐQT đã chỉ đạo TGD triển khai đầy đủ, đúng định hướng và mục tiêu kinh doanh của VAB được ĐHĐCĐ thông qua. Quá trình chỉ đạo hoạt động của Ngân hàng, HĐQT luôn hỗ trợ tạo điều kiện cho TGD hoàn thành kế hoạch kinh doanh, củng cố bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng tài sản, tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 và Thông tư 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 (sau đây gọi chung là Thông tư 13) và đưa ra các giải pháp xử lý kịp thời đối với các tình huống có khó khăn, vướng mắc.

Hội đồng Quản trị có bộ máy giúp việc là các Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Chiến lược... nhằm thực hiện vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc đưa ra các quyết định trong từng lĩnh vực cụ thể.

- Năm qua, HĐQT đã chỉ đạo TGD thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy định nội bộ của VAB để phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng các yêu cầu về hoạt động quản trị điều hành theo Luật các TCTD 2024, Thông tư 13. Công tác giám sát của HĐQT, TGD thông qua hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT và các Hội đồng thuộc TGD.

- Tiếp tục phát triển hệ thống công nghệ thông tin để thực hiện tốt mục tiêu Ngân hàng số; đưa ra thị trường các sản phẩm số hóa tăng trải nghiệm của khách hàng như: Chuyển tiền bằng mã QRCode, hoàn thành triển khai eKYC; hoàn thành nâng cấp corebanking để hoạt động Ngân hàng an toàn, chuyên nghiệp, phù hợp với quy mô hoạt động VAB và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

III. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát.

Trên cơ sở định hướng phát triển của Ngân hàng năm 2024, BKS đã triển khai công tác kiểm soát, giám sát theo chức năng của mình đối với hoạt động của HĐQT và TGD, cụ thể:

- Giám sát việc thực hiện triển khai Nghị quyết đã được Đại hội thông qua của HĐQT và TGD.

- Giám sát, theo dõi các hoạt động của ngân hàng, phát hiện và thông báo kịp thời những tồn tại, bất cập trong quá trình hoạt động và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

- Thông qua hệ thống thông tin quản lý nội bộ, BKS đã giám sát việc thực hiện các quy định của NHNN liên quan đến các giới hạn, các tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn, xử lý nợ xấu, thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. Ngoài ra, BKS còn giám sát các hoạt động kinh doanh chính như huy động vốn, sử dụng vốn, chất lượng tín dụng, công tác quản trị điều hành của Giám đốc các Đơn vị kinh doanh....

- Ban Kiểm soát tham dự toàn bộ các phiên họp định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của TGD và tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tại các phiên họp, BKS đã thông báo kết quả giám sát, tham gia thảo luận và có ý kiến đối với các nội dung trong cuộc họp. Đồng thời, BKS cũng đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, TGD các biện pháp tăng cường kiểm soát, sửa đổi/hoàn thiện quy trình, quy định nội bộ... nhằm tuân thủ các quy định pháp luật, giảm thiểu rủi ro, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động cho Ngân hàng.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiều hoạt động thường xuyên, đột xuất khác như: giám sát việc xin ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành VAB; giám sát tình hình thực hiện Phương án cơ cấu lại VAB; tham gia ý kiến xây dựng văn bản nội bộ của VAB.

- Rà soát để hoàn thiện hoạt động của BKS và kiểm toán nội bộ theo kết luận của Thống đốc NHNN tại Thông báo số 273/TB-NHNN ngày 31/8/2023 và Thông báo số 400/TB-NHNN ngày 15/11/2024.

- Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc, phối hợp với công ty kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB, trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp đại hội thường niên.

- Năm 2024, BKS đã chỉ đạo sát sao công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được duyệt; xem xét kết quả kiểm toán và kết quả giám sát từ xa, đánh giá kết quả khắc phục sau thanh tra, sau kiểm toán nội bộ của các Đơn vị trong toàn hệ thống.

- Trực tiếp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ (KTNB) thực hiện kế hoạch kiểm toán hàng năm và kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của HĐQT và/hoặc của TGD; chỉ đạo KTNB thường xuyên cập nhật đánh giá rủi ro tại các đơn vị kinh doanh nhằm điều chỉnh kế hoạch kiểm toán phù hợp tình hình thực tế. Ngoài các cuộc kiểm toán định kỳ theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất, Phòng KTNB còn hỗ trợ các đơn vị trong toàn hệ thống trong công tác thanh tra, kiểm tra của NHNN.

- Cơ chế phối hợp giữa BKS với HĐQT, TGD luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ đầy đủ các quy định nội bộ của VAB và quy định pháp luật; cùng chung mục tiêu giúp VAB tăng trưởng bền vững. Mặt khác, HĐQT và TGD cũng tạo điều kiện để BKS thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình.

- Trong năm, BKS đã chỉ đạo KTNB tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống các quy định nội bộ liên quan về quy trình kiểm toán, phương pháp kiểm toán phù hợp với quy định của pháp luật nhằm hoàn thành tốt chức năng đánh giá độc lập việc tuân thủ cơ chế, chính sách, quy định nội bộ của hệ thống kiểm soát nội bộ theo Thông tư 13.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Năm 2024, số lượng thành viên BKS VAB nhiệm kỳ 2023 – 2028 gồm 03 thành viên, tuân thủ quy định tại khoản 2 điều 44 Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) năm 2010 bao gồm 01 Trưởng Ban, 01 Thành viên chuyên trách và 01 Thành viên BKS. Cơ cấu thành phần Ban Kiểm soát tuân thủ theo đúng quy định của Luật các TCTD năm 2010. Theo quy định tại Khoản 8 Điều 210 Luật các TCTD số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024, số lượng và cơ cấu BKS VAB được tiếp tục duy trì cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, trừ trường hợp bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.

Ban Kiểm soát đã phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của BKS, quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS và từng thành viên BKS (theo điều 45, điều 46 Luật các TCTD năm 2010 và điều 52, điều 53 Luật các TCTD năm 2024; Điều 66, điều 67, điều 68 và điều 69 Điều lệ Ngân hàng). Năm 2024, BKS đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên như sau:

- Trưởng Ban Kiểm soát:

✓ Nhiệm vụ được phân công: Chịu trách nhiệm chung; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS; Trực tiếp chỉ đạo hoạt động KTNB.

✓ Đánh giá kết quả hoạt động năm 2024: Hoàn thành nhiệm vụ.

- Đối với 02 Thành viên Ban Kiểm soát:

✓ Nhiệm vụ được phân công: Giám sát hoạt động của HĐQT, TGD trong việc triển khai nghị quyết tại ĐHĐCĐ; phụ trách hoạt động KTNB; Chỉ đạo và theo dõi việc xử lý khắc phục các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng, của Phòng KTNB; Thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng theo định kỳ trình Đại hội; Giám sát hoạt động Công ty con của VAB; Cập nhật danh sách cổ đông lớn, thành viên HĐQT, BKS, TGD và những người có liên quan; Kiểm tra, giám sát các mảng nghiệp vụ khác theo phân công của Trưởng BKS.

✓ Đánh giá kết quả hoạt động năm 2024: Hoàn thành nhiệm vụ.

Các thành viên BKS đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Thành viên BKS đã tham gia giám sát hoạt động KTNB, giám sát các rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ, đưa ra những khuyến nghị kịp thời và cùng TGD giám sát việc thực hiện các khuyến nghị đó.

IV. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của VAB, BKS xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm trong năm 2025 như sau:

1. Thực hiện nhiệm vụ giám sát tính tuân thủ theo quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ của VAB; giám sát HĐQT và TGD trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ giao.

2. Giám sát tình hình thực hiện các kiến nghị/khuyến nghị theo yêu cầu giám sát của Cục Quản lý, giám sát TCTD và của Công ty kiểm toán độc lập; Tiếp tục theo dõi, đôn đốc việc khắc phục các kiến nghị theo yêu cầu của Thanh tra Ngân hàng nhà nước và định hướng hoạt động KTNB theo các nhiệm vụ trọng tâm của công tác thanh tra, giám sát được NHNN chỉ đạo.

3. Giám sát HĐQT trong việc chỉ đạo BDH triển khai thực hiện các nội dung được nêu tại Phương án cơ cấu lại VAB giai đoạn 2021-2025 (PACCL) và báo cáo HĐQT, BKS kịp thời kết quả thực hiện, các tồn tại/khó khăn trong quá trình thực hiện PACCL để có hướng xử lý phù hợp, đảm bảo đến cuối năm 2025 VAB hoàn thành các mục tiêu được nêu tại PACCL.

4. Giám sát các vấn đề liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, khuyến nghị và phối hợp với HĐQT để tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB phù hợp theo quy định tại Thông tư 13 và Thông tư 41 của NHNN, góp phần hạn chế rủi ro, đảm bảo cho hoạt động của Ngân hàng phát triển an toàn và hiệu quả. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản nội bộ phục vụ cho hoạt động của BKS, KTNB phù hợp với quy định tại Luật các TCTD năm 2024 và các văn bản hướng dẫn.

5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm theo quy định và báo cáo ĐHĐCĐ; Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

6. Chỉ đạo Phòng KTNB thực hiện tốt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025, tổ chức các cuộc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu của HĐQT và/hoặc theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và NHNN trong hoạt động thanh tra, giám sát, xử lý các kiến nghị sau thanh tra, sau kiểm toán độc lập.

7. Tiếp tục kiện toàn cơ cấu nhân sự và nâng cao năng lực của KTNB phù hợp với chuẩn mực KTNB theo Thông tư 13, ưu tiên tuyển dụng kiểm toán viên công nghệ thông tin theo quy định; tổ chức tham gia các khóa đào tạo bên ngoài về hoạt động kiểm toán, quản lý rủi ro, ứng dụng công nghệ vào nghiệp vụ kiểm toán.

8. Tăng cường đào tạo nội bộ nghiệp vụ kiểm toán cho đội ngũ kiểm toán viên, hoàn thiện phương pháp giám sát và kiểm toán trên cơ sở nhận diện rủi ro, xác định các vi phạm, rủi ro và trách nhiệm cá nhân đơn vị, cá nhân liên quan theo yêu cầu của NHNN và chuẩn mực Basel II; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc khai thác hệ thống thông tin hỗ trợ công tác giám sát từ xa; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong hoạt động KTNB; tự động hóa quy

trình KTNB nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KTNB tiến tới đáp ứng các yêu cầu về mô hình quản trị rủi ro hiện đại.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả giám sát hoạt động của Ngân hàng năm 2024. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc Quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và chúc Đại hội thành công tốt đẹp!



Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu BKS, VP.HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN KIM PHƯỢNG

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính và Thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản Luật sửa đổi, bổ sung Luật này;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 quy định về Kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á.

Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) kính trình Đại hội đồng Cổ đông VAB thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính và Thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2026, cụ thể như sau:

1. Bối cảnh.

- Theo Điều 59 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: “*Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo*”.

- Theo Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, quy định quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát đối với Công ty đại chúng “*Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết*”.

2. Nội dung Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

Từ các quy định Pháp luật nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông VAB các nội dung cụ thể sau:

2.1 Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán Báo cáo tài chính và Thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2026, cụ thể:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISG;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

2.2 Chấp thuận giao cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập nêu trên để thực hiện dịch vụ kiểm toán cho VAB năm 2026 theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Hoặc lựa chọn 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập khác đáp ứng đầy đủ điều kiện thực hiện kiểm toán Ngân hàng thương mại theo quy định tại Thông tư 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 và thuộc danh sách tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025 và được cập nhật đến thời điểm lựa chọn để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán Báo cáo tài chính và Thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2026 của VAB.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Kim Phụng

Số: /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);
- Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2024 của VAB.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 của VAB đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC. Một số chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng lẻ
1	Tổng tài sản	119.832.036.692.527	119.812.108.516.523
2	Dư nợ tín dụng	79.915.536.116.174	79.915.536.116.174
3	Tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	92.434.420.877.823	92.515.684.325.240
4	Lợi nhuận trước thuế	1.085.661.583.972	1.045.032.618.599
5	Lợi nhuận sau thuế	867.024.901.859	834.521.729.561
6	Vốn điều lệ	5.399.600.430.000	5.399.600.430.000

(Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2024 của VAB và được đăng tải trên website của VAB theo quy định của pháp luật)

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phương Thành Long

Số: /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua mức thù lao năm 2024 và dự kiến mức thù lao năm 2025 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các vấn đề liên quan đến mức thù lao của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

- Quyết toán mức thù lao và thưởng năm 2024 là: 9.075.190.000 đồng (bằng chữ: Chín tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).
- Phê duyệt tổng mức thù lao và thưởng dự kiến năm 2025 của các thành viên HĐQT và BKS là: 12.000.000.000 đồng (bằng chữ: Mười hai tỷ đồng chẵn). Chi phí công vụ và chi phí khác thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của VAB.
- Tổ chức thực hiện:
 - Giao HĐQT, BKS quyết định phân bổ thù lao HĐQT, BKS theo nguyên tắc thống nhất; HĐQT thực hiện dự tính mức thù lao cho từng thành viên HĐQT theo nguyên tắc nhất trí; BKS thực hiện dự tính mức thù lao cho từng thành viên BKS theo nguyên tắc nhất trí.
 - Đại diện VAB ký kết hợp đồng với các thành viên theo quy định của Pháp luật (nếu có).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

Phương Thành Long

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- *Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 của VAB.*

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ):

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của VAB như sau:

DVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2024	1.085.661.583.972
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	218.636.682.113
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	867.024.901.859
4	Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (10%) (*)	86.702.490.185
5	Trích lập quỹ dự phòng tài chính (10%) (**)	86.702.490.185
6	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (1%)	8.670.249.018
6.1	Trích quỹ khen thưởng (0,5%)	4.335.124.509
6.2	Trích quỹ phúc lợi (0,5%)	4.335.124.509
7	Lợi nhuận còn lại sau thuế và trích quỹ năm 2024 [(3)-(4)-(5)-(6)]	684.949.672.471

(*) Trích theo quy định tại Điều 148, Luật các TCTD số 32/2024/QH15.

(**) Trích 10% theo quy định tại Nghị định 93/2017/NĐ-CP.

2. Giao/ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2024 và phương án sử dụng lợi nhuận/các quỹ theo quy định của pháp luật, quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của VAB.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua. 

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT. BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Phương Thành Long

Số: /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 của VAB với một số chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	% tăng trưởng
1	Tổng tài sản	119.832	128.381	7,1%
2	Tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	92.434	101.007	9,3%
3	Dư nợ tín dụng (*)	79.916	88.110	10,3%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.086	1.306	20,3%
5	Vốn điều lệ	5.400	11.582	114,5%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,37%	<3%	-

(*) Dư nợ tín dụng kế hoạch năm 2025 có thể thay đổi phụ thuộc theo hạn mức tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước giao.

Giao/Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế, diễn biến thị trường và theo mức tăng trưởng tín dụng được Ngân hàng Nhà nước giao. HĐQT báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông các nội dung đã thực hiện trong kỳ họp tiếp theo.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phượng Thành Long

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á;
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

Để nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động nhằm mục tiêu phát triển kinh doanh và đáp ứng các chỉ tiêu an toàn hoạt động của VAB; Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025, cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức vốn điều lệ tăng thêm

- Vốn điều lệ hiện tại: 5.399.600.430.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó: Tổng số cổ phần phổ thông là: 539.960.043 (Năm trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi ba) cổ phần, số cổ phần ưu đãi là: 0 (không), số lượng cổ phiếu quỹ là: 0 (không).
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá 6.182.757.280.000 đồng (Sáu nghìn một trăm tám mươi hai tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

- Vốn điều lệ sau khi tăng 11.582.357.710.000 đồng (Mười một nghìn năm trăm tám mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn).

2. Hình thức và phương án phát hành

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: tổng giá trị cổ phiếu dự kiến tăng thêm (theo mệnh giá): 2.850.989.030.000 đồng (Hai nghìn tám trăm năm mươi tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn), tương đương tỷ lệ phát hành tối đa 52,8%.

- Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng chẵn).

- Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (theo mệnh giá): 3.131.768.250.000 đồng (Ba nghìn, một trăm ba mươi một tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn), tương đương tỷ lệ phát hành là 58% số cổ phần tại thời điểm lưu hành.

(Nội dung chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 kèm theo tờ trình này).

3. Thời gian thực hiện phát hành: Thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định dự kiến trong năm 2025 hoặc cho đến khi VAB hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Nguồn lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2024) và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ phù hợp với quy định pháp luật.

- Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: Nguồn từ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

5. Danh sách cổ đông cá nhân và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu trên 5% so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: Danh sách cổ đông là tổ chức và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu trên 10% so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần trên 15% so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: (Chi tiết theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 kèm theo tờ trình này).

6. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 và dự kiến sau khi tăng vốn: (Chi tiết theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 kèm theo tờ trình này).

7. Đăng ký cổ phiếu, đăng ký giao dịch bổ sung

Đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu được thực hiện tại Sở giao dịch chứng

khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) sau khi hoàn thành việc niêm yết trên sàn chứng khoán.

8. Kế hoạch sử dụng vốn và kế hoạch kinh doanh dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ.
(Thông tin chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 kèm theo tờ trình này).

II. NỘI DUNG KINH TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trên cơ sở các nội dung trình bày nêu trên, HĐQT kính trình Đại hội đồng Cổ đông:

1. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 với số vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ năm 2025 là: 11.582.357.710.000 đồng (Mười một nghìn năm trăm tám mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn).
2. Đồng thời để thuận lợi cho quá trình triển khai công việc nhanh chóng, hiệu quả, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị hiệu chỉnh/hoàn chỉnh và/hoặc phê duyệt toàn bộ Phương án tăng vốn điều lệ nêu trên (nếu phải chỉnh sửa), phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, đồng thời tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật. Bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động, xây dựng và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động; Quyết định tiêu chuẩn, các thỏa thuận, cam kết và danh sách thành viên đủ điều kiện tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ theo thực tế triển khai và theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xây dựng, chỉnh sửa và giải trình hồ sơ, thủ tục liên quan đến đợt phát hành theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị quyết định triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan, quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định pháp luật và quy định nội bộ.
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên;

- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục xin chấp thuận, đăng ký tăng vốn điều lệ liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên tại Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện thay đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của VAB theo quy định của pháp luật.
- Chủ động quyết định các nội dung, công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua. 

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH 

Phương Thành Long

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2025

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2025

(Kèm theo tờ trình số: .../2025/TTr-HĐQT)

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành "Luật các TCTD";
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 "Luật Doanh nghiệp";
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 "Luật Chứng khoán";
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Nâng cao năng lực tài chính, quy mô và chất lượng tài sản sinh lời, tăng cường khả năng đầu tư tài sản và đầu tư kinh doanh, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho chiến lược mở rộng hoạt động của VAB.
- Tăng cường năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập và mở cửa lĩnh vực ngân hàng – tài chính, nâng cao khả năng chống đỡ với các rủi ro trong hoạt động và đáp ứng ngày càng tốt hơn các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động.
- Mở rộng, nâng cấp hệ thống mạng lưới các Chi nhánh, Phòng giao dịch; Đầu tư vào các dự án chiến lược của ngân hàng.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến

1.1. Mức vốn điều lệ tăng thêm

Vốn điều lệ hiện tại:	5.399.600.430.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó, tổng số cổ phần phổ thông là: 539.960.043 (Năm trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi ba) cổ phần, số cổ phần ưu đãi là: 0 (không), số lượng cổ phiếu quỹ là: 0 (không).
-----------------------	---

Vốn điều lệ tăng thêm	6.182.757.280.000 đồng (Sáu nghìn một trăm tám mươi hai tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).
Vốn điều lệ sau khi tăng:	11.582.357.710.000 đồng (Mười một nghìn năm trăm tám mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn).

1.2. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Nguồn lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (theo kết quả Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024) phù hợp với quy định pháp luật.
- Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động: Nguồn từ chào bán cổ phần cho người lao động VAB.
- Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: Nguồn từ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

1.3. Kế hoạch thực hiện: Thời điểm tăng vốn cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.4. Thời gian dự kiến hoàn thành tăng vốn điều lệ: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày VAB được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ.

2. Chi tiết phương án phát hành.

2.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và lợi nhuận còn lại chưa phân phối:

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Á.
2	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á.
3	Mã cổ phiếu	VAB.
4	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng.
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu.
6	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 285.098.903 cổ phiếu.
7	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	Tối đa 2.850.989.030.000 đồng (Hai nghìn tám trăm năm mươi tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).
8	Mục đích phát hành	Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu
9	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu của VAB tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền.
10	Tỷ lệ thực hiện	Tối đa 52,8%. Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 52,8 cổ phiếu mới.

11	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm khi chia cho các Cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.
12	Nguồn thực hiện	Nguồn lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (theo kết quả Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024) phù hợp với quy định pháp luật.
13	Tổng số cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành	825.058.946 cổ phiếu.
14	Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	8.250.589.460.000 đồng (<i>Tám nghìn hai trăm năm mươi tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn</i>).
15	Thời gian thực hiện dự kiến	Thời gian cụ thể sẽ do HĐQT VAB quyết định sau khi được NHNN và UBCKNN chấp thuận.
16	Thời gian dự kiến hoàn thành	Trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm VAB được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án phát hành.
17	Cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức	VAB cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Cổ phiếu phát hành mới sẽ được đăng ký lưu ký tại VSDC và đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch Upcom hoặc Sở giao dịch chứng khoán theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông và tình hình đăng ký giao dịch/niêm yết chứng khoán của VAB tại thời điểm thực tế triển khai phương án tăng vốn điều lệ.

2.2. Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Á (Ngân hàng VAB)
2	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)
3	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông
4	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Tỷ lệ phát hành	3,70%
7	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành ESOP	20.000.000 cổ phiếu
8	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá cổ phiếu	200.000.000.000 đồng

9	Thời gian dự kiến hoàn thành chương trình ESOP	Trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án phát hành ESOP
10	Đối tượng được mua theo chương trình ESOP	Người lao động của VAB theo danh sách được Hội đồng Quản trị phê duyệt
11	Giá phát hành (dự kiến)	10.000 đồng/cổ phiếu
12	Hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Thời gian hạn chế chuyển nhượng do Hội đồng Quản trị quyết định
13	Phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết	Đối với số lượng cổ phiếu ESOP còn thừa do cá nhân từ chối mua toàn bộ (chỉ mua một phần cổ phiếu được quyền mua hoặc không có nhu cầu mua) hoặc số cổ phiếu lẻ do làm tròn sau khi tính toán phân phối, HĐQT sẽ quyết định phương án xử lý, ưu tiên Công đoàn hoặc các tổ chức đoàn thể của Ngân hàng VAB được mua (nếu có nhu cầu)
14	Chuyển nhượng quyền mua cổ phần ESOP	Cán bộ, nhân viên đủ điều kiện tham gia chương trình ESOP không có nhu cầu mua được phép chuyển nhượng quyền mua cho người khác. Tuy nhiên chỉ được quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho những cá nhân khác có đủ điều kiện tham gia chương trình theo Quy định
15	Xử lý cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP trong trường hợp người lao động nghỉ việc	Do Hội đồng Quản trị quyết định.

2.3. Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:

TT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu NHTMCP Việt Á
2	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông.
3	Mã cổ phiếu	VAB
4	Mệnh giá	10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu.
5	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	Tối đa 313.176.825 cổ phiếu
6	Tỷ lệ thực hiện quyền	100:58 tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 100 quyền mua, 100 quyền mua được quyền mua 58 cổ phiếu mới)

TT	Nội dung	Thông tin
7	Tổng giá trị phát hành dự kiến	3.131.768.250.000 đồng (Ba nghìn, một trăm ba mươi mốt tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)
8	Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành	1.158.235.771 cổ phiếu
9	Vốn điều lệ sau khi phát hành	11.582.357.710.000 đồng (Mười một nghìn năm trăm tám mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn)
10	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ phiếu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp (“Danh sách”)
11	Hình thức phát hành	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
12	Giá phát hành	Dự kiến 10.000 đồng/cổ phiếu
13	Chuyển nhượng quyền mua	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người thứ ba) Cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phần vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 Luật các TCTD số 32/2024/QH15 chuyển nhượng quyền mua đối với phần cổ phần vượt quá tỷ lệ quy định Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thực hiện thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng
14	Phương thức làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông nhận được khi phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) phát sinh sẽ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn phân phối cho các nhà đầu tư khác theo quy định Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 101 cổ phiếu, cổ đông A sẽ được nhận 101 quyền mua, số cổ phiếu

TT	Nội dung	Thông tin
		mới được mua tương ứng với số quyền mua được tính như sau: $101 : 100 \times 58 = 58,58$ cổ phiếu mới. Trường hợp này, Cổ đông Nguyễn Văn A được quyền mua 58 cổ phiếu mới; 0,58 cổ phiếu lẻ sẽ được HĐQT lựa chọn phân phối cho các nhà đầu tư khác phù hợp với quy định.
15	Xử lý cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu của cổ đông có tỷ lệ sở hữu vượt quy định của Luật các TCTD	Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu vượt tỷ lệ thuộc sở hữu của cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu vượt quá quy định của Điều 63 Luật các TCTD số 32/2024/QH15 nhưng không chuyển quyền mua sẽ được HĐQT phân phối lại cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu mua thêm) với giá phát hành không thấp hơn mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu được phát hành Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết: ✓ Có năng lực tài chính tốt, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; ✓ Đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ sở hữu tại quy định của Luật các TCTD số 32/2024/QH15; ✓ Có kinh nghiệm tư vấn, hỗ trợ Ngân hàng về mặt quản trị điều hành, thị trường, kỹ thuật, công nghệ và hỗ trợ Ngân hàng phát triển hoạt động kinh doanh; ✓ Nhà đầu tư đáp ứng quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp năm 2020. Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền, cổ phiếu lẻ đáp ứng các quy định tại Khoản 3 Điều 42 nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trong trường hợp HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu này sẽ được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành
16	Chào mua công khai	Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc Nhà đầu tư khi thực hiện mua số cổ phiếu do cổ đông không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ không

TT	Nội dung	Thông tin
		phải thực hiện thủ tục chào mua công khai trong trường hợp Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán
17	Hạn chế chuyển nhượng	- Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng - Số cổ phiếu lẻ được HĐQT phân phối lại cho nhà đầu tư khác sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 4 điều 42 nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán - Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 điều 42 nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
18	Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2025
19	Đăng ký và Niêm yết cổ phần phát hành thêm	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tập trung và đăng ký niêm yết bổ sung theo đúng quy định

2.4. Thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	BCTC riêng lẻ	BCTC hợp nhất	Số tiền sử dụng để tăng VDL
1	Vốn chủ sở hữu	8.797.270.267.902	8.856.677.552.392	
1	Vốn của tổ chức tín dụng	5.399.712.500.351	5.399.712.500.351	
1.1	Vốn điều lệ	5.399.600.430.000	5.399.600.430.000	
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	98.600.000	98.600.000	
1.3	Vốn khác	13.470.351	13.470.351	
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	608.958.168.929	620.146.137.521	
2.1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	160.197.399.565	163.926.722.429	
2.2	Quỹ dự phòng tài chính	448.760.769.364	456.219.415.092	
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	

TT	Chi tiêu	BCTC riêng lẻ	BCTC hợp nhất	Số tiền sử dụng để tăng VDL
4	Lợi nhuận chưa phân phối	2.788.599.598.622	2.836.818.914.520	
4.1	<i>Lợi nhuận năm trước chưa chia</i>	<i>1.954.077.869.061</i>	<i>1.969.794.012.661</i>	
4.2	<i>Lợi nhuận tăng trong năm</i>	<i>834.521.729.561</i>	<i>867.024.901.859</i>	
5	Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận	182.075.229.388	182.075.229.388	
5.1	<i>Quỹ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>86.702.490.185</i>	<i>86.702.490.185</i>	
5.2	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>86.702.490.185</i>	<i>86.702.490.185</i>	
5.3	<i>Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi</i>	<i>8.670.249.018</i>	<i>8.670.249.018</i>	
6	Nguồn có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	2.853.424.258.983	2.905.372.897.745	2.850.989.030.000
6.1	<i>Nguồn từ Lợi nhuận chưa chia</i>	<i>2.606.524.369.233</i>	<i>2.654.743.685.131</i>	<i>2.604.089.140.250</i>
6.2	<i>Nguồn từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>246.899.889.750</i>	<i>250.629.212.614</i>	<i>246.899.889.750</i>

- Như vậy, nguồn vốn còn lại có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của VAB là 2.853.424.258.983 đồng (theo báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2024 của VAB đã được kiểm toán). Nguồn vốn để thực hiện tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không vượt quá nguồn có thể sử dụng để tăng vốn điều lệ trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2024 của VAB đã được kiểm toán.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của VAB là nguồn lợi nhuận giữ lại sau khi VAB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập đủ các quỹ của Ngân hàng theo quy định và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB; đồng thời, ngay sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, VAB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Do đó, việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của VAB đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản khác có liên quan.

2.5. Danh sách cổ đông cá nhân và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu trên 5% so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông là tổ chức và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu trên 10% so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần trên 15% so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: *Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 đính kèm.*

2.6. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 và dự kiến sau khi tăng vốn: *Phụ lục 03 đính kèm.*

- Thông tin, số liệu trình bày tại mục 2.2 và 2.3 của Phương án tăng vốn điều lệ 2025 tạm tính theo thông tin do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025 và

VAB sẽ cập nhật chính xác tại thời điểm VAB chính thức thực hiện Phương án tăng vốn năm 2025 sau khi được ĐHCĐ thông qua và nhận được thông tin danh sách từ VSDC.

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Bảng cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng /Giảm	%Tăng /Giảm
TÀI SẢN				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	333	347	14	4,3%
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.308	1.729	421	32,2%
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	17.689	11.949	(5.740)	-32,5%
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản TC khác	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (bao gồm dự phòng rủi ro)	79.157	86.707	7.550	9,5%
Chứng khoán đầu tư	14.133	18.885	4.752	33,6%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	83	83	-	-0,5%
Tài sản cố định	236	260	24	10,0%
Tài sản Có khác	6.894	8.422	1.528	22,2%
TỔNG TÀI SẢN CÓ	119.833	128.381	8.548	7,1%
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	2.089	2.000	(89)	-4,3%
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	14.106	10.995	(3.111)	-22,1%
Tiền gửi của khách hàng	90.289	97.007	6.718	7,4%
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ TC khác	9	-	(9)	-100%
Phát hành giấy tờ có giá	2.145	4.000	1.855	86,5%
Các khoản nợ khác	2.338	1.205	(1.133)	-48,4%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	110.976	115.207	4.231	3,8%
Vốn chủ sở hữu	8.857	13.174	4.317	48,7%
Vốn của tổ chức tín dụng	5.400	11.582	6.182	114,5%
Vốn điều lệ	5.400	11.582	6.182	114,5%
Quỹ của tổ chức tín dụng	620	547	(73)	-11,8%
Lợi nhuận chưa phân phối	2.837	1.045	-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	119.834	128.381	8.547	7,1%

2. Một số chỉ số an toàn hoạt động năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
2.1. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (TT41)		
Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	9,26%	≥ 8%
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	9,32%	≥ 8%
2.2. Giới hạn cấp tín dụng		
Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng/vốn tự có	9,29%	≤ 14%
Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan/vốn tự có	17,60%	≤ 23%

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thực hiện 2024</i>	<i>Kế hoạch 2025</i>
2.3. Tỷ lệ về khả năng chi trả		
<i>Tỷ lệ dự trữ thanh khoản</i>	12,41%	≥ 10%
<i>Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam</i>	57,37%	≥ 50%
2.4. Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn	12,02%	≤ 30%
2.5. Tối đa mua đầu tư trái phiếu Chính phủ so với nguồn vốn ngắn hạn bình quân tháng liền kề trước	5,12%	≤ 30%
2.6. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần		
<i>Mức góp vốn, mua cổ phần của VAB và các công ty con, công ty liên kết /VDL của doanh nghiệp nhận vốn góp</i>	≤ 11%	≤ 11%
<i>Tổng mức góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp / Vốn điều lệ và quỹ dự trữ của VAB</i>	11,38%	≤ 40%
2.7. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	76,44%	≤ 85%

- Ngoài các chỉ tiêu tỷ lệ bảo đảm an toàn nêu trên, VAB cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định khác của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

3. Khả năng quản trị, giám sát của VAB

- Vốn điều lệ tăng thêm đòi hỏi công tác quản trị, quản lý, giám sát của VAB cũng phải nâng lên một tầm cao mới. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đều có uy tín, trình độ, kinh nghiệm quản trị ngân hàng và có nhiều tâm huyết, đóng góp vào sự phát triển của ngân hàng. VAB luôn đảm bảo số lượng thành viên HĐQT và thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các mảng hoạt động của Ngân hàng nhằm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của ngành. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ thường trực. Với cơ chế quản trị và điều hành thống nhất, phối hợp thường xuyên và hiệu quả giữa hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh là yếu tố quan trọng giúp VAB phát triển nhanh và vững chắc.

- VAB đã thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát toàn bộ công tác quản trị rủi ro trên mọi lĩnh vực hoạt động của ngân hàng. Đồng thời, tham mưu cho HĐQT các chính sách, biện pháp khắc phục và phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành Ngân hàng. Ủy ban ALCO của VAB thực hiện việc quản trị rủi ro hoạt động, thanh khoản, lãi suất, đầu tư.

- Ban Kiểm soát hoạt động độc lập, có bộ phận giúp việc là kiểm toán nội bộ. Phòng Kiểm toán nội bộ kiểm tra, giám sát hoạt động của từng bộ phận nghiệp vụ/đơn vị kinh doanh và đã kiến nghị, đưa ra các ý kiến để Ban điều hành kịp thời có các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục trong hoạt động ngân hàng.

- Ban điều hành VAB là những người có năng lực và kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, hoạt động điều hành việc thực hiện kế hoạch kinh doanh một cách tập trung và đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời. Ngoài ra, Khối Quản trị rủi ro thực hiện việc phân

tích, đánh giá và đưa ra những đề xuất cho công tác kiểm soát rủi ro của ngân hàng trong từng hoạt động nghiệp vụ.

- Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát có năng lực, đoàn kết, có ý thức chấp hành luật pháp và luôn có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản trị và điều hành hoạt động của VAB.

- Hiện nay, hệ thống công nghệ thông tin của VAB đã được trang bị phần mềm lõi CoreBanking, liên tục được nâng cấp và hoàn chỉnh để đáp ứng tối đa các ứng dụng của công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng.

Chào *tu*

PHỤ LỤC 1A

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU TĂNG VỐN

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCC D/HC/Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn		Dự kiến sau tăng vốn		Ghi chú
				Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
	Không phát sinh					Tối đa 5%	Tối đa 5%	
Tổng cộng								

PHỤ LỤC 1B

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 10% TRỞ LÊN
SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN
SAU TĂNG VỐN**

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD/ HC/ Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn		Dự kiến sau tăng vốn		Ghi chú
				Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
1	Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương			12,21	12,21	Tối đa 10%	Tối đa 10%	Tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu
Tổng cộng				12,21	12,21	Tối đa 10%	Tối đa 10%	Tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 15% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU TĂNG VỐN

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCC D/HC/ Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn		Dự kiến sau tăng vốn		Ghi chú
				Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
1	Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương và người liên quan			17,49	17,49	Tối đa 15%	Tối đa 15%	Tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu
2	Cổ đông Phương Hữu Việt và người có liên quan			17,28	17,28	Tối đa 15%	Tối đa 15%	Tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu



PHỤ LỤC 3

THÔNG TIN VỀ TỔNG MỨC SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI THỜI ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VAB THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2025 VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD /HC/Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn		Dự kiến sau tăng vốn		Ghi chú
				Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
1	Cổ đông cá nhân			0,01	0,01	0,01	0,01	
2	Cổ đông tổ chức			0,22	0,22	0,21	0,21	
Tổng cộng				0,23	0,23	0,22	0,22	Tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu

Số: /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

*V/v: Niêm yết cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á
tại Sở giao dịch Chứng khoán*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025";

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Căn cứ Phương án cơ cấu lại VAB gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 -2025;

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025", đến năm 2025 hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu của các ngân hàng thương mại cổ phần trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Dự báo tình hình kinh tế năm 2025 sẽ có nhiều thuận lợi, thị trường chứng khoán sẽ khởi sắc, tăng cường tính minh bạch và củng cố niềm tin của nhà đầu tư. Nhằm nâng cao uy tín, vị thế, thương hiệu của VAB; tạo thuận lợi cho việc giao dịch cổ phiếu VAB của các cổ đông; đồng thời tranh thủ cơ hội thu hút nguồn vốn đầu tư thúc đẩy hoạt động của Ngân hàng cũng như đẩy mạnh hình ảnh của VAB tới các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua việc niêm yết toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của VAB (sau khi được các Cơ quan quản lý Nhà nước chấp thuận) tại Sở giao dịch Chứng khoán khi điều kiện thị trường thuận lợi và theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.

II. Giao Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để thực hiện đăng ký niêm yết cổ phiếu; tổ chức thực hiện tất cả các thủ tục và ký kết các giấy tờ liên quan đến việc hủy đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

1. Lựa chọn tổ chức tư vấn phù hợp theo quy định pháp luật để tư vấn niêm yết cổ phiếu (bao gồm việc tư vấn hồ sơ đăng ký niêm yết);
2. Quyết định ký kết các văn bản liên quan để thực hiện niêm yết cổ phiếu;
3. Quyết định sửa đổi, bổ sung, giải trình toàn bộ các nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc niêm yết (bao gồm các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong tờ trình này, nếu có);
4. Quyết định giá niêm yết dự kiến (giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên) và thời điểm niêm yết cổ phiếu;
5. Quyết định thời điểm và thủ tục hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á trên hệ thống giao dịch UpCom sau khi có quyết định chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán;
6. Quyết định các nội dung khác phát sinh để hoàn tất việc thực hiện niêm yết cổ phiếu Ngân hàng Việt Á theo quy định pháp luật.

Hội đồng Quản trị sẽ báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên tại kỳ họp tiếp theo.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phương Thành Long

Số: /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v Niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành ra công chúng

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 26/11/2019 ("Luật chứng khoán");
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ("Nghị định 155");
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc niêm yết trái phiếu VAB phát hành ra công chúng như sau:

1. Thông qua việc niêm yết trái phiếu do Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành ra công chúng trong khoảng thời gian từ ngày hoàn thành tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên VAB năm 2025 đến ngày hoàn thành tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên VAB năm 2026 phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan;
2. Giao/ Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị toàn quyền quyết định và chỉ đạo tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc niêm yết trái phiếu do VAB phát hành ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua. 

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Phượng Thành Long

NGÂN HÀNG TMCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VIỆT Á

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2025/TT-ĐHQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC);
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB"),

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ VAB, cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi và ban hành:

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành đến thời điểm hiện tại, căn cứ yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, do vậy việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VAB là cần thiết dựa trên các cơ sở:

- Đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn mới do Ngân hàng Nhà nước ban hành.
- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến Luật doanh nghiệp cũng như hoạt động của công ty đại chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung và ban hành mới:

- Nội dung sửa đổi các Điều/Khoản của Điều lệ: theo nội dung tại Bảng so sánh Điều lệ 2024 và sau khi sửa đổi - đính kèm Tờ trình này.

3. Nội dung trình phê duyệt của Hội đồng Quản trị:

Từ các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

- Phê duyệt thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB;
- Chấp thuận giao Hội đồng quản trị thực hiện các công việc như sau:
 - Ký ban hành Điều lệ VAB theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông 2025 thông qua tại cuộc họp;

- (ii) Rà soát, điều chỉnh/cập nhật nội dung Điều lệ VAB đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và/hoặc quyết định/chỉ đạo của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - (iii) Thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại trang thông tin điện tử chính thức(website) của VAB. Đối với nội dung này, Hội đồng quản trị được quyền giao lại cho Tổng Giám đốc VAB thực hiện.
- c. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 các nội dung đã được cập nhật, bổ sung, tại Điều lệ VAB 2025 (trong trường hợp có phát sinh).

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phương Thành Long

**BẢNG SO SÁNH ĐIỀU LỆ VAB
NĂM 2024 VÀ DỰ THẢO SỬA ĐỔI 2025**

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
1.	Điều 1	Khoản 13	13. “Người điều hành VAB” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.	13. “Người điều hành VAB” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương các vị trí này theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.	Sửa đổi làm rõ định nghĩa người điều hành
2.	Điều 1	Khoản 14	14. “Người quản lý VAB” bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh tương đương khác của VAB.	14. “Người quản lý VAB” bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh tương đương khác của VAB.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với khoản 26 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng 2024
3.	Điều 1	Khoản 16	Chưa có	15. “Người nội bộ VAB” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin	Bổ sung phù hợp với khoản 45 Điều 4 Luật chứng khoán
4.	Điều 1	Khoản 23	23. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, thẻ Căn cước Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.	23. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, thẻ Căn cước Giấy chứng minh nhân dân , Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.	Loại bỏ chứng từ chứng minh nhân dân là loại chứng từ pháp lý đã hết hiệu lực sử dụng theo Luật căn cước 2023

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
5.	Điều 1	Khoản 25	Chưa có	VSDC" là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	Bổ sung định nghĩa viết tắt của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
6.	Điều 3	Khoản 2	Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Yên Kiêu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Điều chỉnh theo Quyết định 38/QĐ-TTGSNH2 ngày 13/2/2025 của Ngân hàng Nhà nước
7.	Điều 5	Khoản 1	VAB có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch hội đồng quản trị	VAB có một Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định và gửi thông báo tới Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ	Để linh hoạt trong trường hợp cần điều chỉnh người đại diện theo pháp luật, kiến nghị điều chỉnh thành: "Người đại diện theo pháp luật của VAB là Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc". việc xác định người đại diện theo Pháp luật cụ thể từng thời kỳ sẽ theo văn bản cáo cáo của VAB gửi NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 11 Luật các TCTD 2024
8.	Điều 7	Khoản 2	Điều 7. Mục tiêu hoạt động	Điều 7. Mục tiêu hoạt động	Bổ sung nguyên tắc hoạt động theo giấy phép của VAB theo quy định của

STT	Điều khoản sửa đổi chính	Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
		Lĩnh vực kinh doanh của VAB là hoạt động tài chính, ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan	Lĩnh vực kinh doanh của VAB là hoạt động tài chính, ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của VAB được ghi trong Giấy phép hoặc văn bản khác do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VAB.	Luật các tổ chức tín dụng
9.	Điều 8	Điều 8. Nội dung và phạm vi hoạt động 1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. 2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước; e) Thư tín dụng. 3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng. 4. Cung ứng các phương tiện thanh toán. 5. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;	Điều 8. Nội dung và phạm vi hoạt động 1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. 2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi. 3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước; e) Thư tín dụng; f) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước 4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng. 5. Cung ứng các phương tiện thanh toán. 6. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu,	Điều chỉnh lại theo quy định Luật các TCTD 2024 và Bổ sung dự trù trường hợp VAB có cấp đổi/hồ sung giấy phép hoạt động trong năm 2025

STT	Điều khoản sửa đổi chính	Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
		b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. 6. Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; c) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối. 7. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. 8. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. 9. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. 10. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ. 11. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp. 12. Dịch vụ môi giới tiền tệ.	ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. 7. Mở tài khoản của VAB: a) Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này; b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; c) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối. 8. Hoạt động vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của VAB: a) VAB được vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. b) VAB được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. c) VAB được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. d) VAB được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.	

STT	Điều khoản sửa đổi chính	Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
		13. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 14. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 15. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 16. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 17. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 18. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. 19. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản.	9. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán: a) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. b) VAB được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. 10. VAB được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây: a) Ngoại hối; b) Các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý: a) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng; b) Hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. 12. VAB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản; c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có	

STT	Điều khoản sửa đổi chính	Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
		20. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng. 21. Kinh doanh mua, bán vàng miếng. 22. Mua nợ. 23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ. 24. Ví điện tử. 25. Các hoạt động khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan. Hoạt động của VAB có thể được điều chỉnh theo các quy định pháp luật, quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ	giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 13 Điều này; d) Dịch vụ môi giới tiền tệ; e) Kinh doanh vàng; f) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép. 13. VAB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan: a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; b) Phát hành trái phiếu; d) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát; c) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 14. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 15. Mua nợ. 16. Ví điện tử. 17. Các hoạt động khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan. 18. Nội dung, phạm vi hoạt động của VAB được ghi nhận cụ thể theo Giấy phép hoạt động do NHNN cấp đồng thời hoạt động của	

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
				VAB có thể được điều chỉnh theo giấy phép hoạt động, các quy định pháp luật, quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.	
10.	Điều 9	Khoản 8	Điều 9. Góp vốn, mua Cổ phần 8. VAB không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của chính VAB	Điều 9. Góp vốn, mua Cổ phần 8. VAB, công ty con của VAB không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây: a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của VAB; b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của VAB khác là cổ đông của chính VAB	Làm rõ theo quy định tại Điều 111 Luật các tổ chức tín dụng
11.	Điều 11	Khoản 4	Điều 11. Vốn điều lệ của VAB 4. Trong quá trình hoạt động, VAB phải đảm bảo duy trì mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, VAB phải công bố công khai số vốn điều lệ mới	Điều 11. Vốn điều lệ của VAB 4. Trong quá trình hoạt động, VAB phải đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, VAB phải công bố công khai số vốn điều lệ mới.	Điều chỉnh từ ngữ theo Điều 28 Luật các tổ chức tín dụng
12.	Điều 12	Khoản 3, Khoản 4	Điều 12. Thay đổi Vốn điều lệ 3. Sau khi đã hoàn tất việc thay đổi mức Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, VAB phải có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) về kết quả thực hiện thay đổi mức vốn điều lệ. 4. Vốn điều lệ của VAB có thể được tăng từ các nguồn sau:	Điều 12. Thay đổi Vốn điều lệ 3. Sau khi đã hoàn tất việc thay đổi mức Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, VAB phải có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) về kết quả thực hiện thay đổi mức vốn điều lệ. 4. Vốn điều lệ của VAB có thể được tăng từ các nguồn sau:	Điều chỉnh vi cơ cấu NHNN thay đổi cũng như chỉnh sửa từ ngữ theo quy định tại Thông tư 34/2025/TT-NHNN

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; b) Quỹ thặng dư vốn Cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật; c) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ; d) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông; e) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.	a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; b) Quỹ thặng dư vốn Cổ phần; lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật; c) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ; d) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông; e) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.	
13.	Điều 21	Khoản 2	Điều 21. Chuyển nhượng Cổ phần 2. Việc chuyển nhượng Cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng, Giấy tờ chuyển nhượng Cổ phần phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số Cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và VAB phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần đã chuyển nhượng và số Cổ phần còn lại. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán	Bãi bỏ	Bãi bỏ phù hợp với tình hình thực tế VAB đã thực hiện niêm yết cổ phiếu
14.	Điều 21	Khoản 5	Điều 21. Chuyển nhượng Cổ phần 5. Trường hợp chuyển nhượng Cổ phần của Cổ đông lớn, chuyển nhượng Cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành Cổ đông thường	Điều 21. Chuyển nhượng Cổ phần 4. Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được	Điều chỉnh theo quy định Điều 37 Luật các tổ chức tín dụng

STT	Điều khoản sửa đổi chính	Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
		và ngược lại phải được sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi chuyển nhượng	sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi chuyển nhượng	
15.	Điều 23	Điều 23. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông 1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại Điều này. 2. VAB phải mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Điều này với giá do Hội đồng Quản trị quyết định trong thời hạn 90 (Chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. VAB giới thiệu ít nhất 3 (Ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. 3. VAB mua lại cổ phiếu của Người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của VAB, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức,	Điều 23. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông 1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại Cổ phần của mình. 2. VAB mua lại cổ phiếu của Người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của VAB, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn của chủ sở hữu. 3. VAB chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần. 4. Việc mua lại cổ phần của cổ đông của VAB phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	Điều chỉnh phù hợp theo quy định tại Thông tư 34/2024/TT-NHNN

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn của chủ sở hữu		
16.	Điều 24	Khoản 3,4	Điều 24. Mua lại Cổ phần theo quyết định của VAB 3. VAB có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong VAB. Trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của VAB phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho VAB. Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi văn bản chào bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ Trụ sở chính của VAB trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ liên lạc của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. VAB chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên	Điều 24. Mua lại Cổ phần theo quyết định của VAB 3. VAB chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần. 4. Việc mua lại cổ phần của cổ đông của VAB phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước	Điều chỉnh phù hợp theo quy định tại Thông tư 34/2024/TT-NHNN

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
17.	Điều 25	Khoản 1	Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại 1. Ngoài các điều kiện áp dụng đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, VAB chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo Điều 23 và 24 Điều lệ này nếu sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định	Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại 1. Ngoài các điều kiện áp dụng đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, VAB chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo Điều 23 và 24 Điều lệ này nếu sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần	Điều chỉnh phù hợp theo quy định tại Thông tư 34/2024/TT-NHNN
18.	Điều 29	Khoản 4, khoản 5	Điều 29. Đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông 4. Xác lập danh sách Cổ đông: a) VAB quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông và phải đảm bảo Cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với VAB trước thời điểm nói trên 5. VAB phải cập nhật kịp thời thay đổi Cổ đông trong sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan	Điều 29. Đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông 4. Xác lập danh sách Cổ đông: a) VAB quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông theo quy định pháp luật. 5. VAB phải hỗ trợ cập nhật kịp thời thay đổi Cổ đông trong sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan và quy định pháp luật hiện hành	Điều chỉnh nội dung thực hiện bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật.
19.	Điều 30	Khoản 7	Điều 30. Quyền của Cổ đông Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp	Điều 30. Quyền của Cổ đông Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp	Điều chỉnh để thuận tiện về mặt thời gian hơn trong trường hợp số ứng cử viên đề cử HĐQT, BKS bị thiếu. Cổ đông không bị mất các quyền lợi liên quan vì đã có

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và cổ đông khác đề cử	số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị (đối với ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị), Ban Kiểm soát (đối với ứng viên thành viên Ban Kiểm soát) đề cử.	quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT, BKS từ đầu.
20.	Điều 31	Khoản 1	Điều 31. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông Chưa có	Điều 31. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông j) Có nghĩa vụ thực hiện cung cấp các thông tin của theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật trong từng thời kỳ	Bổ sung nghĩa vụ phải cung cấp thông tin của cổ đông theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật từng thời kỳ
21.	Điều 33	Khoản 1	Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông 1. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau: a) Thông qua định hướng phát triển của VAB theo đề xuất của Hội đồng Quản trị; b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB; d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.	Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông 1. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau: a) Thông qua định hướng phát triển của VAB; b) Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB; đ) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này, quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.	Sửa đổi, bổ sung từ ngữ phù hợp với quy định tại Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng
22.	Điều 36	Khoản 2	Điều 36. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông	Điều 36. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông	Sửa đổi bổ sung phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây: d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này (5%);	2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây: d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông.	
23.	Điều 36	Khoản 6	Điều 36. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông 6. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu; dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này; Công việc khác phục vụ cuộc họp	Bãi bỏ	Quy trình triệu tập họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ
24.	Điều 38	Khoản 5	Điều 38. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông 5. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp	Bãi bỏ	Tùy từng vấn đề trong chương trình họp sẽ được phòng/ban/Tiểu ban liên quan phụ trách thêm, theo đó bãi bỏ nội dung này.
25.	Điều 39		Điều 39. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ	Điều 39. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ	Điều chỉnh phù hợp quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020

STT	Điều khoản sửa đổi chính	Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
		đồng có quyền dự họp trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (Hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp... Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp được công bố trên website của VAB để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; Phiếu biểu quyết; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 2. VAB công bố thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của VAB và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VAB niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, và đồng thời, thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, cụ thể:	đồng có quyền dự họp trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (Hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. 2. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b) Phiếu biểu quyết. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp được công bố trên website của VAB để các cổ đông có thể tiếp cận. 3. VAB công bố thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của VAB và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VAB niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, và đồng thời, gửi thông báo mời họp bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông theo quy định pháp luật	

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			a) Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi đến tổ chức lưu ký, VAB; b) Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho VAB bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong VAB, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. 3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VAB; tên, địa chỉ liên lạc của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp		
26.	Điều 40	Khoản 1	Điều 40. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông Chưa có	Điều 40. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo một trong các hình thức sau đây: e) Các phương thức khác phù hợp với quy định pháp luật được VAB thông báo áp dụng	Mở rộng các phương thức phù hợp quy định pháp luật trong trường hợp muốn áp dụng các phương thức dự họp

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
				cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ	khác phù hợp từng thời kỳ.
27.	Điều 40	Khoản 2	2. Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông thì người nhận chuyển nhượng chỉ có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ phần đã chuyển nhượng khi VAB đã thực hiện xong thủ tục xác nhận việc chuyển nhượng Cổ phần và ghi tên người nhận chuyển nhượng vào Sổ đăng ký Cổ đông.	2. Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông thì người nhận chuyển nhượng chỉ có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ phần đã chuyển nhượng khi các bên đã thực hiện xong thủ tục xác nhận việc chuyển nhượng Cổ phần theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ này.	Điều chỉnh phù hợp thực tế khi VAB đã niêm yết cổ phiếu.
28.	Điều 44	Khoản 9	Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận; trừ trường hợp lấy ý kiến đối với vấn đề tại Điều 33.1.b, Điều 33.1.i và Điều 33.1.q Điều lệ này thì trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thông qua phải được số Cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận; trừ trường hợp lấy ý kiến đối với vấn đề tại Điều 33.1.b, Điều 33.1.i và Điều 33.1.q Điều lệ này thì trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	Điều chỉnh làm rõ từ ngữ.
29.	Điều 48	Khoản 3	Điều 48. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc 3. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng	Điều 48. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc 3. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng	Điều chỉnh để thuận tiện về mặt thời gian hơn trong trường hợp số ứng cử viên đề cử HĐQT, BKS bị thiếu. Cổ đông

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập), thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử	Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập), thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị (đối với ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị), Ban Kiểm soát (đối với ứng viên thành viên Ban Kiểm soát) đề cử.	không bị mất các quyền lợi liên quan vì đã có quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT, BKS từ đầu.
30.	Điều 51	Khoản 1	Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị 1. Thông qua phương án huy động vốn.	Bãi bỏ	Sửa đổi bổ sung phù hợp quy định Luật các tổ chức tín dụng
31.	Điều 51	Khoản 5	5. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh của VAB theo quy định của pháp luật trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Đại hội đồng cổ đông; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB	4. Thông qua việc đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của VAB; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.	Sửa đổi theo quy định tại Thông tư 34/2024/TT-NHNN nhằm thuận tiện trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến thay đổi/bổ sung Giấy phép hoạt động của VAB (thẩm quyền sửa đổi bổ sung nội dung hoạt động NHNN cho phép HĐQT của TCTD quyết định)
32.	Điều 51	Khoản 6	6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản	5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản	Làm rõ từ ngữ

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị	trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị	
33.	Điều 51	Khoản 9	9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cổ định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cổ định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cổ định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cổ định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cổ định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cổ định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền, quyết định phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần phù hợp với thực tiễn hoạt động của VAB.	Bổ sung thuận tiện trong quá trình hoạt động của VAB
34.	Điều 51	Khoản 13	Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị 13. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Hội đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con	Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị 12. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; quyết định thay đổi trụ sở chính của công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Hội	Sửa đổi nhằm thuận tiện trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyết định thay đổi trụ sở chính của công ty con VAB.

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
				đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con	
35.	Điều 51	Khoản 31	31. Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác	30. Giám sát Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác	Điều chỉnh phù hợp nguyên tắc tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
36.	Điều 52	Khoản 11	Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 11. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký ban hành các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị.	Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 11. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	Điều chỉnh phù hợp theo quy định tại Điều 71 Luật các Tổ chức tín dụng
37.	Điều 56	Khoản 1, 2	Điều 56. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng Quản trị 1. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau: a) Chết; b) Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ; c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;	Điều 56. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng Quản trị 1. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau: a) Chết; b) Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ; c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;	Làm rõ các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 45, Điều 46 Luật các tổ chức tín dụng

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam; e) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; f) VAB bị thu hồi giấy phép; 2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp : a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị của VAB; c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 (Sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; d) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 55 Điều lệ này. e) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 43, Điều 49 của Điều lệ này; f) Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật	d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam; e) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; f) VAB bị thu hồi giấy phép; g) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật; 2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp : a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị của VAB; b) Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 55 Điều lệ này. d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 43, Điều 49, Điều 55 của Điều lệ này; e) Bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật	
38.	Điều 58	Khoản 11	Điều 58. Hợp Hội đồng Quản trị 11. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng	Điều 58. Hợp Hội đồng Quản trị 11. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng	Bổ sung thuận tiện cho việc Hội đồng quản trị quản lý các hình thức, quy trình, thủ tục thực

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			văn bản, lấy ý kiến thông qua phần mềm luân chuyển hồ sơ trình ký nội bộ và/hoặc các phần mềm/ ứng dụng khác theo quy định của VAB từng thời kỳ và đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	văn bản, lấy ý kiến thông qua phần mềm luân chuyển hồ sơ trình ký nội bộ và/hoặc các phần mềm/ ứng dụng khác theo quy định của VAB từng thời kỳ và đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể hình thức, quy trình, thủ tục thực hiện phù hợp với Điều lệ. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	hiện cuộc họp Hội đồng quản trị
39.	Điều 61	Khoản 4,5,6	Điều 61. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc 4. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc. 5. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của VAB theo sự phân công của Tổng Giám đốc. 6. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật	Điều 61. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc 4. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quyết định cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy chuyên môn nghiệp vụ theo đề nghị của Tổng Giám đốc. 5. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của VAB theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công, ủy quyền. 6. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của VAB, có	Chỉnh sửa từ ngữ làm rõ chức năng nhiệm vụ và trách nhiệm

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
				các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, ủy quyền	
40.	Điều 64	Điểm a Khoản 2	Điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc 2. Phó Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 64.1.a, Điều 64.1.d và Điều 64.1.e	Điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc 2. Phó Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 64.1.a và Điều 64.1.f	Bỏ các tiêu chuẩn và điều kiện liên quan đến Phó Tổng giám đốc không được quy định tại Luật các tổ chức tín dụng 2024
41.	Điều 65	Khoản 2,	Điều 65. Dương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc 2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; b) Không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64.1.b, Điều 64.1.c, Điều 64.1.d và Điều 64.1.e Điều lệ này. c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của VAB; d) Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị; Hội đồng Quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán	Điều 65. Dương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc 2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64.1.b, Điều 64.1.c, Điều 64.1.d và Điều 64.1.e Điều lệ này; b) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của VAB; c) Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị; Hội đồng Quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế;	Làm rõ các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 45, Điều 46 Luật các tổ chức tín dụng

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế; c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật	d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật	
42.	Điều 67	Khoản 6	Điều 67. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VAB	Điều 67. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của NHNN, Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu	Điều chỉnh phù hợp quy định tại Điều 52 Luật các tổ chức tín dụng
43.	Điều 67	Khoản 12	12. Định kỳ hàng năm, Ban Kiểm soát phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến	Lược bỏ	Điều chỉnh phù hợp quy định tại Điều 52 Luật các tổ chức tín dụng

STT	Điều khoản sửa đổi chính	Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
		ngiht, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ		
44.	Điều 72	Điều 72. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: 1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Có đạo đức nghề nghiệp đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; 2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này, các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (Ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán. 3. Không phải người có liên quan của người quản lý VAB; 4. Trưởng ban kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm	Điều 72. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: 1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN; 2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này, các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (Ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán. 3. Không phải người có liên quan của người quản lý VAB; 4. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm	Điều chỉnh từ ngữ phù hợp với quy định tại Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng
45.	Điều 73	Điều 73. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Điều 73. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Điều chỉnh từ ngữ phù hợp với Điều 45, 46 Luật các tổ chức tín dụng

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			1. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau: a) Không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 72.2 Điều lệ này; b) Chết; c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân; d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; e) Tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức chấm dứt; f) VAB bị thu hồi giấy phép. 2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; b) Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 72 Điều lệ này; c) Có đơn xin từ chức (trong đó nếu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật	1. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau: a) Không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 72.2 Điều lệ này; b) Chết; c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân; d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; e) Tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức chấm dứt; f) VAB bị thu hồi giấy phép; g) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật. 2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nếu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; b) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật	
46.	Điều 86	Điểm c, khoản 1	Điều 86. Trích lập các quỹ 1. Lợi nhuận của VAB sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập	Điều 86. Trích lập các quỹ 1. Lợi nhuận của VAB sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với nhu cầu phân phối lợi nhuận của VAB

STT	Điều khoản sửa đổi chính	Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
		doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau: c)Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của VAB	doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau: c)Trích 10% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của VAB	và quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 148 Luật các tổ chức tín dụng.
47.	Điều 88	Điều 88. Chế độ tài chính VAB thực hiện báo cáo tài chính theo các quy định của pháp luật liên quan tới tài chính, thuế, phí và các quy định liên quan khác của pháp luật, đồng thời thực hiện báo cáo tài chính theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt nam đối với các tổ chức tín dụng (ngân hàng thương mại)	Điều 88. Chế độ tài chính VAB tự chủ về tài chính, thực hiện báo cáo tài chính theo các quy định của pháp luật liên quan tới tài chính, thuế, phí và các quy định liên quan khác của pháp luật, đồng thời thực hiện báo cáo tài chính theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt nam đối với các tổ chức tín dụng (ngân hàng thương mại)	Điều chỉnh từ ngữ theo Điều 150 Luật các tổ chức tín dụng
48.	Điều 89	Điều 89. Năm tài chính Năm tài chính: tính từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.	Điều 89. Năm tài chính Năm tài chính của VAB bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.	Điều chỉnh từ ngữ theo Điều 149 Luật các tổ chức tín dụng
49.	Điều 93	Điều 93. Báo cáo 1. VAB phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN và Ủy ban Chứng Khoán. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của VAB chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này. 2. Ngoài các báo cáo quy định tại Điều 93.1, VAB có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau: a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng	Điều 93. Báo cáo 1. VAB phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN và Ủy ban Chứng khoán. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của VAB chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này. 2. Ngoài các báo cáo quy định tại Điều 93.1, VAB có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau:	Điều chỉnh làm rõ từ ngữ

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2024	Nội dung Dự thảo điều lệ 2025	Diễn giải
			ng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VAB; b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của VAB. c) Thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tín dụng; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.	a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VAB; b) Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của VAB; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; c) Thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tín dụng; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.	
50.	Điều 98	Khoản khoản 3	Điều 98. Bộ phận kiểm toán nội bộ 2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong VAB; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm VAB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật . 3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc VAB	Điều 98. Bộ phận kiểm toán nội bộ 2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của tổ chức tín dụng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm VAB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. 3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc VAB.	Sửa đổi từ ngữ phù hợp với quy định tại Điều 58 Luật các tổ chức tín dụng

Tất cả các nội dung sửa đổi được trình bày toàn văn theo Dự thảo Điều lệ 2025 đính kèm

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á
VIETNAM - ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**



VIET A BANK

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

NĂM 2025

MỤC LỤC

Điều 1.	Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	2
Điều 2.	Áp dụng dẫn chiếu	3
Điều 3.	Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB.....	4
Điều 4.	Thời hạn hoạt động	4
Điều 5.	Người đại diện theo pháp luật của VAB.....	4
Điều 6.	Hình thức hoạt động.....	5
Điều 7.	Mục tiêu hoạt động	5
Điều 8.	Nội dung và phạm vi hoạt động.....	5
Điều 9.	Góp vốn, mua Cổ phần	7
Điều 10.	Bảo đảm an toàn trong hoạt động	8
Điều 11.	Vốn điều lệ của VAB.....	9
Điều 12.	Thay đổi Vốn điều lệ.....	9
Điều 13.	Vốn hoạt động của VAB.....	10
Điều 14.	Sử dụng vốn, tài sản.....	10
Điều 15.	Tỷ lệ bảo đảm an toàn.....	10
Điều 16.	Các loại Cổ phần	11
Điều 17.	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần	12
Điều 18.	Cổ phiếu.....	13
Điều 19.	Chứng chỉ chứng khoán khác.....	13
Điều 20.	Chào bán Cổ phần.....	14
Điều 21.	Chuyển nhượng Cổ phần	14
Điều 22.	Thu hồi Cổ phần.....	15
Điều 23.	Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông	16
Điều 24.	Mua lại Cổ phần theo quyết định của VAB.....	16
Điều 25.	Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại	17
Điều 26.	Thừa kế Cổ phần.....	17
Điều 27.	Phát hành trái phiếu	17
Điều 28.	Cơ cấu tổ chức quản lý.....	18
Điều 29.	Đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông	18
Điều 30.	Quyền của Cổ đông.....	19
Điều 31.	Nghĩa vụ của Cổ đông VAB.....	22
Điều 32.	Đại hội đồng Cổ đông	24
Điều 33.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	24

Điều 34.	Các đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 35.	Thay đổi các quyền.....	27
Điều 36.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông	28
Điều 37.	Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông	29
Điều 38.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông	30
Điều 39.	Mời họp Đại hội đồng Cổ đông.....	31
Điều 40.	Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	31
Điều 41.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	32
Điều 42.	Thế thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	32
Điều 43.	Thế thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	34
Điều 44.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	36
Điều 45.	Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	38
Điều 46.	Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	39
Điều 47.	Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	39
Điều 48.	Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	40
Điều 49.	Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ	41
Điều 50.	Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị	43
Điều 51.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị	44
Điều 52.	Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	47
Điều 53.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị	48
Điều 54.	Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị	49
Điều 55.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị.....	50
Điều 56.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng Quản trị....	51
Điều 57.	Người phụ trách quản trị VAB	51
Điều 58.	Họp Hội đồng Quản trị	52
Điều 59.	Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	54
Điều 60.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản	55
Điều 61.	Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.....	57
Điều 62.	Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	57
Điều 63.	Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc.....	58
Điều 64.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc	58
Điều 65.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	59
Điều 66.	Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát	60
Điều 67.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	61

Điều 68.	Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.....	62
Điều 69.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.....	63
Điều 70.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	63
Điều 71.	Tiền lương và các quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	64
Điều 72.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.....	64
Điều 73.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	65
Điều 74.	Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát.....	66
Điều 75.	Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát.....	68
Điều 76.	Trách nhiệm cần trọng.....	68
Điều 77.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	68
Điều 78.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	69
Điều 79.	Công khai lợi ích khác.....	70
Điều 80.	Quyền và nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB.....	71
Điều 81.	Giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận.....	73
Điều 82.	Quyền tiếp cận thông tin, kiểm tra sổ sách và hồ sơ.....	74
Điều 83.	Người lao động và công đoàn.....	74
Điều 84.	Trả cổ tức.....	75
Điều 85.	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	76
Điều 86.	Trích lập các quỹ.....	76
Điều 87.	Tài khoản ngân hàng.....	77
Điều 88.	Chế độ tài chính.....	77
Điều 89.	Năm tài chính.....	77
Điều 90.	Hệ thống kế toán.....	77
Điều 91.	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	77
Điều 92.	Báo cáo thường niên.....	78
Điều 93.	Báo cáo.....	78
Điều 94.	Công khai báo cáo tài chính.....	78
Điều 95.	Thông tin.....	79
Điều 96.	Bảo mật thông tin.....	79
Điều 97.	Kiểm toán độc lập.....	79
Điều 98.	Bộ phận kiểm toán nội bộ.....	80
Điều 99.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ.....	80
Điều 100.	Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.....	80
Điều 101.	Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách.....	81
Điều 102.	Con dấu.....	81
Điều 103.	Xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.....	82

Điều 104. Các trường hợp VAB có thể bị áp dụng can thiệp sớm.....	82
Điều 105. Chấm dứt can thiệp sớm.....	82
Điều 106. Báo cáo về trường hợp bị rút tiền hàng loạt.....	82
Điều 107. Các trường hợp VAB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.....	83
Điều 108. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi VAB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt.....	83
Điều 109. Khoản vay đặc biệt.....	83
Điều 110. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt.....	84
Điều 111. Giải thể và chấm dứt hoạt động.....	84
Điều 112. Gia hạn hoạt động.....	85
Điều 113. Thanh lý.....	85
Điều 114. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	85
Điều 115. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.....	86
Điều 116. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	87
Điều 117. Điều khoản thi hành.....	87

ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật, phục vụ nhân dân và các thành phần kinh tế, góp phần phát triển kinh tế của Việt Nam.

Điều lệ này bao gồm 22 Chương, 117 Điều, soạn thảo và ban hành theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan, phù hợp với hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số .../2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á tại phiên họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á tổ chức ngày 26/4/2025 và ban hành theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐQT ngày.../.../2025 của Hội đồng Quản trị. Điều lệ này có hiệu lực từ ngày .../.../2025. Các phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

1. “**VAB**” nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.
2. “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần đã phát hành của VAB.
3. “**Cổ đông lớn**” là Cổ đông của VAB sở hữu từ 05% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
4. “**Cổ đông sáng lập**” là cổ đông góp vốn thành lập tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của VAB.
5. “**Cổ phần**” là Vốn điều lệ của VAB được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
6. “**Cổ phiếu**” là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu của VAB có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này.
7. “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của VAB sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
8. “**Công ty con**” của VAB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - b) VAB có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - c) VAB có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
 - d) VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.
9. “**Công ty liên kết**” của VAB là Công ty mà VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 11% (mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (mười một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của VAB.
10. “**Luật Các tổ chức tín dụng**” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024, và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.
11. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.

12. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.
13. **“Người điều hành VAB”** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương các vị trí này theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
14. **“Người quản lý VAB”** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương khác của VAB.
15. **“Người nội bộ VAB”** bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
16. **“NHNN”** là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17. **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
18. **“Sổ đăng ký Cổ đông”** là một tài liệu bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc bằng cả hai hình thức là văn bản và dữ liệu điện tử có chứa các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN và các quy định pháp luật khác có liên quan.
19. **“Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị”** là thành viên của Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này.
20. **“Thời hạn hoạt động”** có nghĩa là khoảng thời gian mà VAB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi VAB chấm dứt hoạt động theo các quy định pháp luật có liên quan. VAB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định bằng văn bản của Đại hội đồng Cổ đông và sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN.
21. **“Tổ chức lại”** là việc VAB bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản”.
22. **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
23. **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần của VAB đã bán cho cổ đông.
24. **“Giấy tờ pháp lý của cá nhân”** là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, thẻ Căn cước, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
25. **“Giấy tờ pháp lý của tổ chức”** là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
26. **“VSDC”** là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu

1. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản, quy định sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật khác thay thế các quy định, văn bản pháp luật được dẫn chiếu.
2. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ, THỜI HẠN, HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA VAB

Điều 3. Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB

1. Tên của Ngân hàng:
 - a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.
 - b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Việt Á.
 - c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.
 - d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: VAB.
 - e) Tên nhận diện thương hiệu đã được bảo hộ: VIETABANK
2. Trụ sở chính của VAB:

Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 39 333 636 Fax: (024) 39 336 426

Website: www.vietabank.com.vn
3. VAB có quyền chuyển một hoặc một số bộ phận không giao dịch trực tiếp với khách hàng thuộc trụ sở chính sang địa điểm khác nằm ngoài trụ sở chính phù hợp với các điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. VAB được thành lập Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung và phạm vi hoạt động của VAB.
5. VAB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết trong và ngoài nước để hoạt động trong các lĩnh vực theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các mục tiêu của VAB phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Điều 4. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của VAB là 99 (chín mươi chín) năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. VAB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của VAB

VAB có một Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định và gửi thông báo tới Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ngày bầu, bổ nhiệm chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ.¹

Người đại diện theo pháp luật của VAB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của VAB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình².

Điều 6. Hình thức hoạt động

1. VAB thuộc loại hình Ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của Pháp luật.
2. VAB có con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
3. VAB áp dụng Bảng cân đối kế toán và trích lập các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu của VAB là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam với chất lượng dịch vụ hoàn hảo dựa trên hệ thống công nghệ hiện đại, lực lượng nhân sự có trình độ chuyên môn cao, tạo ra mức lợi nhuận cao nhất cho các Cổ đông, tạo việc làm ổn định và ngày càng phát triển cho người lao động, đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước, cho sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam và lợi ích của cộng đồng xã hội.
2. Lĩnh vực kinh doanh của VAB là hoạt động tài chính, ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của VAB được ghi trong Giấy phép hoặc văn bản khác do NHNN cấp cho VAB.
3. Định vị thương hiệu VIETABANK - Đồng hành cùng khát vọng.

Điều 8. Nội dung và phạm vi hoạt động³

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;

¹ Điều 11.3 Luật các TCTD năm 2024.

² Điều 11.2 Luật các TCTD năm 2024.

³ Từ Điều 107 đến Điều 114 Luật các TCTD năm 2024.

- d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - d) Bao thanh toán trong nước;
 - e) Thư tín dụng;
 - f) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
- a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
7. Mở tài khoản của VAB:
- a) Mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này;
 - b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản;
 - c) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
8. Hoạt động vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của VAB:
- a) VAB được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Việt Nam.
 - b) VAB được mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - c) VAB được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.
 - d) VAB được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
9. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán:
- a) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
 - b) VAB được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
10. VAB được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây:
- a) Ngoại hối;
 - b) Các hoạt động khác sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý:
- a) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng;

- b) Hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

12. VAB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:

- a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
- c) Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 13 Điều này;
- d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- e) Kinh doanh vàng;
- f) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

13. VAB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

- a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- b) Phát hành trái phiếu;
- c) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
- d) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

14. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN Việt Nam.

15. Mua nợ.

16. Ví điện tử.

17. Các hoạt động khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, quy định của NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

18. Nội dung, phạm vi hoạt động của VAB được ghi nhận cụ thể theo Giấy phép hoạt động do NHNN cấp đồng thời hoạt động của VAB có thể được điều chỉnh theo giấy phép hoạt động, các quy định pháp luật, quy định, hướng dẫn của NHNN trong từng thời kỳ.

Điều 9. Góp vốn, mua Cổ phần⁴

1. VAB được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 9.2, Điều 9.3, Điều 9.4 và Điều 9.7 của Điều lệ này và tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn.

⁴ Điều 111 Luật các TCTD năm 2024.

2. VAB phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. VAB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. VAB được góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
5. VAB thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điều 9.2 và Điều 9.3 sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
6. Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của VAB thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
7. VAB, công ty con của VAB được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.
8. VAB, công ty con của VAB không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:
 - a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của VAB;
 - b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của VAB.
9. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền ban hành quy định cụ thể hóa các nội dung liên quan đến góp vốn, mua Cổ phần, đầu tư ra ngoài VAB quy định tại Điều này, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế của VAB.

Điều 10. Bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, VAB phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VII Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN, thực hiện phân loại tài sản “Cổ” và trích lập dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

PHƯƠNG THỨC GÓP, TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 11. Vốn điều lệ của VAB

1. Vốn điều lệ của VAB là: 5.399.600.430.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng vốn điều lệ của VAB được chia thành 539.960.043 Cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/một Cổ phần.
2. Vốn điều lệ của VAB đã được các Cổ đông thực góp như ghi trong Điều lệ này của VAB.
3. Vốn điều lệ của VAB được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
4. Trong quá trình hoạt động, VAB phải đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, VAB phải công bố công khai số vốn điều lệ mới.

Điều 12. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ của VAB phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Văn bản chấp thuận việc thay đổi mức vốn điều lệ của VAB có hiệu lực trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được NHNN chấp thuận, văn bản trên hết hiệu lực pháp lý.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
3. Sau khi đã hoàn tất việc thay đổi mức Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, VAB phải có văn bản báo cáo NHNN về kết quả thực hiện thay đổi mức vốn điều lệ.
4. Vốn điều lệ của VAB có thể được tăng từ các nguồn sau:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
 - b) Quỹ thặng dư vốn Cổ phần; lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - c) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
 - d) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
 - e) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
5. VAB có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau:
 - a) VAB mua lại và hủy bỏ số lượng Cổ phần có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;
 - b) VAB thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm;

c) Các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 13. Vốn hoạt động của VAB⁵

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:

- a) Vốn điều lệ;
- b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
- c) Thặng dư vốn cổ phần;
- d) Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
- e) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
- f) Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của VAB.

2. Vốn huy động bao gồm:

- a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;
- b) Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong và ngoài nước;
- c) Vốn vay NHNN;
- d) Vốn huy động thông qua phát hành các giấy tờ có giá;
- e) Vốn nhận ủy thác đầu tư.

3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Sử dụng vốn, tài sản⁶

- 1. VAB được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.
- 2. VAB sử dụng vốn hoạt động để kinh doanh theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.
- 3. VAB được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán. VAB phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
- 4. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh của VAB được thực hiện theo quy định nội bộ của VAB và quy định pháp luật.

Điều 15. Tỷ lệ bảo đảm an toàn⁷

1. VAB phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:

⁵ Điều 4 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh NHNN và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD có vốn nhà nước.

⁶ Điều 6 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh NHNN và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD có vốn nhà nước.

⁷ Điều 138 Luật các TCTD 2024

- a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;
 - c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - d) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - e) Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.
2. VAB khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải ký quỹ tiền tại NHNN, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ.
 3. Tổng số vốn của VAB đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của VAB dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính các tỷ lệ bảo đảm an toàn.

CHƯƠNG V

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 16. Các loại Cổ phần⁸

1. Mỗi Cổ phần của VAB có mệnh giá là 10.000 đồng (mười nghìn đồng). Số lượng Cổ phần của VAB bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Toàn bộ Cổ phần của VAB vào ngày thông qua Điều lệ này là Cổ phần phổ thông.
3. VAB có Cổ phần phổ thông. Người sở hữu Cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông.
4. VAB có thể có Cổ phần ưu đãi là Cổ phần ưu đãi cổ tức hoặc Cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ phần ưu đãi cổ tức là Cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của Cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của VAB và chỉ được trả khi VAB có lãi. Trường hợp VAB kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho Cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của Cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành khác⁹ của VAB không được mua Cổ phần ưu đãi cổ tức do VAB phát hành.

⁸ Điều 60 Luật các TCTD 2024.

⁹ Người điều hành khác được hiểu là những Người điều hành (theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Điều lệ VAB) còn lại ngoài Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB.

Người được mua và số lượng Cổ phần ưu đãi cổ tức được mua do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành Cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
6. VAB luôn bảo đảm duy trì tối thiểu 100 (Một trăm) Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp VAB được kiểm soát đặc biệt hoặc đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc quy định của pháp luật.
7. VAB có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo trình tự và thủ tục phù hợp với các quy định của pháp luật.
8. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua Cổ phần của VAB theo hướng dẫn của NHNN và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Tỷ lệ sở hữu Cổ phần¹⁰

1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của VAB.
2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của VAB.
3. Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của VAB. Cổ đông lớn của VAB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác và ngược lại Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng khác và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của VAB.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Điều lệ;
 - b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;
 - c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này.
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Điều lệ.

¹⁰ Điều 63 Luật các TCTD năm 2024;

6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu Cổ phần quy định pháp luật.
7. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của VAB theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 18. Cổ phiếu¹¹

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc là bút toán ghi sổ hoặc là dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây¹²:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB, mã số doanh nghiệp;
 - b) Số lượng Cổ phần và loại Cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi Cổ phần và tổng mệnh giá số Cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là tổ chức;
 - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của VAB;
 - f) Số đăng ký tại sở đăng ký Cổ đông của VAB và ngày phát hành cổ phiếu;
 - g) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi.
2. Quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu VAB không bị ảnh hưởng trong trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu phát hành do lỗi của VAB. Người đại diện theo pháp luật của VAB chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót nêu trên gây ra cho VAB.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Cổ đông được VAB cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin Cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
4. Cổ phiếu của VAB không được sử dụng để làm tài sản bảo đảm tại chính VAB.
5. Trường hợp VAB phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ, VAB thực hiện phát hành cổ phiếu cho các Cổ đông chưa lưu ký.

Điều 19. Chứng chỉ chứng khoán khác¹³

Chứng chỉ chứng khoán của VAB được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, con dấu của VAB và các yếu tố khác theo quy định của pháp luật.

¹¹ Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020,;

¹² Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹³ Điều 8 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

Điều 20. Chào bán Cổ phần¹⁴

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán Cổ phần trong sổ Cổ phần được quyền bán. Giá bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;
 - b) Cổ phần bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở VAB;
 - c) Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ VAB quy định khác.
2. Trường hợp VAB phát hành thêm Cổ phần phổ thông và bán số Cổ phần đó cho tất cả Cổ đông phổ thông theo tỷ lệ Cổ phần hiện có của Cổ đông tại VAB thì trình tự thủ tục chào bán thực hiện theo quy định của pháp luật và VAB từng thời kỳ.
3. Trường hợp số lượng Cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số Cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quản lý. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho Cổ đông của VAB hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc Cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.
4. Cổ phần của VAB được coi là đã bán khi được người mua thanh toán đủ tiền mua và những thông tin về người mua quy định tại Điều 29.2 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua Cổ phần trở thành Cổ đông của VAB. Cổ đông chỉ được công nhận chính thức khi được ghi nhận trong sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VAB do VSDC quản lý và cung cấp tại từng thời điểm cụ thể.

Điều 21. Chuyển nhượng Cổ phần¹⁵

1. Tất cả các Cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.
2. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại VAB là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VAB không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại VAB.
3. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng Quản trị, thành

¹⁴ Điều 124 và 126 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁵ Điều 64 Luật các TCTD năm 2024; Điều 127 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây :

- a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng Cổ phần theo theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng Cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
4. Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi chuyển nhượng¹⁶.
5. Việc chuyển nhượng Cổ phần của VAB thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 22. Thu hồi Cổ phần¹⁷

1. Trường hợp Cổ đông thanh toán không đầy đủ và không đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo bằng văn bản và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của VAB phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho VAB theo quy định của VAB.
2. Thông báo thanh toán nêu tại Điều 22.1 phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số Cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số Cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các Cổ phần bị thu hồi theo quy định tại Điều 22.4, Điều 22.5 và Điều 22.6 và các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ Cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những Cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của VAB phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

¹⁶ Điều 37.1.d Luật các TCTD năm 2024;

¹⁷ Điều 10 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ Cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Điều 23. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông¹⁸

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại Cổ phần của mình.
2. VAB mua lại cổ phiếu của Người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của VAB, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn của chủ sở hữu.
3. VAB chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần.
4. Việc mua lại cổ phần của cổ đông của VAB phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 24. Mua lại Cổ phần theo quyết định của VAB¹⁹

VAB có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 24.3. Đối với Cổ phần loại khác, nếu Điều lệ VAB không quy định hoặc VAB và Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. VAB chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần.
4. Việc mua lại cổ phần của cổ đông của VAB phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

¹⁸ Điều 132 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁹ Điều 133 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại²⁰

1. Ngoài các điều kiện áp dụng đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, VAB chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo Điều 23 và Điều 24 Điều lệ này nếu sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần.
2. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với VAB.
3. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều này được coi là Cổ phần chưa bán. VAB phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các Cổ phần được VAB mua lại trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
4. Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của VAB giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì VAB phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.

Điều 26. Thừa kế Cổ phần

1. Việc thừa kế Cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Bộ luật Dân sự, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Sau khi thực hiện xong tất cả các thủ tục thừa kế và xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh tư cách thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại VAB. Trên cơ sở hồ sơ nhận được, VAB thực hiện đăng ký thông tin người thừa kế tại Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VAB tại VSDC. Người thừa kế trở thành cổ đông của VAB tại ngày VSDC ghi nhận vào danh sách cổ đông, được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của Cổ đông tính trên số Cổ phần mà họ được thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
3. Người thừa kế Cổ phần của Cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác không đương nhiên được thừa kế quyền nắm giữ các chức danh đó.

Điều 27. Phát hành trái phiếu

1. VAB có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.
2. Đại hội đồng Cổ đông có thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm chứng quyền.

²⁰ Điều 134 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 65 Luật các TCTD năm 2024.

3. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu trừ phương án trái phiếu thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều này.

CHƯƠNG VI CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 28. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của VAB bao gồm:
 - a) Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Hội đồng Quản trị;
 - c) Ban Kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc.
2. Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy điều hành, nhân sự (Khối/Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính) với thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của VAB trong từng thời kỳ để bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn trên cơ sở cơ cấu tổ chức quản lý đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phù hợp với các quy định khác của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thống suốt.

CHƯƠNG VII CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 29. Đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông²¹

1. VAB phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán:
 - a) VAB đã thực hiện đăng ký lưu ký tập trung đối với danh sách người sở hữu chứng khoán của Ngân hàng với VSDC từ thời điểm đăng ký giao dịch theo quy định của Luật Chứng khoán. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
 - b) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có các nội dung theo quy định của VSDC trong từng thời kỳ.
 - c) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán được quản lý, theo dõi, cập nhật tập trung bởi VSDC. Các danh sách bản cứng, bản mềm được cung cấp tại các thời điểm theo yêu cầu

²¹ Điều 122 Luật Doanh nghiệp năm 2020

của VAB được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách Cổ đông này.

- d) Trường hợp Cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với VAB hoặc các tổ chức có chức năng cập nhật để đăng ký cập nhật với VSDC. VAB không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của Cổ đông.
 - e) VAB phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong danh sách Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan theo quy định của VSDC tại từng thời kỳ.
2. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB;
 - b) Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được quyền chào bán và số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;
 - e) Số lượng Cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.
3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB hoặc tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của mình trong Sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của VAB hoặc tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký.
4. Xác lập danh sách Cổ đông:
- a) VAB quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông theo quy định pháp luật;
 - b) Các giao dịch chuyển nhượng Cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách Cổ đông đến ngày quyền của Cổ đông được thực hiện thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác về việc dự họp Đại hội đồng Cổ đông.
5. VAB phải hỗ trợ cập nhật kịp thời thay đổi Cổ đông trong sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 30. Quyền của Cổ đông²²

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

²² Điều 115, 116, 117 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 61 Luật các TCTD năm 2024.

- a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VAB;
 - d) Được chuyển nhượng Cổ phần, quyền mua Cổ phần cho Cổ đông khác của VAB hoặc tổ chức, cá nhân khác, bán lại Cổ phần cho VAB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VAB, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Được chia một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu tại VAB khi VAB giải thể hoặc phá sản sau khi VAB đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có);
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có thêm các quyền sau đây:
- a) Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VAB;
 - b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 30.3 này;
 - c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của VAB; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá 06 (Sáu) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.
4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của VAB, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây²³:
- a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại Điều lệ này;
 - b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VAB, sau khi VAB đã thanh toán hết các khoản nợ, Cổ phần ưu đãi hoàn lại khi VAB giải thể hoặc phá sản;
 - c) Các quyền khác như Cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng Cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
6. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình, tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VAB và chỉ có hiệu lực kể từ ngày VAB nhận được văn bản. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày trong quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông;
 - b) Số lượng Cổ phần, loại Cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại VAB;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của người đại diện theo ủy quyền;
 - d) Số Cổ phần được ủy quyền đại diện;
 - e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
 - f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.
7. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với tỷ lệ như sau:

²³ Điều 117.2 và Điều 117.3 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- a) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) đến dưới 10% (Mười phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
- b) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (Mười phần trăm) đến dưới 30% (Ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
- c) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% (Ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (Bốn mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- d) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% (Bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- e) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% (Năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (Sáu mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
- f) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% (Sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (Bảy mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- g) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% (Bảy mươi phần trăm) đến dưới 80% (Tám mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- h) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% (Tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (Chín mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;

Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; danh sách ứng cử viên phải được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn trong thông báo yêu cầu đề cử, ứng cử của Hội đồng Quản trị gửi đến trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông. Thời hạn lấy ý kiến các Cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị (đối với ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị), Ban Kiểm soát (đối với ứng viên thành viên Ban Kiểm soát) đề cử.

Điều 31. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

1. Cổ đông của VAB phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
 - a) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
 - b) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số Cổ phần cam kết mua trong thời hạn do VAB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VAB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào VAB;
 - c) Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần phổ thông ra khỏi VAB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VAB, trừ trường hợp được VAB hoặc người khác mua lại

Cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Điều 31.1 thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong VAB phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VAB trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại đã xảy ra;

- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại VAB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VAB; không được góp vốn, mua cổ phần của VAB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
 - e) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của VAB;
 - f) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
 - g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - h) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm khi nhân danh VAB dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VAB.
 - i) Bảo mật các thông tin được VAB cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 - j) Có nghĩa vụ thực hiện cung cấp các thông tin của theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật trong từng thời kỳ.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư, trong trường hợp VAB phát hiện các Cổ đông đó không cung cấp thông tin/cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các Cổ phần, VAB có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này²⁴.

²⁴ Điều 62 Luật các TCTD năm 2024.

Điều 32. Đại hội đồng Cổ đông²⁵

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB.
2. Đại hội đồng Cổ đông hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
3. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ diễn ra khi đảm bảo số lượng tối thiểu cổ đông tham dự theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này.
5. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông chỉ có giá trị khi được cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo tỷ lệ quy định tại Điều 43 Điều lệ này.
6. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định tại nơi chủ tọa tham dự họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông²⁶

1. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của VAB;
 - b) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB;
 - c) Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này, quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan;
 - e) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
 - f) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - g) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VAB và cổ đông của VAB;
 - h) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của VAB;
 - i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới của từng loại cổ phần;

²⁵ Điều 139 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

²⁶ Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 67 Luật các TCTD năm 2024.

- j) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
 - k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
 - l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của VAB;
 - m) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện quyền hạn nhiệm vụ được giao;
 - n) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của VAB;
 - o) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VAB;
 - p) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - q) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - r) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB, trừ trường hợp VAB đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
 - s) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của VAB;
 - t) Phê duyệt Quy chế Quản trị nội bộ của VAB;
 - u) Thảo luận và thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm của VAB trên cơ sở báo cáo của Hội đồng Quản trị;
 - v) Thông qua phương án phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
 - w) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng;
 - x) Thông qua việc niêm yết phát hành trái phiếu ra công chúng;
 - y) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Các hợp đồng quy định tại Điều 33.1 này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua Cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.
 4. Trong khoảng thời gian giữa các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông VAB có thể phân công, phân cấp, giao cho Hội đồng Quản trị VAB thực hiện một số nội dung công việc quy định tại Điều 33.1 và phải được ghi nhận rõ ràng trong Nghị quyết của một phiên họp Đại hội đồng Cổ đông. Các nội dung Hội đồng Quản trị thực hiện theo thực hiện theo phân công, phân cấp, giao nhiệm vụ đề cập tại Điều 33.4 phải được báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong phiên họp gần nhất.
 5. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 34. Các đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông²⁷

1. Các Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Người được ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật. Nguyên tắc ủy quyền được áp dụng như sau:
 - a) Người được ủy quyền dự họp được ủy quyền lại bằng văn bản cho người thứ ba nếu được người ủy quyền đồng ý; văn bản ủy quyền lại phải có nội dung như văn bản ủy quyền lần đầu.
 - b) Người được ủy quyền hoặc người được ủy quyền lại không được ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát với tư cách của chính mình.
 - c) Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện, trường hợp không xác định rõ số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
 - d) Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông chỉ được ủy quyền cho 01 người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức

²⁷ Điều 16 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền:

- a) Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
- b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VAB).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trừ các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VAB nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 35. Thay đổi các quyền²⁸

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó (không

²⁸ Điều 17 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

phụ thuộc vào số lượng người và số Cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ Cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 41, 42 và 43 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VAB không bị thay đổi khi VAB phát hành thêm các Cổ phần cùng loại.

Điều 36. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông²⁹

1. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để thảo luận, thông qua các vấn đề theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ;
 - c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ;
 - d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;
 - e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của VAB³⁰;
 - g) Tình hình tài chính của VAB cho thấy VAB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;
 - h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và/hoặc theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu như quy định tại Điều 36.2.d và Điều 36.2.e Điều lệ này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 50 và khoản 2 Điều 66 của Điều lệ, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường để bảo đảm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày

²⁹ Điều 67.2 Luật các TCTD năm 2024; Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

³⁰ Điều 67.2 Luật các TCTD năm 2024.

không đủ số thành viên tối thiểu, VAB hoàn thành việc bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VAB.

4. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 36.3 thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VAB.

5. Trường hợp Ban Kiểm soát cũng không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 36.4 thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 36.2.d Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

6. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 36.3, Điều 36.4 và Điều 36.5 sẽ được VAB hoàn lại.

Điều 37. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông³¹

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của VAB. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông. VAB phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.³²
2. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Người quản lý VAB phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký Cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của Cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không

³¹ Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

³² Điều 18 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC

chính xác thông tin sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.

Điều 38. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông³³

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp;
 - b) Xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội;
 - c) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông đến các Cổ đông có quyền dự họp;
 - d) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VAB chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông tại VAB, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 38.2 nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 38.2 Điều này;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 5% (Năm phần trăm) tổng cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 30.2 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 38.2 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 38.3; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

³³ Điều 142 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 18 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

Điều 39. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông³⁴

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (Hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b) Phiếu biểu quyết.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp được công bố trên website của VAB để các cổ đông có thể tiếp cận.
3. VAB công bố thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của VAB và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VAB niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, và đồng thời, gửi thông báo mời họp bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông theo quy định pháp luật.

Điều 40. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông³⁵

1. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (Một) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng Ban Kiểm phiếu của Đại hội đồng Cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;
 - c) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 30.6 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (theo thông báo mời họp của người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông).
 - e) Các phương thức khác phù hợp với quy định pháp luật được VAB thông báo áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.
2. Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông thì người nhận chuyển nhượng chỉ có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ phần

³⁴ Điều 143 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

³⁵ Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

đã chuyển nhượng khi các bên đã thực hiện xong thủ tục xác nhận việc chuyển nhượng Cổ phần theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

3. Trường hợp Cổ đông là pháp nhân mới tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) có quyền kế thừa cổ phần hợp pháp thì Cổ đông này gửi cho VAB các văn bản pháp lý chứng minh quyền kế thừa để VAB thực hiện các thủ tục xác định Cổ đông, cổ phần và người có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
4. VAB có thể áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 41. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông³⁶

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện như Khoản 41.1 trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập hủy bỏ cuộc họp và thông báo Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi thông báo mời họp lần hai trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) Cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, người triệu tập hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được gửi thông báo mời họp lần ba trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

Điều 42. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông³⁷

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để báo cáo hoạt động và trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

³⁶ Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 19 Điều lệ mẫu cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

³⁷ Điều 146 Luật doanh nghiệp năm 2020; Điều 20 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

2. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, VAB phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa; trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị được ủy quyền hoặc các thành viên Hội đồng Quản trị có mặt sẽ bầu ra một người trong số họ theo nguyên tắc đa số để làm Chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp không bầu được Chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp. Người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra để cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
7. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng:
 - a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Hành vi của những người có mặt gây rối, mất trật tự hoặc có khả năng làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa cuộc họp có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.
8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều 42.7 Điều lệ này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên

tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

9. Chủ tọa của cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
10. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông hoặc Chủ tọa có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.
11. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:
 - a) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - b) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp;
 - c) Bố trí chỗ ngồi cho mọi người tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp Giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Điều 43. Thẻ thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông³⁸

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và/hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, VAB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Phiếu biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết và số phiếu không có ý kiến được đếm sau và cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, phản đối hoặc không có ý kiến không hợp lệ đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, phiếu không hợp lệ và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc phiên họp.

³⁸ Điều 146 và 147 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 59.3.a Luật các TCTD năm 2010.

4. Quyết định về các vấn đề quy định tại các Điều 33.1.a, Điều 33.1.d, Điều 33.1.g và Điều 33.1.o. Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
5. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây³⁹:
 - a) Trừ trường hợp quy định tại Điều 43.5.b, 43.5.c và 43.7, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại Điều 33.1.i, Điều 33.1.q Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
 - c) Đối với quyết định về nội dung quy định tại Điều 33.1.o Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
6. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan (là một bên trong giao dịch, hợp đồng với VAB) không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) hoặc trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại Điều 43.5.a và Điều 43.5.b.
7. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Điều lệ này.
8. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% (một trăm phần trăm) số vốn Cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng Cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.
9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hoặc chưa đồng ý kiến. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo

³⁹ Điều 67 Luật các TCTD năm 2024;

đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua⁴⁰ hoặc nghị quyết sẽ được thông báo bằng cách đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.

Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁴¹

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB, trừ các trường hợp quy định tại Điều 33.1.a, Điều 33.1.d, Điều 33.1.g và Điều 33.1.o Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của VAB. Danh sách này được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo⁴².

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên lạc khác mà Cổ đông đã đăng ký trước với VAB) của từng Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (Mười) ngày trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VAB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về VAB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

⁴⁰ Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

⁴¹ Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 22 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁴² Điều 141.1 và Điều 149.2 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Phiếu lấy ý kiến gửi về VAB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về VAB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VAB. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ thông qua biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và của các thành viên trong Ban Kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và các thành viên trong Ban Kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.
7. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN⁴³.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thông qua phải được số Cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận; trừ trường hợp lấy ý kiến đối với vấn đề tại Điều 33.1.b, Điều 33.1.i và Điều 33.1.q Điều lệ này thì trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁴.

⁴³ Điều 68 Luật các TCTD năm 2024.

⁴⁴ Điều 22.8 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

Điều 45. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁵

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của VAB và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h) Các nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.
5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB.

⁴⁵ Điều 150 Luật Doanh nghiệp năm 2020

Điều 46. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁴⁶

1. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN⁴⁷.
3. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác hoặc sẽ được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
4. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% (Một trăm phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 47. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁴⁸

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 30.2 Điều lệ, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp được quy định tại Điều 47.2.
2. Các trường hợp có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp quy định tại Điều 46.4 Điều lệ này;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VAB.

⁴⁶ Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020;

⁴⁷ Điều 68 Luật các TCTD năm 2024;

⁴⁸ Điều 151 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 24 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 48. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc⁴⁹

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 30.7 Điều lệ này.
2. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu khoảng thời gian bằng thời hạn gửi Danh sách đề cử ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát cho NHNN cộng với thời hạn lấy ý kiến cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị VAB phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
3. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập Hội đồng Quản trị), thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị (đối với ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị), Ban Kiểm soát (đối với ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát) đề cử.
4. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
5. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được NHNN chấp thuận tại Điều 48.2. VAB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông bầu vào các chức danh này. Các thành viên trên tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.
7. Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông bầu các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát, VAB phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu vào các chức danh nêu trên⁵⁰.

⁴⁹ Điều 44 Luật các TCTD năm 2024;.

⁵⁰ Điều 44 Luật các TCTD năm 2024;

8. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày bổ nhiệm⁵¹.

Điều 49. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ⁵²

I. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:

- a) Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) Công ty con của VAB:
 - i. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - iii. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - iv. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
 - v. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - vi. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;
- b) Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của VAB:
 - i. Thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;
 - ii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành

⁵¹ Điều 55.1 và Điều 44 Luật các TCTD năm 2024;

⁵² Điều 42, 43 Luật các TCTD năm 2024.

viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

iii. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

iv. Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) của VAB, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 Điều lệ này;

v. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng.

c) Cha mẹ (gồm cả cha, mẹ nuôi), vợ, chồng, con (gồm cả con nuôi), anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của VAB.

2. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:

a) Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

i. Người điều hành của VAB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc;

ii. Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;

iii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của VAB hoặc của công ty mẹ của VAB hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

iv. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của VAB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

b) Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

i. Người điều hành của VAB;

ii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

iii. Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

- c) Thành viên Ban Kiểm soát của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:
 - i. Người quản lý, người điều hành VAB, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của VAB hoặc công ty con VAB;
 - ii. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị của VAB là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
 - d) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của VAB không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của VAB là người quản lý, người điều hành công ty con của VAB hoặc công ty mẹ của VAB.
3. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG IX

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị⁵³

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng Quản trị của VAB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
4. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế phù hợp theo quy định pháp luật. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

⁵³ Điều 50 và Điều 69 Luật các TCTD năm 2024

5. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán⁵⁴.
8. Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
9. Hội đồng Quản trị có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng Quản trị quy định.
10. Hội đồng Quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo quy định của Thống đốc NHNN. Nhiệm vụ Ủy ban Nhân sự bao gồm các công việc liên quan đến chính sách phát triển nhân sự, lương thưởng và nhiệm vụ khác theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị cử thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự. Tổ chức hoạt động của các Ủy ban trên được quy định cụ thể trong các Quy chế của VAB.

Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị⁵⁵

1. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, kế hoạch kinh doanh của công ty con VAB theo quy định pháp luật.
2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
3. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông.
4. Thông qua việc đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của VAB; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB.

Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị.

⁵⁴ Khoản 5 Điều 26 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

⁵⁵ Điều 70 Luật các TCTD năm 2024; Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
7. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
Hội đồng Quản trị có thể phân cấp/phân quyền/giao lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau:
 - a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền quyết định phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần phù hợp với thực tiễn hoạt động của VAB
 - b) Các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản khác của VAB không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại việc quyết định các giao dịch này đảm bảo tuân thủ Khoản 11 Điều này và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
9. Quyết định các khoản cấp tín dụng như sau:
 - a) Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Các khoản cấp tín dụng khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại việc phê duyệt cấp tín dụng trong trường hợp này đảm bảo phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB.
11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
12. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; quyết định thay đổi trụ sở chính của công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở

hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Hội đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con.

13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VAB phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng Cổ đông.
14. Ban hành, sửa đổi, bổ sung và quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VAB.
15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
16. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
17. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
18. Quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán.
19. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của VAB trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền.
20. Quyết định mua lại Cổ phần của VAB.
21. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
22. Trên cơ sở được Đại hội đồng Cổ đông giao/phân quyền, Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN (trong danh sách các tổ chức kiểm toán do Ban Kiểm soát đề xuất và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua) để thực hiện kiểm toán các hoạt động của VAB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.⁵⁶
23. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
24. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
25. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
26. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

⁵⁶ Điều 59 Luật các TCTD năm 2024.

27. Trừ các hợp đồng phái do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của VAB (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh).
28. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VAB.
29. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty thành viên độc lập thuộc VAB.
30. Giám sát Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác⁵⁷.
31. Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc⁵⁸.
32. Phê duyệt Kế hoạch vốn của VAB⁵⁹.
33. Ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với các chức danh tại VAB (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban Kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ).⁶⁰
34. Xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện Phương án cơ cấu lại VAB trên cơ sở các định hướng phát triển của ngân hàng đã được Đại hội đồng Cổ đông VAB thông qua đồng thời đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật, hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể của NHNN và cơ quan quản lý khác.
35. Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu ra công chúng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
36. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
37. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền triển khai thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
38. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB (nếu có).

Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị⁶¹

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.

⁵⁷ Điều 12.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁵⁸ Điều 26.1.b Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁵⁹ Điều 61.2 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁶⁰ Điều 15.3 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁶¹ Điều 71 Luật TCTD 2024; Điều 156 Luật Doanh nghiệp năm 2020

3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
6. Bảo đảm các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
8. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
9. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (Một) lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này.
10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt tại trụ sở VAB hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được hoặc các trường hợp khác nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị được ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Hội đồng Quản trị để thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.
11. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
12. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của VAB, báo cáo kiểm toán và báo cáo khác thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị.
13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB (nếu có).

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị⁶²

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VAB và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

⁶² Điều 72 Luật các TCTD năm 2024

3. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.
4. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
5. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
6. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 55 và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện.
7. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
8. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
9. Yêu cầu Người điều hành, Người quản lý cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VAB nhằm thực hiện nhiệm vụ quản trị của mình.
10. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ VAB gây thiệt hại cho ngân hàng thì các thành viên Hội đồng Quản trị tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của VAB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
11. Thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 3, 5, 6, 8, 9, 10, 13, 14, 15, 21 và 35 Điều 51 của Điều lệ và các nội dung theo quy định pháp luật từng thời kỳ.
12. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật (nếu có).

Điều 54. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị⁶³

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của VAB.
2. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh

⁶³ Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020;

nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VAB, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB.

Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị⁶⁴

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này, quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - c) Có sức khỏe và hiểu biết pháp luật; có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - d) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - e) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại Điều 55.1 phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau⁶⁵:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB hoặc đã làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;
 - b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VAB ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của VAB, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của VAB hoặc công ty con của VAB;
 - d) Không đại diện sở hữu cổ phần của VAB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB;
 - e) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

⁶⁴ Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 41 Luật các TCTD năm 2024.

⁶⁵ Điều 41.2 Luật các TCTD năm 2024;

Điều 56. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng Quản trị⁶⁶

1. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Chết;
 - b) Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - e) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - f) VAB bị thu hồi giấy phép;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật;
2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp⁶⁷:
 - a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị của VAB;
 - b) Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 55 Điều lệ này.
 - d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 43, Điều 49, Điều 55 của Điều lệ này;
 - e) Bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị xin từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một thành viên Hội đồng Quản trị mới lên thay theo nguyên tắc đa số trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
4. Trường hợp Hội đồng Quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ này thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng⁶⁸.

Điều 57. Người phụ trách quản trị VAB⁶⁹

1. Hội đồng Quản trị chỉ định 01 (một) hoặc nhiều người làm Người phụ trách quản trị VAB với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VAB khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm.

⁶⁶ Điều 45 và Điều 46 Luật các TCTD năm 2024;

⁶⁷ Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020;

⁶⁸ Điều 50 Luật các TCTD năm 2024

⁶⁹ Điều 32 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC

2. Người phụ trách quản trị VAB phải là người có hiểu biết về pháp luật. Người phụ trách quản trị VAB không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VAB. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị VAB bao gồm:
 - a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Người phụ trách quản trị VAB có thể kiêm nhiệm Thư ký VAB tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị VAB.

Điều 58. Hợp Hội đồng Quản trị⁷⁰

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của VAB hoặc ở nơi khác. Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể bằng hình thức họp mặt và/ hoặc hình thức họp trực tuyến khác.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;

⁷⁰ Điều 153 và Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên của Hội đồng Quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều 58.3. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
5. Hội đồng Quản trị có quyền ban hành quy định nội bộ về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư điện tử, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại VAB. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu liên quan có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.

7. Trong trường hợp cuộc họp Hội đồng Quản trị có mời các thành viên Ban Kiểm soát và/hoặc Tổng giám đốc và/hoặc các thành phần khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên này như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành phần khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho

một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (Một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên dự họp.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Việc biểu quyết của người được ủy quyền tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.
11. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, lấy ý kiến thông qua phần mềm luân chuyển hồ sơ trình ký nội bộ và/hoặc các phần mềm/ứng dụng khác theo quy định của VAB từng thời kỳ và đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể hình thức, quy trình, thủ tục thực hiện phù hợp với Điều lệ. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
13. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.
14. Hội đồng Quản trị được quyền tổ chức các cuộc họp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành với điều kiện các hình thức này phải được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị⁷¹

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

⁷¹ Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ tên, chữ ký chủ tọa, chữ ký các thành viên tham gia và người ghi biên bản.
2. Người ký biên bản phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
 3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký, có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB và pháp luật có liên quan.
 4. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
 5. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của VAB.

Điều 60. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được quyền ủy quyền, phân công cho các thành viên Hội đồng Quản trị khác ký Phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị trước khi thực hiện việc lấy ý kiến của các Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
2. Cán bộ được Văn phòng Hội đồng Quản trị phân công chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác của thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VAB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VAB;

- g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền;
 - h) Phần ô trống Họ và tên, chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị có ý kiến.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về VAB theo quy định của VAB.
5. Thư ký Hội đồng Quản trị hoặc nhân sự thuộc Văn phòng Hội đồng Quản trị được phân công kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm hết hạn gửi phiếu lấy ý kiến dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và/hoặc nhân sự khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị từng thời kỳ (người này phải là thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng Quản trị). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VAB;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị hoặc nhân sự thuộc văn phòng Hội đồng Quản trị được phân công tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB. Văn phòng Hội đồng Quản trị là đơn vị có trách nhiệm bảo quản và lưu giữ các tài liệu này.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG X

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 61. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc⁷²

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của VAB, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho VAB thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho VAB. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với Bộ luật lao động, quy định của NHNN và các quy định của pháp luật.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm nhưng không quá 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Lương, trợ cấp, các khoản bồi thường (nếu có) và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông của VAB và ghi tại Báo cáo tài chính của VAB.
4. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quyết định cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy chuyên môn nghiệp vụ theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
5. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của VAB theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.
6. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, ủy quyền.

Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc⁷³

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của VAB.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VAB.
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế Quản trị nội bộ của VAB.
5. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
6. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

⁷² Điều 162 và Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 55 Luật các TCTD năm 2024;

⁷³ Điều 56 Luật các TCTD năm 2024; Điều 162 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

7. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
8. Ban hành theo thẩm quyền quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
9. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của VAB.
10. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
11. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của VAB trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
12. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của VAB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
14. Ký kết hợp đồng nhân danh VAB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của VAB.
15. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền.
16. Trình Hội đồng Quản trị quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
17. Trường hợp được Hội đồng Quản trị phân quyền/giao quyền, Tổng Giám đốc được quyết định về các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật.
18. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 63. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc⁷⁴

Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của Tổng Giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan, phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VAB và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc⁷⁵

1. Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;

⁷⁴ Điều 163 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

⁷⁵ Điều 41 Luật các TCTD năm 2024.

- b) Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - d) Có sức khỏe, hiểu biết luật pháp;
 - e) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - f) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - g) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB.
2. Phó Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 64.1.a và Điều 64.1.f;
 - b) Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - c) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

Điều 65. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc⁷⁶

- 1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64.1.b Điều lệ này;
 - b) Chết;
 - c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - d) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
 - e) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;

⁷⁶ Điều 45 và Điều 46 Luật các TCTD năm 2024.

- f) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
 - g) Mất tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - h) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64.1.b, Điều 64.1.c, Điều 64.1.d và Điều 64.1.e Điều lệ này;
 - b) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của VAB;
 - c) Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị; Hội đồng Quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có Quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động VAB để đảm bảo VAB hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN. Người được cử điều hành VAB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

CHƯƠNG XI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 66. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát⁷⁷

- 1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- 2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 05 thành viên.
- 3. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc khác để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- 5. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của

⁷⁷ Điều 51 Luật các TCTD năm 2024,

Luật các Tổ chức tín dụng. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 67. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát⁷⁸

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành VAB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của VAB.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
4. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành VAB, có quyền sử dụng các nguồn lực của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của VAB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của NHNN, Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu..
7. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành VAB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của VAB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
8. Lập danh sách Cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của VAB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

⁷⁸ Điều 52 Luật các TCTD năm 2024; Điều 170 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

9. Đề nghị Hội đồng Quản trị hợp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông hợp bất thường theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định của pháp luật.
10. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ này.
11. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của VAB.
12. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của VAB, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông.
13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VAB; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết.
14. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của VAB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
15. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
16. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7, 10, 16 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.
17. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 68. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát⁷⁹

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 67 Điều lệ này và chịu trách nhiệm về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông hợp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị hợp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.

⁷⁹ Điều 53 Luật các TCTD năm 2024;

7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 69. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát⁸⁰

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VAB và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát..
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập Ban Kiểm soát họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của VAB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của VAB và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành VAB.
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 70. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát⁸¹

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

⁸⁰ Điều 54 Luật các TCTD năm 2024.

⁸¹ Điều 171 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do VAB phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VAB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của VAB trong giờ làm việc.
5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VAB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 71. Thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát⁸²

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập ở mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VAB.

Điều 72. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát⁸³

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thông đốc NHNN;
2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này, các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (Ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;
3. Không phải người có liên quan của người quản lý VAB;

⁸² Điều 172 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

⁸³ Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 41 Luật các TCTD năm 2024.

4. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 73. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát⁸⁴

1. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - a) Không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 72.2 Điều lệ này;
 - b) Chết;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức chấm dứt;
 - f) VAB bị thu hồi giấy phép;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - b) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - e) Thuộc một trong các trường hợp tại Điều 73.2 Điều lệ này;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
4. Trong thời hạn tối đa 15 (Mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế.

⁸⁴ Điều 45, 546 Luật các TCTD năm 2024 và Điều 174 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

5. Hội đồng Quản trị của VAB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này (trừ trường hợp tại điểm f khoản 1 Điều này) gửi NHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này.
6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

Điều 74. Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban Kiểm soát và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.
2. Cuộc họp:
 - a) Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát theo đề nghị của:
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - Tổng Giám đốc;
 - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
 - b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN Chi nhánh Khu vực nơi VAB đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đủ điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban Kiểm soát và gửi thông báo tới NHNN theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
 - c) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa

điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

- d) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền dự họp. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trường Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần đầu không thể tổ chức do không đủ số thành viên tham dự. Sau 02 (hai) lần triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát không có đủ số thành viên tham dự, Trường Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần hai để Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

e) Biểu quyết:

- Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trường Ban Kiểm soát hoặc thành viên được Ban Kiểm soát ủy quyền làm Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trường Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc Trường Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo đề nghị).

3. Lấy ý kiến bằng văn bản:

- a) Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:
- Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

b) Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Điều 75. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 81 và Điều 77.4 Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
2. Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với VAB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không. Nếu sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

CHƯƠNG XII

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC⁸⁵

Điều 76. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban, Hội đồng của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của VAB và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 77. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của VAB phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

⁸⁵ Chương X Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của VAB và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của VAB.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa VAB, công ty con, công ty khác do VAB nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ trở lên với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của VAB và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa VAB với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [20%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [20%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [20%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 78. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn cần thiết phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. VAB bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VAB là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị,

cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được VAB ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VAB với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của VAB với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của VAB, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. VAB có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 79. Công khai lợi ích khác⁸⁶

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của VAB phải công khai với VAB các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB phải cung cấp cho tổ chức tín dụng các thông tin sau đây:
 - a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
 - b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
 - c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại VAB;
 - d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại VAB.

⁸⁶ Điều 164. Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 49 Luật các TCTD năm 2024.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho VAB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB so với lần cung cấp liền trước.
4. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, VAB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VAB.
5. VAB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của VAB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp.
6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.
7. Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau⁸⁷:
 - a) Các giao dịch giữa VAB với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - b) Các giao dịch giữa VAB, công ty con, công ty khác do VAB nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ trở lên với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật và theo quy định tại 77.3 Điều lệ này.

Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB⁸⁸

1. Quyền của người quản lý, người điều hành VAB:
 - a) Được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;
 - b) Được tham gia quản lý, điều hành hoạt động của VAB trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của VAB và quy định của pháp luật có liên quan;
 - c) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định của VAB và quy định của pháp luật.

⁸⁷ Khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

⁸⁸ Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 48 Luật các TCTD năm 2024.

2. Nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB.

- a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ VAB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của VAB, Cổ đông của VAB;
- c) Trung thành với lợi ích của VAB và Cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VAB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VAB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại đến lợi ích của VAB và Cổ đông VAB;
- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VAB về quyền lợi của mình có được ở các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của VAB và chỉ tham gia khi giao dịch đó được Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận;
- e) Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của VAB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của VAB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN;
- f) Không được cạnh tranh bất hợp pháp với VAB hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của VAB;
- g) Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của VAB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn, so với quy định chung của pháp luật và của VAB;
- h) Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi VAB bị lỗ;
- i) Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
- j) Các nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;
- k) Cung cấp và cập nhật các thông tin sau cho VAB khi có sự thay đổi:
 - Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho VAB và bên thứ ba.

Điều 81. Giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận⁸⁹

1. Hợp đồng, giao dịch giữa VAB với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại Điều 134 và Điều 135 Luật các Tổ chức tín dụng):
 - a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông của VAB và những người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp quy định tại Điều 79.1.a và Điều 79.1.b Điều lệ này và Người có liên quan của Người quản lý VAB;
 - d) Công ty con, công ty liên kết của VAB.
 2. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu tại Điều 81.1 có giá trị trên 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện của VAB ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp được quyền biểu quyết/lấy ý kiến bằng văn bản còn lại đồng ý.
 3. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu tại Điều 81.1 có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện VAB để ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- Hợp đồng nêu tại Điều 81.1 được ký kết, thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 81.2 và Điều 81.3, thì hợp đồng đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Các đối tượng có liên quan nêu tại Điều 81.1 và các cá nhân phía VAB tham gia quyết định, ký kết, thực hiện các hợp đồng này phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VAB các khoản lợi ích thu được từ việc thực hiện các hợp đồng đó.

⁸⁹ Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 67 và 70 Luật các TCTD năm 2024.

4. VAB phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XIII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ⁹⁰

Điều 82. Quyền tiếp cận thông tin, kiểm tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách, hồ sơ cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VAB.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của VAB, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VAB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. VAB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ này được công bố trên website của VAB.

CHƯƠNG XIV

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 83. Người lao động và công đoàn⁹¹

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của VAB với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VAB và quy định pháp luật hiện hành.

⁹⁰ Điều 49 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

⁹¹ Điều 50 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

CHƯƠNG XV

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 84. Trả cổ tức⁹²

1. Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của VAB. VAB chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi VAB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ VAB và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VAB vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của VAB.
4. VAB không trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của Cổ đông tại VAB.
5. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu VAB và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, VAB sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng cổ phần hoặc bằng tài sản khác theo quy định tại Điều lệ VAB, đảm bảo theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
7. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi VAB đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu VAB đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì VAB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
8. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu Cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các Cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các Cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những Cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các Cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của VAB. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá

⁹² Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

số này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Cổ tức trả cho Cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại Cổ phần ưu đãi.

10. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên VAB; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Số Căn cước/Số căn cước công dân/Số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng Cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của VAB.
11. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ VAB.
12. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc VSDC.

Điều 85. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 86. Trích lập các quỹ⁹³

1. Lợi nhuận của VAB sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:
 - a) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).
 - b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - c) Trích 10% vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của VAB.
 - d) Trích 10% vào Quỹ dự phòng tài chính.
 - e) Lợi nhuận còn lại được phân phối tiếp cho việc trích vào các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ chia cổ tức do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.
2. Các vấn đề liên quan đến việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên được thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB.

⁹³ Điều 21 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP;

CHƯƠNG XVI

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 87. Tài khoản ngân hàng

1. VAB mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, VAB có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. VAB tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VAB mở tài khoản.

Điều 88. Chế độ tài chính

VAB tự chủ về tài chính, thực hiện báo cáo tài chính theo các quy định của pháp luật liên quan tới tài chính, thuế, phí và các quy định liên quan khác của pháp luật, đồng thời thực hiện báo cáo tài chính theo quy định của NHNN đối với các tổ chức tín dụng (ngân hàng thương mại).

Điều 89. Năm tài chính

Năm tài chính của VAB bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

Điều 90. Hệ thống kế toán

Thực hiện chế độ kế toán: VAB tổ chức thực hiện chế độ kế toán theo Luật kế toán và hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của NHNN đối với các tổ chức tín dụng (ngân hàng thương mại).

CHƯƠNG XVII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 91. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý⁹⁴

1. VAB phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này. VAB công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VAB.

⁹⁴ Điều 55 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC

Điều 92. Báo cáo thường niên

VAB phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 93. Báo cáo⁹⁵

1. VAB phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN và Ủy ban Chứng khoán. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của VAB chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.
2. Ngoài các báo cáo quy định tại Điều 93.1, VAB có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau:
 - a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VAB;
 - b) Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của VAB; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn;
 - c) Thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tín dụng; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
3. Công ty con, Công ty liên kết của VAB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.
4. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VAB phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.
5. VAB có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các quy định về công bố thông tin của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và của Ủy ban chứng khoán hướng dẫn công ty đại chúng công bố thông tin.

Điều 94. Công khai báo cáo tài chính

1. Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VAB phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật⁹⁶.
2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, VAB phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định khác có liên quan của pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng⁹⁷.

⁹⁵ Điều 152 Luật các TCTD năm 2024.

⁹⁶ Điều 154 Luật các TCTD năm 2024;

⁹⁷ Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC

Điều 95. Thông tin⁹⁸

1. VAB phải thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản tại VAB cho chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. VAB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của VAB.
3. VAB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp cho NHNN các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với VAB theo quy định của NHNN.
4. VAB có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung và các quy định khác có liên quan của pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng.

Điều 96. Bảo mật thông tin⁹⁹

1. Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của VAB và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của VAB.
2. VAB phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại VAB.
3. VAB không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch khác của khách hàng tại VAB cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XVIII

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM SOÁT NỘI BỘ¹⁰⁰

MỤC 1

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 97. Kiểm toán độc lập¹⁰¹

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, VAB phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, VAB phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.

⁹⁸ Điều 12 Luật các TCTD năm 2024;

⁹⁹ Điều 13 Luật các TCTD năm 2024;

¹⁰⁰ Thông tư số 44/2011/TT-NHNN;

¹⁰¹ Điều 59 Luật các TCTD năm 2024;

3. VAB phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
4. Kiểm toán viên độc lập được phép tham dự các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ phiên họp nào mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.¹⁰²

Điều 98. Bộ phận kiểm toán nội bộ¹⁰³

1. Kiểm toán nội bộ của VAB được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của tổ chức tín dụng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm VAB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc VAB.

Điều 99. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ¹⁰⁴

Ban Kiểm soát bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

MỤC 2

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 100. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ

1. VAB phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ giúp Tổng Giám đốc điều hành thống suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của VAB.
2. Hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VAB được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của NHNN và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.
3. Hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB phải bảo đảm các yêu cầu sau đây¹⁰⁵:
 - a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;

¹⁰² Điều 57 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

¹⁰³ Điều 58 Luật các TCTD năm 2024;

¹⁰⁴ Điều 52 Luật các TCTD 2024;

¹⁰⁵ Điều 14.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN;

- c) Mọi hoạt động của VAB đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ;
 - d) Kiểm soát xung đột lợi ích; phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm;
 - e) Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của cá nhân, bộ phận đối với kiểm soát nội bộ để xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát của VAB.
4. Các đơn vị kiểm soát nội bộ của VAB phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Điều 101. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách¹⁰⁶

1. Tùy theo quy mô, mức độ, phạm vi và đặc thù hoạt động của mình, VAB tự xem xét, quyết định thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc. Trong mọi trường hợp dù có hay không có bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, VAB phải thiết lập, duy trì, tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo các quy định của NHNN.
2. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế, quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ của VAB; giúp Tổng Giám đốc thực hiện việc tự kiểm tra để tổng hợp, rà soát, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện, ngăn ngừa và kịp thời kiến nghị xử lý những tồn tại, sai phạm trong mọi hoạt động nghiệp vụ, hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, đảm bảo VAB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

CHƯƠNG XIX

CON DẤU

Điều 102. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định và thông qua con dấu chính thức của VAB. Con dấu của VAB được khắc, đăng ký theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc điều hành quy định về mẫu dấu, số lượng con dấu, quản lý và sử dụng con dấu của VAB theo quy định pháp luật và VAB.

CHƯƠNG XX

CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THÈ THANH LÝ

MỤC 1

CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT¹⁰⁷

¹⁰⁶ Điều 6 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN;

¹⁰⁷ Chương IX, chương X Luật các TCTD năm 2024.

Điều 103. Xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

1. VAB phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.
2. Phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và gửi NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.
3. Định kỳ ít nhất 02 năm, VAB cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này. Phương án sau cập nhật, điều chỉnh phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và gửi NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.

Điều 104. Các trường hợp VAB có thể bị áp dụng can thiệp sớm

1. Số lỗ lũy kế của VAB lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật các tổ chức tín dụng.
2. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 30 ngày liên tục;
4. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 06 tháng liên tục;
5. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN.

Điều 105. Chấm dứt can thiệp sớm

VAB chấm dứt can thiệp sớm trong các trường hợp sau đây:

1. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt việc thực hiện văn bản yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật các tổ chức tín dụng khi VAB khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật các tổ chức tín dụng và có văn bản báo cáo gửi NHNN;
2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận sáp nhập, hợp nhất VAB với tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Điều 201 của Luật các tổ chức tín dụng;
3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định giải thể, phá sản VAB theo quy định của pháp luật;
4. Ngân hàng Nhà nước có quyết định đặt VAB vào kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 162 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 106. Xử lý trong và trường hợp bị rút tiền hàng loạt

1. Khi bị rút tiền hàng loạt, VAB phải báo cáo NHNN và thực hiện ngay các biện pháp sau đây:
 - a) Không chia cổ tức bằng tiền mặt; tạm dừng hoặc hạn chế các hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có sử dụng nguồn tiền của VAB; các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu chi trả tiền gửi cho khách hàng;
 - b) Thực hiện các biện pháp tại phương án khắc phục trong tình huống bị rút tiền hàng loạt theo phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm; cập nhật, điều chỉnh phương án trong trường hợp cần thiết.

2. Trường hợp VAB đang được can thiệp sớm bị rút tiền hàng loạt, VAB đó phải báo cáo NHNN về tình trạng rút tiền hàng loạt và rà soát, đánh giá lại thực trạng để xây dựng, điều chỉnh phương án khắc phục theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.
3. VAB được áp dụng biện pháp hỗ trợ sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:
 - a) Bán giấy tờ có giá cho NHNN trên nghiệp vụ thị trường mở với lãi suất 0%;
 - b) Thực hiện giao dịch ngoại tệ với NHNN để bảo đảm thanh khoản theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - c) Vay đặc biệt từ NHNN; vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; vay đặc biệt từ tổ chức tín dụng khác.

Điều 107. Các trường hợp VAB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. VAB được can thiệp sớm nhưng không có phương án khắc phục gửi NHNN hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN;
2. Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, VAB được can thiệp sớm nhưng không có khả năng thực hiện phương án khắc phục;
3. Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà VAB không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm;
4. Bị rút tiền hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;
5. Tỷ lệ an toàn vốn của VAB thấp hơn 04% trong thời gian 06 tháng liên tục;
6. VAB bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.

Điều 108. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi VAB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt;
2. Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.
3. Tiếp tục quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động và bảo đảm an toàn tài sản của ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật trừ trường hợp bị đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát ngân hàng.
4. Thực hiện yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt, NHNN theo quy định của pháp luật.

Điều 109. Khoản vay đặc biệt¹⁰⁶

1. VAB được vay đặc biệt của NHNN, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác trong các trường hợp sau đây:
 - a) Để hỗ trợ thanh khoản khi VAB có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian VAB được kiểm soát

¹⁰⁶ Điều 4, Điều 15 Thông tư 08/2021/TT-NHNN

đặc biệt, bao gồm cả trường hợp VAB đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;

- b) Đề hỗ trợ phục hồi theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
2. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của VAB trong trường hợp sau đây:
- a) Khi đến hạn trả nợ, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc trường hợp thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt;
 - b) Khi giải thể, phá sản tổ chức tín dụng.

Điều 110. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt

NHNN xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với VAB khi được kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. VAB khắc phục được tình trạng dẫn đến việc bị đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật;
2. Trường hợp được kiểm soát đặc biệt, VAB hoàn thành phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
3. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, VAB được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể;
4. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản đối với VAB.

MỤC 2

PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ¹⁰⁹

Điều 111. Giải thể và chấm dứt hoạt động¹¹⁰

1. VAB giải thể và chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:
 - a) Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - b) Hết thời hạn hoạt động nhưng không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - d) VAB không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (Sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

¹⁰⁹ Mục XIII Luật các TCTD năm 2024;

¹¹⁰ Từ Điều 207 đến Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 202 Luật các TCTD năm 2024;

- c) VAB được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. VAB chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và được NHNN chấp thuận theo quy định pháp luật.

Điều 112. Gia hạn hoạt động¹¹¹

- 1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của VAB theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
- 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông dự họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 113. Thanh lý¹¹²

- 1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của VAB hoặc sau khi có quyết định giải thể, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên VAB hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được VAB ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VAB.
- 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt VAB trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VAB trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các khoản chi phí thanh lý, lương, trợ cấp cho người lao động, khoản nợ, thuế và các khoản chi phí khác với thứ tự ưu tiên theo quy định pháp luật;
 - b) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ tại mục (a) trên đây được phân chia cho các Cổ đông. Các Cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XXI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 114. Giải quyết tranh chấp nội bộ¹¹³

- 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của VAB hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

¹¹¹ Điều 60 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

¹¹² Điều 61 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹¹³ Điều 62 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

- a) Cổ đông với VAB; hoặc
- b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của VAB.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong thời hạn 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Trọng tài, Tòa án sẽ do Trọng tài, Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 115. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc¹¹⁴

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh VAB khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:
 - a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý VAB theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật;
 - b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ VAB hoặc nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VAB để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của VAB để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông khởi kiện nhân danh VAB sẽ tính vào chi phí của VAB, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

¹¹⁴ Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

CHƯƠNG XXII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 116. Sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định. Điều lệ VAB sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng Quản trị ký ban hành Điều lệ và thực hiện các thủ tục công bố, báo cáo theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của VAB chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của VAB.

Điều 117. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ được lập thành 06 (sáu) bản gốc, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) 01 (một) bản gốc nộp cho NHNN;
 - b) 01 (một) bản gốc nộp cho NHNN Chi nhánh Khu vực;
 - c) 01 (một) bản gốc đăng ký tại Sở tài chính Thành phố Hà Nội;
 - d) 01 (một) bản gốc nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - e) 02 (hai) bản gốc lưu trữ tại Trụ sở chính VAB.
2. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ VAB có giá trị khi được sao y trích lục theo quy định nội bộ về công tác văn thư của VAB và quy định pháp luật.
3. Quy định chuyển tiếp:
 - a) Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 49 và 55 Điều lệ VAB, Điều 41, 42 và 43 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
 - b) Hội đồng Quản trị của VAB được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 50 của Điều lệ VAB, khoản 1 và khoản 3 Điều 69 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.
 - c) Ban Kiểm soát của VAB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ này, khoản 2 Điều 51 Luật các tổ chức tín dụng được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, trừ trường hợp VAB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát.

- d) Cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều lệ này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
4. Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông phiên họp thường niên năm 2025 của VAB thông qua ngày 26/4/2025 và ban hành theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐQT ngày...../...../2025 của Hội đồng Quản trị. Điều lệ này có hiệu lực vào ngày/...../2025 . Các bản Điều lệ trước đây của VAB hết hiệu lực từ/...../2025 trừ việc thực hiện các quy định chuyển tiếp theo quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHƯƠNG THÀNH LONG

Số: /2025/ITr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH**

V/v: “Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC);
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á (“VAB”),

Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VAB, cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi, bổ sung.

Nhằm đảm bảo cập nhật quy định của pháp luật một cách kịp thời, đồng thời, trên cơ sở áp dụng thực tiễn, Hội đồng Quản trị nhận thấy cần sửa đổi, bổ sung một số quy định để phù hợp với thực tiễn hoạt động, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng Quản trị thực hiện vai trò quản trị của mình.

2. Nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung.

Nội dung sửa đổi các Điều/Khoản của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VAB; theo nội dung tại Dự thảo và Bảng so sánh Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024 và sau khi sửa đổi; đính kèm Tờ trình này.

3. Nội dung trình phê duyệt của Hội đồng Quản trị.

Từ các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

- a. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VAB, hiệu lực kể từ ngày Hội đồng Quản trị ký ban hành (trừ các điều khoản chuyển tiếp theo dự thảo Quy chế) và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VAB ban hành kèm theo Quyết định số 106/2024/QĐ-HĐQT ngày 10/5/2024 của Hội đồng Quản trị.

- b. Chấp thuận giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện hoàn chỉnh dự thảo và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VAB theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông 2025 thông qua tại cuộc họp, bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung nội dung, điều chỉnh thủ tục điều khoản phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn. VAB thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại trang thông tin điện tử của VAB.

Trân trọng kính trình.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

Phường Thành Long

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
1.			Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT		
2.	Khoản 1	Điều 4	1. Hội đồng Quản trị (HĐQT) làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua việc biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau.	1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể.	Tham chiếu mẫu Quy chế HĐQT tại Thông tư 116/2020/TT-BTC. Đồng thời, nội dung này đã có tại Điều 6 Quy chế này.
3.			CHƯƠNG II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐQT, CHỦ TỊCH HĐQT, THÀNH VIÊN HĐQT VAB	CHƯƠNG II HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Sắp xếp lại cấu trúc văn bản (Tham chiếu mẫu Quy chế HĐQT tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.)
4.			Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT		
5.	Khoản 1	Điều 5	1. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (Năm) thành viên và không quá 11 (Mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB.	1. Hội đồng Quản trị phải có <u>tối thiểu</u> 05 (Năm) thành viên và không quá 11 (Mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB.	Phù hợp với Điều 69 Luật các TCTD 2024
6.			Điều 6. Nhiệm vụ và Quyền hạn của HĐQT		
7.	Khoản 2	Điều 6	2.1. Thông qua phương án huy động vốn	Bãi bỏ	Sửa đổi bổ sung phù hợp quy định Luật các tổ chức tín dụng
8.	Khoản 2	Điều 6	2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh của VAB theo quy định của pháp	2.4. <u>Thông qua việc đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép</u>	Sửa đổi theo quy định tại Thông tư

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			luật trên cơ sở phê duyệt chủ trương của ĐDHHĐCĐ; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB.	của VAB; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB.	34/2024/TT-NHNN nhằm thuận tiện trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến thay đổi/bổ sung Giấy phép hoạt động của VAB (thẩm quyền sửa đổi bổ sung nội dung hoạt động NHNN cho phép HĐQT của TCTD quyết định)
9.	Khoản 2	Điều 6	2.6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị	2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác <u>thuộc thẩm quyền</u> theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị	Làm rõ từ ngữ
10.	Khoản 2	Điều 6	2.9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	2.8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ	Bổ sung thuận tiện trong quá trình hoạt động của VAB

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
				đồng. <u>Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền, quyết định phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần phù hợp với thực tiễn hoạt động của VAB.</u>	
11.	Khoản 2	Điều 6	2.13. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Hội đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con	2.12. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; <u>quyết định thay đổi trụ sở chính của công ty con;</u> các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Hội đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con	Sửa đổi nhằm thuận tiện trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyết định thay đổi trụ sở chính của công ty con VAB.
12.	Khoản 2	Điều 6	2.31. Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác	2.30. <u>Giám sát Tổng giám đốc</u> trong việc tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác	Điều chỉnh phù hợp nguyên tắc tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
13.	Khoản 6	Điều 6	6. Giúp việc cho HĐQT có các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT, Thư ký HĐQT và Văn phòng HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT, Thư ký HĐQT và Văn phòng HĐQT được quy định tại Chương V của Quy chế này và theo quy định nội bộ của VAB từng thời kỳ.	Bãi bỏ	Do đã có quy định tại Điều 25 Quy chế này
14.		Điều 12	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	Chuyển điều 12 lên Chương II. HĐQT

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
				(Tham chiếu mẫu TT 116)
15.	Điều 13	Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường	Điều 8. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường	Chuyển điều 13 lên Chương II. HĐQT (Tham chiếu mẫu TT 116)
16.			CHƯƠNG III THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Tách chương III Thành viên HĐQT (từ chương II. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT) (Phù hợp Tham chiếu mẫu TT 116/2020.TT-BTC)
17.	Điều 7	Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT 1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. 2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT. 3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT. 4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT. 5. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	Điều 9. Chủ tịch Hội đồng Quản trị 1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. 2. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của VAB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác. 3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ VAB và quy định nội bộ khác VAB.	Tham chiếu Điều 7 mẫu quy chế HĐQT tại TT 116/2020/TT-BTC, Điều 43 luật các TCTD 2024

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		6. Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét. 7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT. 8. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung. 9. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm 01 (Một) lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này. 10. Thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. 11. Có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo hoạt động của VAB, báo cáo kiểm toán và báo cáo khác thuộc trách nhiệm của HĐQT. 12. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt tại trụ sở VAB hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được hoặc các trường hợp khác nếu Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong HĐQT để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các		

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của HĐQT. 13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VAB (nếu có).		
18.	Điều 8	Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT 1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VAB và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. 2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo. 3. Tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia việc lấy ý kiến bằng văn bản, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước HĐQT về quyết định của mình. 4. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT.	Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT 1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Điều lệ VAB và pháp luật liên quan. 2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty. 3. Thành viên độc lập của HĐQT (trong trường hợp VAB niêm yết) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.	Điều lệ đã có quy định cụ thể

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		5. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu. 6. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Điều lệ VAB và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. 7. Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo quy định tại Điều lệ VAB. 8. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ VAB. 9. Yêu cầu Người điều hành, Người quản lý cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VAB nhằm thực hiện nhiệm vụ quản trị của mình. 10. Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2.4, 2.6, 2.7, 2.9, 2.10, 2.11, 2.13, 2.14, 2.15, 2.21 và 2.36 Điều 6 của Quy chế này. 11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ VAB và quy định pháp luật (nếu có).		
19.		CHƯƠNG III TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		Gộp Chương này vào Chương III. Thành viên HĐQT

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HDQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
20.		Điều 14	Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HDQT 1. Cá nhân được bầu làm thành viên HDQT phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự. b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên HDQT theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ VAB, quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp. c) Có sức khỏe và hiểu biết pháp luật. d) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. e) Có trình độ từ đại học trở lên. f) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. 2. Đối với thành viên độc lập của HDQT, ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này, phải đảm	Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HDQT 1. Thành viên HDQT, thành viên độc lập của HDQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ VAB và Luật các tổ chức tín dụng. 2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên HDQT theo quy định tại Điều lệ VAB, Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng.	Điều lệ đã có quy định cụ thể

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định sau: a) Không phải là người đang làm việc cho VAB hoặc Công ty con của VAB hoặc đã làm việc cho VAB hoặc Công ty con của VAB trong 03 (ba) năm liền kề trước đó. b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VAB ngoài những khoản thù lao của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định. c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của VAB, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên BKS của VAB hoặc công ty con của VAB. d) Không đại diện sở hữu cổ phần của VAB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB. e) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (Năm) năm liền kề trước đó.		
21.			Điều 17. Đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT		
22.	Khoản 4	Điều 17	4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT của VAB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm kể từ ngày được ĐHCĐ bầu vào vị trí này.	4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT của VAB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.	Điều 45.3 Luật các TCTD 2024.
23.			Điều 18. Bãi nhiệm, miễn nhiệm		

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
24.	Khoản 1	Điều 18	1. Chủ tịch và thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. b) Có đơn xin từ chức hoặc văn bản (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT của VAB để trình ĐHĐCĐ. c) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật và điều lệ VAB từng thời kỳ. d) Khi thành viên độc lập HĐQT không đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 55, Điều 43, điểm b khoản 2 Điều 49 của Điều lệ. e) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 14 của Quy chế này. f) Theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm. g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB từng thời kỳ	1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 16 của Quy chế này và Điều lệ VAB, Chủ tịch và thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT của VAB; b) Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (Sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 55 Điều lệ này. d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập HĐQT không đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 43, Điều 49 của Điều lệ này; e) Bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Điều 46 Luật các TCTD
25.	Khoản 3	Điều 18	3. HĐQT tổ chức cuộc họp khi có đủ tài liệu, cơ sở xác định Chủ tịch, thành viên HĐQT thuộc các trường hợp bị bãi nhiệm, miễn nhiệm và phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước kèm tài liệu liên quan về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này trong thời hạn 10 (mười)	3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.	Điều 46.3 Luật các TCTD

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			ngày làm việc kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.		
26.			Điều 19. Thay thế thành viên HĐQT		
27.	Khoản 1	Điều 19	1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức phải có đơn từ chức hoặc văn bản gửi đến HĐQT. hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải tổ chức họp để tiến hành bầu một thành viên HĐQT đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành thay thế làm Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức của Chủ tịch HĐQT hoặc bị <u>miễn nhiệm</u> , bãi miễn.	1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải tiến hành bầu một thành viên HĐQT đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành thay thế làm Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức của Chủ tịch HĐQT hoặc bị <u>miễn nhiệm</u> , bãi miễn.	Cập nhật phù hợp với quy định pháp luật.
28.	Khoản 2	Điều 19	2. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên HĐQT mới để thay thế cho thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.	3. Đại hội đồng có đồng quyết định thay thế, bổ sung thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ VAB và quy định pháp luật.	Cập nhật phù hợp với quy định pháp luật.
29.	Khoản 4	Điều 19	4. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, các thành viên HĐQT mới được bầu xử lý.	4. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, các thành viên HĐQT mới.	Cập nhật phù hợp với quy định pháp luật.
30.			Điều 21. Công khai các khoản lợi ích có liên quan		
31.	Khoản 1	Điều 21	1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của VAB phải công khai với VAB các thông tin sau đây:	1. Thành viên HĐQT phải công khai với VAB các thông tin sau đây:	Phù hợp với đối tượng điều chỉnh của Quy chế này



STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
32.	Khoản 2	Điều 21	2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB phải cung cấp cho tổ chức tin dụng các thông tin sau đây: a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này; b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này; c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại VAB; d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại VAB.	Bãi bỏ	Do không thuộc quy định của Quy chế này
33.	Khoản 3	Điều 21	3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.	3. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.	Bỏ điều khoản trích dẫn cho phù hợp
34.	Khoản 3	Điều 21	Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho VAB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB so với lần cung cấp liền trước.	Bãi bỏ	Do không thuộc quy định của Quy chế này
35.	Khoản 4	Điều 21	4. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận	4. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ	Điều chỉnh trích dẫn điều khoản phù hợp

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, VAB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VAB.	ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, VAB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VAB.	
36.	Khoản 5	Điều 21	5. VAB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của VAB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp.	Bãi bỏ	Do không thuộc quy định của Quy chế này
37.	Khoản 6	Điều 21	6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.	6. <u>Thành viên HĐQT</u> cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.	Điều chỉnh câu chữ phù hợp
38.			Điều 22. Hợp HĐQT		
39.	Khoản 4	Điều 22	4. Đề nghị quy định tại khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Người có thẩm quyền (Chủ tịch hoặc người được ủy quyền) triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT. Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không	4. Đề nghị quy định tại khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Người có thẩm quyền (Chủ tịch hoặc người được ủy quyền) triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT. 5. Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một	Tách làm 2 khoản



STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch hoặc người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng và vấn đề cần thảo luận, quyết định không thuộc thẩm quyền HĐQT; trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.	trong các đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch hoặc người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng và vấn đề cần thảo luận, quyết định không thuộc thẩm quyền HĐQT; trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.	
40.	Khoản 8	Điều 22	8. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên HĐQT.	8. Trong trường hợp cuộc họp HĐQT có mời các thành viên Ban Kiểm soát và/ hoặc Tổng giám đốc và/ hoặc các thành phần khác, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên này như đối với thành viên HĐQT. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành phần khác không phải là thành viên HĐQT có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Gộp khoản 8 + 9 + 10 và Điều chỉnh phù hợp với điều lệ VAB
41.	Khoản 9	Điều 22	9. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.		
42.	Khoản 10	Điều 22	10. Các thành phần khác: để phục vụ cuộc họp HĐQT Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền có thể mời TGD, một số PTGD, chủ tịch và phó chủ tịch các Ủy ban/ Hội đồng thuộc HĐQT, một số giám đốc khối và các chức danh khác tham dự nhưng không có quyền biểu quyết.		
43.			Điều 23. Biên bản họp HĐQT		
44.	Khoản 2	Điều 23	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và đồng ý thông qua biên bản họp, có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và đồng ý thông qua biên bản họp, có đầy đủ nội dung theo quy định	Tách làm 2 điều (phù hợp với quy định tại điều 158.2 và Điều 158.3 Luật doanh nghiệp)

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB và pháp luật có liên quan.	tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. 3. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB và pháp luật có liên quan	
45.			Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản		
46.	Khoản 1	Điều 24	1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Chủ tịch HĐQT được quyền ủy quyền, phân công cho các thành viên HĐQT khác ký Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT để thực hiện việc lấy ý kiến của các Thành viên HĐQT bằng văn bản.	1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Chủ tịch HĐQT được quyền ủy quyền <u>cho một thành viên HĐQT khác về việc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.</u>	Điều chỉnh câu chữ phù hợp
47.	Khoản 3	Điều 24	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT. f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã có ý kiến về VAB.	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c) Họ, tên của thành viên HĐQT. f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã có ý kiến về VAB (nếu có).	Phù hợp với thực tiễn hoạt động.
48.	Khoản 8	Điều 24	8. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	8. Nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày ban hành.	Phù hợp với thực tiễn hoạt động.
49.		Bổ sung		Điều 25. Hình thức lấy ý kiến khác 1. Hội đồng Quản trị tổ chức hình thức lấy ý kiến số thông qua phần mềm/ ứng dụng số theo quy	Bổ sung nhằm thuận tiện cho các cách thức tổ chức lấy ý kiến của



STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			định của VAB từng thời kỳ và đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật. 2. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT thông qua các hình thức tại khoản 1 Điều này. Chủ tịch HĐQT được quyền ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác về việc tổ chức lấy ý kiến số này. 3. Nội dung lấy ý kiến, kiểm phiếu áp dụng theo khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 24 Quy chế này. 4. Chữ ký của thành viên HĐQT tại phiếu lấy ý kiến được coi là hợp lệ là chữ ký số theo quy định pháp luật hiện hành. 5. Lựa chọn phương án biểu quyết: Thành viên HĐQT phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết đối với nội dung lấy ý kiến, nếu thành viên HĐQT có xác nhận ký số đối với nội dung lấy ý kiến thì được coi là không hợp lệ. Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết thì được coi là lựa chọn phương án “không có ý kiến”. 6. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.	HDQT thông qua hình thức khác.

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
				7. Nội dung lấy ý kiến đã được trả lời, nội dung kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo ý kiến đều phải được lưu trữ trên hệ thống của VAB. 8. Nghị quyết, Quyết định được thông qua hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng các hình thức này có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.	
50.	Điều 26		Điều 26. Thư ký HĐQT HĐQT bổ nhiệm thư ký HĐQT khi thấy cần thiết. HĐQT có thể bãi nhiệm thư ký HĐQT vào bất cứ thời điểm nào tuy nhiên không được làm phương hại đến các yếu tố bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký HĐQT và VAB. Một hoặc nhiều người có thể đồng thời được bổ nhiệm là thư ký HĐQT. Chức năng và nhiệm vụ của thư ký HĐQT bao gồm: 1. Thực hiện các công việc chuẩn bị cho cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và DHDCTD. 2. Thông báo việc triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT hay của Ban Kiểm soát. 3. Tham dự cuộc họp và Ghi biên bản cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan. 4. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp HĐQT, DHDCTD. 5. Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và cổ đông VAB.	Bãi bỏ	Phù hợp với quy định của Luật các TCTD 2024 và thực tiễn hoạt động của VAB

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		6. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. 7. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty. 8. Hỗ trợ VAB trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. 9. Chức năng và nhiệm vụ khác do HĐQT quy định phù hợp với quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.		
51.	Điều 27	Điều 27. Người phụ trách quản trị VAB	Bãi bỏ	Đã quy định tại điều lệ
52.	Điều 28	Điều 28. Văn phòng HĐQT 1. Văn phòng HĐQT là bộ phận giúp việc cho HĐQT, có các chức năng nhiệm vụ cơ bản sau: a) Tham mưu giúp việc cho HĐQT trong quản trị hoạt động của ngân hàng và các công ty con; b) Điều phối, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT/HĐQT đối với Ban điều hành, các công ty thành viên và các Ủy ban, Hội đồng thuộc sự quản lý của HĐQT; c) Giúp việc HĐQT trong công tác quan hệ cổ đông; d) Thư ký tổng hợp cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT; e) Giúp việc cho HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong công tác đối ngoại; f) Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và HĐQT	Điều 27. Văn phòng HĐQT 1. Văn phòng HĐQT là bộ phận giúp việc cho HĐQT, có các chức năng nhiệm vụ cơ bản sau: a) Tham mưu giúp việc cho HĐQT trong quản trị hoạt động của ngân hàng và các công ty con; b) Điều phối, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT/HĐQT đối với Ban điều hành, các công ty thành viên và các Ủy ban, Hội đồng thuộc sự quản lý của HĐQT; c) Giúp việc HĐQT trong công tác quan hệ cổ đông; d) Thư ký tổng hợp cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT; e) Giúp việc cho HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong công tác đối ngoại; f) Thực hiện các công việc chuẩn bị cho cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và ĐHĐCĐ.	Bổ sung phù hợp với thực tiễn hoạt động

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			2. Để thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên Văn phòng HĐQT có cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự theo quy định cụ thể của HĐQT. 3. Chủ tịch HĐQT thông qua phân công công việc của các nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT.	g) Thông báo việc triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT hay của Ban Kiểm soát. h) Tham dự cuộc họp và Ghi biên bản cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan. i) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ. j) Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và cổ đông VAB. k) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. l) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty. m) Hỗ trợ VAB trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. n) Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và HĐQT 2. Để thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên Văn phòng HĐQT có cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự theo quy định cụ thể của HĐQT. 3. Chủ tịch HĐQT thông qua phân công công việc của các nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT.	
53.			Điều 37. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế	Điều 36. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế	
54.	Khoản 1	Điều 37	1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua ngày 26/4/2024 và ban hành theo Quyết định số 106/2024/QĐ-HĐQT ngày	1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>2025</u> thông qua ngày 26/4/2025 và ban hành theo Quyết định số <u>....</u> /2025/QĐ-HĐQT	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2024	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			10/5/2024 của HĐQT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024, trừ trường hợp quy định tại Điều 36 Quy chế này.	ngày của HĐQT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày trừ trường hợp quy định tại Điều 36 Quy chế này.	
55.	Khoản 2	Điều 37	2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB ban hành kèm theo Quyết định số 121/2023/QĐ-HĐQT ngày 11/5/2023 của HĐQT VAB.	2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐQT ngày của HĐQT VAB.	
56.				Các nội dung chỉnh sửa khác (lỗi chính tả, viết tắt, cập nhật số điều/ khoản phù hợp) chi tiết theo Dự thảo đính kèm.	



DỰ THẢO

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2025/QĐ-HDQT ngày .../.../2025
của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á)

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2025/NQ-DHĐCĐ ngày .../4/2025 của Ngân hàng TMCP Việt Á.

Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan trên toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Á.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt

1. Định nghĩa các thuật ngữ áp dụng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á từng thời kỳ và theo quy định pháp luật.

Trường hợp có sự thay đổi quy định pháp luật và Điều lệ VAB dẫn đến từ ngữ trong Quy chế này khác nghĩa, hoặc chưa được định nghĩa tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định mới tại quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

2. “VAB” là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.
3. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông.
4. “HDQT” là chữ viết tắt của Hội đồng Quản trị.
5. “BKS” là chữ viết tắt của Ban Kiểm soát.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HDQT

1. HDQT làm việc theo nguyên tắc tập thể.
2. Các thành viên của HDQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HDQT đối với sự phát triển của VAB.



3. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 05 (Năm) thành viên và không quá 11 (Mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB.
2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị; nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng Quản trị của VAB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 6. Nhiệm vụ và Quyền hạn của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản trị của VAB có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ VAB và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - 2.1. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch kinh doanh của công ty con VAB theo quy định pháp luật.
 - 2.2. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
 - 2.3. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ.
 - 2.4. Thông qua việc đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của VAB; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB.
Hội đồng Quản trị có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
 - 2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ do HĐQT ban hành.
 - 2.6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 - 2.7. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

Hội đồng Quản trị có thể phân cấp/phân quyền/giao lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

2.8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau:

- a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền quyết định phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần phù hợp với thực tiễn hoạt động của VAB.
- b) Các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản khác của VAB không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ VAB. HĐQT có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc quyết định các giao dịch này đảm bảo tuân thủ Khoản 2.11 Điều này và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

2.9. Quyết định các khoản cấp tín dụng như sau:

- a) Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- b) Các khoản cấp tín dụng khác không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ VAB. HĐQT có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc phê duyệt cấp tín dụng trong trường hợp này đảm bảo phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

2.10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB.

2.11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.

2.12. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; quyết định thay đổi trụ sở chính của công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của HĐQT ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con.

2.13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VAB phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của ĐHĐCĐ.

2.14. Ban hành, sửa đổi, bổ sung và quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VAB.

2.15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;

2.16. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

2.17. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

2.18. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

2.19. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của VAB trên cơ sở được ĐHĐCĐ phân công, phân cấp, giao/ủy quyền.

2.20. Quyết định mua lại cổ phần của VAB.

2.21. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và

- thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 2.22. Trên cơ sở được ĐHĐCD giao/ủy quyền, HĐQT quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN (trong danh sách các tổ chức kiểm toán do BKS đề xuất và đã được ĐHĐCD thông qua) để thực hiện kiểm toán các hoạt động của VAB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.
 - 2.23. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
 - 2.24. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
 - 2.25. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT.
 - 2.26. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
 - 2.27. Trừ các hợp đồng phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của VAB (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh).
 - 2.28. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ngân hàng.
 - 2.29. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty thành viên độc lập thuộc VAB.
 - 2.30. Giám sát Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
 - 2.31. Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.
 - 2.32. Phê duyệt Kế hoạch vốn của VAB.
 - 2.33. Ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với các chức danh tại VAB (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ).
 - 2.34. Xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện Phương án cơ cấu lại VAB trên cơ sở các định hướng phát triển của ngân hàng đã được ĐHĐCD VAB thông qua đồng thời đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật, hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và cơ quan quản lý khác.
 - 2.35. Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu ra công chúng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.36. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 - 2.37. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền triển khai thực hiện cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.38. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VAB (nếu có).
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ VAB quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một

phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ VAB gây thiệt hại cho VAB thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của VAB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
5. HĐQT sử dụng con dấu của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa VAB với các đối tượng là người có liên quan theo quy định Điều lệ VAB và quy định của pháp luật.
2. Người đại diện VAB ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ VAB quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 8. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ, khoản 1 Điều 5 Quy chế này;
 - c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ VAB;
 - d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ VAB;
 - e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;
 - g) Tình hình tài chính của VAB cho thấy VAB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;
 - h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ VAB và/hoặc theo quy định của pháp luật.
2. Các thủ tục, trình tự triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định pháp luật.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của VAB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ VAB và quy định nội bộ khác VAB.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Điều lệ VAB và pháp

luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị (trong trường hợp VAB niêm yết) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 11. Vai trò thành viên độc lập của HĐQT

1. Cung cấp và tham gia vào công việc của HĐQT dưới khía cạnh độc lập, khách quan và không bị ràng buộc bởi tư tưởng nội bộ.
2. Đưa ra những phản biện mang tính xây dựng phù hợp với tổng thể vai trò hoạt động của HĐQT.
3. Tăng cường tính chặt chẽ của các quy trình hoạt động của HĐQT.
4. Tạo nên tính hài hòa trong việc phối hợp kinh nghiệm, khả năng và trình độ của các thành viên HĐQT.

Điều 12. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của VAB.
2. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. Thù lao của các thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VAB, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
3. Thành viên HĐQT được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT. Chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của VAB.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong VAB cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VAB và của đơn vị trong VAB.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ VAB quy định.

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT

3. Thành viên HĐQT, thành viên độc lập của HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ VAB và Luật các tổ chức tín dụng.

4. Không thuộc đối tượng không được là thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ VAB, Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng.

Điều 15. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT

Những người sau đây không được là thành viên HĐQT của VAB:

1. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.
3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.
4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.
5. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ.
6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng.
7. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS của doanh nghiệp, thành viên HĐQT và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.
8. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của BKS; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.
9. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
10. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc) của VAB, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.
11. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
12. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định pháp luật.

Điều 16. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

✓

- a) Người điều hành của VAB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc;
 - b) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;
 - c) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc của công ty mẹ của tổ chức tín dụng đó hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
2. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của VAB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
 3. Thành viên độc lập HĐQT của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành của VAB;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

Điều 17. Dương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT

1. Các trường hợp dương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT:
 - a) Chết.
 - b) Vi phạm Điều 12, Điều 15 Quy chế này hoặc vi phạm quy định tại Điều lệ, quy định của pháp luật từng thời kỳ về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.
 - f) VAB bị thu hồi giấy phép.
2. HĐQT phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước kèm tài liệu chứng minh về việc các trường hợp thành viên HĐQT dương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này (ngoại trừ điểm f khoản 1 Điều này) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định thành viên HĐQT dương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Các thành viên HĐQT thuộc trường hợp dương nhiên mất tư cách không còn quyền của thành viên HĐQT kể từ thời điểm VAB nhận được thông báo và/hoặc xác định được thành viên đó dương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT.
4. Sau khi dương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT của VAB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian dương nhiệm.

Điều 18. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Trừ trường hợp dương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 16 của Quy chế này và Điều lệ VAB, Chủ tịch và thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị của VAB;
 - b) Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 (Sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 55 Điều lệ này.

- d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 43, Điều 49 của Điều lệ này;
- e) Bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên HĐQT của VAB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 19. Thay thế thành viên HĐQT

- Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải tiến hành bầu một thành viên HĐQT đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành thay thế làm Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức của Chủ tịch HĐQT hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên HĐQT mới để thay thế cho thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
- Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và khoản 2 Điều 50 Điều lệ của VAB thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.
- Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, các thành viên HĐQT mới.

Điều 20. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị

Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị VAB được thực hiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Điều 21. Công khai các khoản lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải công khai với VAB các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

✓

3. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, VAB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VAB.
4. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.
5. Các quy định khác theo quy định tại Điều lệ VAB.

CHƯƠNG IV

HỢP VÀ TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Hợp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT và phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số, chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của VAB hoặc ở nơi khác. Cuộc họp HĐQT có thể bằng hình thức họp trực tiếp và/ hoặc hình thức họp trực tuyến khác.
3. Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp HĐQT bất thường trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được một trong các trường hợp sau:
 - a) Có đề nghị của Tổng Giám đốc, hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác.
 - b) Có đề nghị của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên HĐQT độc lập.
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên của HĐQT.
 - d) Các trường hợp khác theo Điều lệ VAB quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Người có thẩm quyền (Chủ tịch hoặc người được ủy quyền) triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch hoặc người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng và vấn đề cần thảo luận, quyết định không thuộc thẩm quyền HĐQT; trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.
6. Thành viên HĐQT, nếu theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan (đủ là trực tiếp hay gián tiếp) tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một giao dịch nào đã hay đang dự kiến giao kết với VAB, thì phải khai báo đầy đủ về các quyền, lợi ích có liên quan đó trong cuộc họp HĐQT và /hoặc tới HĐQT để HĐQT xem xét việc có tiếp tục thực hiện hay giao kết hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch đó hay không. Trong mọi trường hợp thành viên HĐQT phải thông báo cụ thể về quyền, lợi ích có liên quan đó trong cuộc họp HĐQT gần nhất sau khi thành viên đó biết về quyền, lợi ích có liên quan.
7. Cuộc họp HĐQT có thể được tiến hành theo các hình thức sau đây:

- a) Tại một địa điểm với sự hiện diện của các thành viên dự họp.
- b) Họp HĐQT trực tuyến: Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - (i) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, và
 - (ii) Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được xem là “có tham dự” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

8. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người triệu tập họp HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều này phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến (trừ trường hợp họp khẩn cấp). Thông báo mời họp phải được xác định cụ thể hình thức họp, địa điểm họp, thời gian họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp và tài liệu đính kèm có thể được gửi bằng thư điện tử, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải được bảo đảm gửi đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.

Trường hợp họp khẩn cấp, người triệu tập cuộc họp HĐQT có thể thông báo mời họp trước 01 (một) ngày làm việc với ngày họp; các tài liệu liên quan có thể gửi cho các thành viên HĐQT ngay tại cuộc họp.

9. Trong trường hợp cuộc họp Hội đồng Quản trị có mời các thành viên Ban Kiểm soát và/hoặc Tổng giám đốc và/hoặc các thành phần khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên này như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành phần khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Trường hợp không trực tiếp họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT cuộc họp HĐQT chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

11. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Việc biểu quyết của người được ủy quyền tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.



13. Trường hợp có thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

Điều 23. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp HĐQT phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VAB.
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c) Thời gian, địa điểm họp.
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp trực tiếp, người được ủy quyền dự họp, thành viên biểu quyết bằng văn bản; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e) Các vấn đề được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp.
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp.
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, thành viên không tán thành và không có ý kiến.
 - h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản cuộc họp và tất cả thành viên dự họp trực tiếp hoặc người được ủy quyền dự họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và đồng ý thông qua biên bản họp, có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB và pháp luật có liên quan.
4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
5. Biên bản cuộc họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai văn bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản lập bằng tiếng Việt.
6. Biên bản cuộc họp HĐQT và các tài liệu liên quan phải được lưu trữ tại trụ sở chính của VAB.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Chủ tịch HĐQT được quyền ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác về việc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Cán bộ Văn phòng HĐQT được phân công chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác của thành viên HĐQT.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VAB.
 - b) Mục đích lấy ý kiến.

- c) Họ, tên của thành viên HĐQT.
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến.
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã có ý kiến về VAB (nếu có).
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền.
 - h) Phần ô trống Họ và tên, chữ ký của thành viên HĐQT có ý kiến.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký, họ và tên của thành viên HĐQT và phải được gửi về VAB theo quy định.
5. Lựa chọn phương án biểu quyết: Thành viên HĐQT phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết trên phiếu lấy ý kiến, nếu thành viên HĐQT không ký trên Phiếu lấy ý kiến thì được coi là Phiếu ý kiến không hợp lệ. Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết thì được coi là lựa chọn phương án “không có ý kiến”.
6. Thư ký HĐQT/ hoặc nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT được phân công kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm hết hạn gửi phiếu lấy ý kiến dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập HĐQT và/hoặc nhân sự khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ (người này phải là thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên HĐQT). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VAB.
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến.
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết.
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, ý kiến khác và không có ý kiến đối với từng vấn đề xin ý kiến.
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
7. Thư ký HĐQT/ hoặc nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT được phân công tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của VAB. Văn phòng HĐQT là đơn vị có trách nhiệm bảo quản và lưu trữ các tài liệu này.
- Quyết định được thông qua hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 25. Hình thức lấy ý kiến khác

- 1. Hội đồng Quản trị tổ chức hình thức lấy ý kiến số thông qua phần mềm/ ứng dụng số theo quy định của VAB từng thời kỳ và đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.
- 2. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT thông qua các hình thức tại khoản 1 Điều này. Chủ tịch HĐQT được quyền ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác về việc tổ chức lấy ý kiến số này.



3. Nội dung lấy ý kiến, kiểm phiếu áp dụng theo khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 24 Quy chế này.
4. Chữ ký của thành viên HĐQT tại phiếu lấy ý kiến được coi là hợp lệ là chữ ký sổ theo quy định pháp luật hiện hành.
5. Lựa chọn phương án biểu quyết: Thành viên HĐQT phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết đối với nội dung lấy ý kiến, nếu thành viên HĐQT có xác nhận ký số đối với nội dung lấy ý kiến thì được coi là không hợp lệ. Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết thì được coi là lựa chọn phương án “không có ý kiến”.
6. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
7. Nội dung lấy ý kiến đã được trả lời, nội dung kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo ý kiến đều phải được lưu trữ trên hệ thống của VAB.
8. Nghị quyết, Quyết định được thông qua hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng các hình thức này có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

CHƯƠNG V

ỦY BAN, HỘI ĐỒNG TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ QUAN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc của HĐQT

1. HĐQT phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự để giúp việc cho HĐQT. HĐQT quy định chức năng nhiệm vụ của hai ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
2. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban, hội đồng trực thuộc khác khi thấy cần thiết, để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo các quy định pháp luật và quy định nội bộ do HĐQT ban hành từng thời kỳ.
3. Mỗi Ủy ban có tối thiểu 03 (ba) thành viên gồm Chủ tịch/Trưởng ban Ủy ban và các thành viên (như chuyên gia tư vấn độc lập, cán bộ thuộc các bộ phận chuyên môn của VAB hoặc các trường hợp khác). Một thành viên HĐQT có thể là thành viên của một hoặc một số Ủy ban.
4. Mỗi Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự có ít nhất trên một phần hai số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải là người điều hành. Một thành viên HĐQT chỉ được là Chủ tịch/Trưởng ban của một trong hai Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên độc lập HĐQT.
5. HĐQT/ Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch/Trưởng ban Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo quy định nội bộ của VAB. Sau khi được thành lập, Chủ tịch/ Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phù hợp với cơ chế làm việc của từng Ủy ban, Hội đồng trực thuộc VAB.
6. HĐQT quy định cụ thể Quy chế làm việc của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc, tối thiểu gồm các vấn đề sau: số lượng thành viên và trách nhiệm của thành viên, các kỳ họp định kỳ, việc họp bất thường, việc đưa ra quyết định của Ủy ban, Hội đồng trực thuộc.
7. HĐQT có thể thực hiện giao, phân quyền đối với việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ trong hoạt động Ngân hàng cho các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo quy định về cơ chế phân cấp, ủy quyền do HĐQT ban hành và phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 27. Văn phòng HĐQT

1. Văn phòng HĐQT là bộ phận giúp việc cho HĐQT, có các chức năng nhiệm vụ cơ bản sau:
 - a) Tham mưu giúp việc cho HĐQT trong quản trị hoạt động của ngân hàng và các công ty con;
 - b) Điều phối, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT/HĐQT đối với Ban điều hành, các công ty thành viên và các Ủy ban, Hội đồng

- thuộc sự quản lý của HĐQT;
- c) Giúp việc HĐQT trong công tác quan hệ cổ đông;
 - d) Thư ký tổng hợp cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT;
 - e) Giúp việc cho HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong công tác đối ngoại;
 - f) Thực hiện các công việc chuẩn bị cho cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và DHHCD;
 - g) Thông báo việc triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT hay của Ban kiểm soát;
 - h) Tham dự cuộc họp và Ghi biên bản cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan;
 - i) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp HĐQT, DHHCD;
 - j) Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông VAB;
 - k) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - l) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - m) Hỗ trợ VAB trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - n) Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và HĐQT.
2. Để thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên Văn phòng HĐQT có cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự theo quy định cụ thể của HĐQT.
 3. Chủ tịch HĐQT thông qua phân công công việc của các nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT.

CHƯƠNG VI

QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HĐQT

Điều 28. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của các thành viên HĐQT

1. Các thành viên HĐQT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao tiến hành xây dựng chương trình kế hoạch công tác cụ thể và trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt.
2. Kết thúc đợt công tác, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT kết quả đợt công tác.

Điều 29. Điều kiện làm việc của HĐQT

1. Chi phí hoạt động của HĐQT, kể cả thù lao cho các thành viên HĐQT và bộ phận giúp việc của HĐQT được tính vào chi phí của VAB.
2. Thành viên HĐQT được thanh toán các chi phí chỗ ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
3. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Khối/ Trung tâm, các Trưởng phòng/ Ban tại trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và Giám đốc các Công ty con của VAB có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của VAB theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và Quy chế này.
4. Các văn bản của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc VAB về chỉ đạo điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định nhà nước,

các Nghị quyết, Quyết định, các cơ chế, Quy chế của HĐQT đều được sao gửi Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.

5. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của VAB để thực hiện nhiệm vụ của mình. Ban TGD, các phòng, Ban, Trung tâm và Khối tại trụ sở chính có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT trong quản lý và giám sát điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Phân cấp, phân quyền, ủy quyền của HĐQT

1. HĐQT phân cấp, phân quyền, ủy quyền bằng những hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hàng ngày. Việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc những trường hợp HĐQT thấy cần thiết.
2. Các vấn đề chưa được HĐQT phân quyền, phân quyền, ủy quyền tại các văn bản/quy định nội bộ cụ thể, Tổng Giám đốc và các cấp trực tiếp thực hiện chủ động trình HĐQT phê duyệt hoặc đề xuất HĐQT phân cấp, phân quyền, ủy quyền phê duyệt.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong mối quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của VAB.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 32. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình;
2. Kết quả kiểm toán nội bộ của Phòng Kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho HĐQT, trên cơ sở đó HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Kiểm toán nội bộ và Ban Kiểm soát.
3. Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.
4. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, các biên bản họp, các nghị quyết của HĐQT của VAB.

Điều 33. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

1. HĐQT bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho VAB thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp, HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền báo lưu ý kiến.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo định kỳ (hoặc theo thời hạn của cấp có thẩm quyền quy định) cho HĐQT khi triển khai thực hiện và/hoặc kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết

định của ĐHĐCĐ, HĐQT và báo cáo thực hiện các công việc được ủy quyền. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT trong trường hợp vi phạm quy định sẽ bị xem xét xử lý và/hoặc bồi thường thiệt hại nếu gây thiệt hại theo quy định của pháp luật và VAB.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT về các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của VAB theo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.
5. Các Biên bản họp giao ban, văn bản phân công điều hành của Ban Tổng giám đốc phải được gửi HĐQT để báo cáo.
6. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT.
7. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, họp bàn các nội dung công tác khác do Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc chủ trì.
8. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp đề ra quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc trưởng các Phòng/Ban, Giám đốc các Khối/Trung tâm có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia có ý kiến (nếu có).
9. Ban Tổng Giám đốc và người quản lý VAB chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
10. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý VAB phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 34. Mỗi quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền và/hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VAB.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo lại Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Quy chế này, các điều 49 và 55 Điều lệ VAB, Điều 41, 42 và 43 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
2. Hội đồng Quản trị của VAB được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quy chế này, khoản 2 và khoản 3 Điều 50 của Điều lệ VAB, khoản 1 và khoản 3 Điều 69 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.

✓

Điều 36. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua ngày 26/4/2024 và ban hành theo Quyết định số /2025/QĐ-HĐQT ngày / /2025 của HĐQT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2025, trừ trường hợp quy định tại Điều 36 Quy chế này.
2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB ban hành kèm theo Quyết định số 106/2024/QĐ-HĐQT ngày 10/5/2024 của HĐQT VAB.
3. Các quy định trước đây trái với Quy chế này hết hiệu lực thi hành.
4. Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ VAB về cùng một vấn đề thì quy định tại Điều lệ của VAB được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ của VAB với quy định pháp luật về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Thành Long

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt.....	1
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT.....	1
CHƯƠNG II.....	2
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT.....	2
Điều 6. Nhiệm vụ và Quyền hạn của HĐQT.....	2
Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	5
Điều 8. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCD bất thường.....	5
CHƯƠNG III.....	5
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
Điều 9. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	5
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT.....	5
Điều 11. Vai trò thành viên độc lập của HĐQT.....	6
Điều 12. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT.....	6
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị.....	6
Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT.....	6
Điều 15. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT.....	7
Điều 16. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT.....	7
Điều 17. Dương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT.....	8
Điều 18. Bãi nhiệm, miễn nhiệm.....	8
Điều 19. Thay thế thành viên HĐQT.....	9
Điều 20. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị.....	9
Điều 21. Công khai các khoản lợi ích có liên quan.....	9
CHƯƠNG IV.....	10
HỌP VÀ TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
Điều 22. Họp HĐQT.....	10
Điều 23. Biên bản họp HĐQT.....	12
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.....	12
Điều 25. Hình thức lấy ý kiến khác.....	13

✓

CHƯƠNG V	14
ỦY BAN, HỘI ĐỒNG TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	14
VÀ CƠ QUAN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	14
Điều 26. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc của HĐQT.....	14
Điều 27. Văn phòng HĐQT.....	14
CHƯƠNG VI	15
QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC.....	15
PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HĐQT	15
Điều 28. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của các thành viên HĐQT	15
Điều 29. Điều kiện làm việc của HĐQT	15
Điều 30. Phân cấp, phân quyền, ủy quyền của HĐQT.....	16
CHƯƠNG VII.....	16
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 31. Nguyên tắc phối hợp trong công tác	16
Điều 32. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	16
Điều 33. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc.....	16
Điều 34. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT.....	17
CHƯƠNG VIII.....	17
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp.....	17
Điều 36. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế	18

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi, bổ sung Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát
Ngân hàng TMCP Việt Á

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản Luật sửa đổi, bổ sung Luật này;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/3/2018 quy định về Hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 13/2018) và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2018;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á.

Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) kính trình Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (sau đây gọi chung là Quy chế), cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi và ban hành Quy chế.

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã ban hành Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Theo đó, Luật các Tổ chức tín dụng 2024 có nhiều quy định mới, thay đổi liên quan về công tác quản trị và hoạt động của Ngân hàng.

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn, nhằm tạo điều kiện cho công tác tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát VAB tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát VAB là cần thiết; dựa trên các cơ sở sau:

- Đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;
- Đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư 13/2018 và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN về sửa đổi một số điều của Thông tư 13/2018;
- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

- Đảm bảo sự phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB 2025 (dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua).

2. Nội dung Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Từ các lý do nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông VAB các nội dung cụ thể sau:

2.1 Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát VAB với các nội dung sửa đổi, bổ sung được trình bày tại “Thuyết minh so sánh Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát VAB năm 2023 và dự thảo sửa đổi, bổ sung năm 2025” đính kèm.

2.2 Chấp thuận giao cho Ban Kiểm soát thực hiện các công việc sau:

i) Ký ban hành Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát VAB theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua tại cuộc họp.

ii) Trong thời gian giữa các kỳ Đại hội đồng cổ đông, giao cho Ban Kiểm soát chủ động rà soát và hoàn thiện Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát VAB nhằm phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của VAB; Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

iii) Thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại website của VAB. Đối với nội dung này, Ban Kiểm soát được quyền ủy quyền lại cho Ban Điều hành thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Kim Phượng

DỰ THẢO

**THUYẾT MINH SO SÁNH QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VAB NĂM 2023 VÀ
DỰ THẢO SỬA ĐỔI NĂM 2025**

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
1.	Điều 1	Phạm vi điều chỉnh – Đối tượng áp dụng	1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á. 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được thống nhất áp dụng trong toàn hệ thống VAB, bao gồm: - Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. - Giám đốc Khối, Trưởng Phòng/Ban, Trung tâm tại Hội sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng Phòng giao dịch, Giám đốc công ty con và các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong hệ thống VAB.	1. Phạm vi điều chỉnh: - Quy chế này quy định về <u>cơ cấu</u> tổ chức, <u>chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế</u> hoạt động và <u>các mối quan hệ công tác</u> của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á. - <u>Mọi hoạt động của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát, Đơn vị, cá nhân tại VAB có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát phải tuân thủ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á và Quy chế này.</u> 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được thống nhất áp dụng trong toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Á, bao gồm: - Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, <u>Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc</u>, Kế toán trưởng. - Giám đốc Khối, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại <u>Trụ Sở chính</u>, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng Phòng giao dịch, Giám đốc công ty con và các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Á.	Quy định chi tiết về Phạm vi điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) Thống nhất không sử dụng khái niệm Ban Tổng Giám đốc trên toàn hệ thống theo Báo cáo số 151/2024/BCPL-PC&GSTT ngày 12/11/2024
2.	Điều 2	Giải thích từ ngữ	Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng</u> và <u>gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		1. VAB hay Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Việt Á. 2. Người điều hành Ngân hàng bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh điều hành khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng. 3. Ban Tổng giám đốc bao gồm: Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương, các Phó Tổng Giám đốc. 4. Người quản lý Ngân hàng bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng. 5. Cổ đông lớn của Ngân hàng là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng. 6. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân được quy định	1. VAB <u>hoặc</u> Ngân hàng: <u>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á</u>. 2. “Người điều hành <u>VAB</u>” bao gồm: Tổng Giám đốc, <u>Phó Tổng Giám đốc</u>, Kế toán trưởng, <u>Giám đốc Khối Tài chính</u>, Giám đốc Chi nhánh và các <u>chức danh tương đương</u> theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB. 3. Lược bỏ <u>định nghĩa Ban Tổng giám đốc</u>. 3. “Người quản lý <u>VAB</u>” bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc <u>và các chức danh tương đương khác của VAB</u>. 4. Cổ đông lớn <u>là cổ đông</u> của VAB <u>sở hữu từ 05% (năm phần trăm) số cổ phần</u> có quyền biểu quyết trở lên của <u>VAB</u>, <u>bao gồm cả số cổ phần có đông đó sở hữu gián tiếp</u>. 5. Người có liên quan <u>là tổ chức, cá nhân được quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật</u>	Khoản 25 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) 2024 và Khoản 13 Điều 1 Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) (dự thảo 2025) Khoản 26 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và Khoản 14 Điều 1 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 8 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và Khoản 3 Điều 1 Điều lệ VAB (dự thảo 2025). Điều chỉnh dẫn chiếu Luật các

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		tại khoản 28 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Khoản 1 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ban hành năm 2017, Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019 và các quy định pháp luật có liên quan. 7. Công ty con của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 30 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. 8. Hệ thống kiểm soát nội bộ: là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VAB được xây dựng phù hợp theo quy định của pháp luật và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức độ vốn và kiểm toán nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải có 03 tuyến bảo vệ độc lập: a. Tuyến bảo vệ thứ nhất: có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro do các bộ phận sau thực hiện, gồm: i. Các bộ phận kinh doanh (bao gồm bộ phận phát triển sản phẩm), các bộ phận có chức năng tạo ra doanh thu khác, các bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định có rủi ro;	<u>Chương khoản, các quy định pháp luật có liên quan và tại Điều lệ VAB ban hành từng thời kỳ</u> 6. <u>"Công ty con của VAB" là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng 2024 và Điều lệ VAB</u> 7. Hệ thống kiểm soát nội bộ: là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VAB được xây dựng phù hợp theo quy định của pháp luật và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức độ vốn và kiểm toán nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải có 03 tuyến bảo vệ độc lập: a. Tuyến bảo vệ thứ nhất: có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro do các bộ phận sau thực hiện, gồm: i. Các bộ phận kinh doanh (bao gồm bộ phận phát triển sản phẩm), các bộ phận có chức năng tạo ra doanh thu khác, các bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định có rủi ro;	TCTD 2024 và Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và Khoản 8 Điều 1 Điều lệ VAB (dự thảo 2025)

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		ii. Các bộ phận có chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro (thuộc bộ phận kinh doanh hoặc bộ phận độc lập) đối với từng loại hình giao dịch, hoạt động kinh doanh; iii. Bộ phận nhân sự, bộ phận kế toán. b. Tuyển bảo vệ thứ hai: có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật do Phòng Quản lý rủi ro và Phòng Pháp chế và Giám sát tuân thủ thực hiện. c. Tuyển bảo vệ thứ ba: có chức năng kiểm toán nội bộ do Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định pháp luật. 9. Giám sát của quản lý cấp cao là việc giám sát của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và giám sát của Ban Kiểm soát Ngân hàng đối với kiểm toán nội bộ. 10. Luật các TCTD là Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2010 (Luật các TCTD năm 2010) và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD năm 2010. 11. Pháp luật là tất cả các Luật, pháp lệnh, nghị định, quy	ii. Các bộ phận có chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro (thuộc bộ phận kinh doanh hoặc bộ phận độc lập) đối với từng loại hình giao dịch, hoạt động kinh doanh; iii. Bộ phận nhân sự, bộ phận kế toán. b. Tuyển bảo vệ thứ hai: có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật do Phòng Quản lý rủi ro và Phòng Pháp chế và Giám sát tuân thủ thực hiện. c. Tuyển bảo vệ thứ ba: có chức năng kiểm toán nội bộ do Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định pháp luật. 8. “Giám sát của quản lý cấp cao” là việc giám sát của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và giám sát của Ban Kiểm soát <u>VAB</u> đối với kiểm toán nội bộ. 9. “<u>Luật các Tổ chức tín dụng 2024</u>” là Luật các Tổ chức tín dụng số <u>32/2024/QH15</u> được Quốc hội <u>mức Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam</u> thông qua <u>ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.</u> 10. “Pháp luật” là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quy định, Thông tư, Quyết định và các văn bản pháp luật	Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB” Khoản 10 Điều 1 Điều lệ VAB (dự thảo 2025)

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
			định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng. 12. Điều lệ ngân hàng là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có). Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.	khắc được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng. 11. “Điều lệ VAB” là Điều lệ được ĐHĐCĐ <u>thông qua</u> tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).	Điều chuyển nội dung “Trong Quy chế này....” xuống quy định tại Điều 3 của dự thảo Quy chế.
3.	Điều 3	Giải thích các từ viết tắt	Chưa quy định	<u>TCTD: Tổ chức tín dụng;</u> <u>NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</u> <u>ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>BKS: Ban Kiểm soát;</u> <u>HDQT: Hội đồng Quản trị;</u> <u>BĐH: Ban Điều hành;</u> <u>TGD: Tổng Giám đốc;</u> <u>KTNB: Kiểm toán Nội bộ.</u> <u>Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.</u> <u>Các từ ngữ, khái niệm chưa được giải thích, định nghĩa trong Quy chế này sẽ được hiểu theo các quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và các quy định có</u>	Bổ sung mới

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
				<u>liên quan khác của Ngân hàng.</u>	
4.	Điều 4	Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc: Độc lập, khách quan, trung thực, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Ngân hàng.	1. Ban Kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc: Độc lập, khách quan, trung thực, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ <u>VAB</u>, Nghị quyết của DHDCTD và các quy định của <u>VAB</u>. <u>2. Tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng các quy định, chương trình, kế hoạch công tác của BKS, đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, kịp thời và hiệu quả;</u> <u>3. Bảo đảm sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.</u>	Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB” Phù hợp với thực tế hoạt động của BKS
5.	Điều 5	Thành phần của Ban Kiểm soát	1. Ban Kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 03 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác.	1. Ban Kiểm soát <u>của VAB có tối thiểu 05 (năm) Thành viên.</u> <u>2. Việc đề cử, ứng cử thành viên BKS được quy định theo pháp luật và Điều lệ VAB. VAB phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu làm Thành viên BKS trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu trúng cử.</u> 3. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm	Khoản 2 Điều 51 Luật các TCTD 2024 và Khoản 2 Điều 66 Điều lệ VAB (dự thảo 2025). Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật các TCTD 2024. Khoản 3 Điều 66 Điều lệ VAB (dự

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định, tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng. 3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.	có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định, tại Điều lệ. Quy chế quản trị nội bộ <u>và quy định nội bộ khác có liên quan</u> của VAB. 4. Ban Kiểm soát có <u>Phòng KTNB</u> và bộ phận giúp việc <u>khác để thực hiện nhiệm vụ của mình. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng KTNB, bộ phận giúp việc khác được điều chỉnh bởi Quy chế này. Quy chế KTNB VAB và các văn bản khác do BKS ban hành.</u>	thảo 2025). Đối với nội dung thuê chuyên gia ngoài được điều chỉnh xuống Khoản 6 Điều 14 (dự thảo Quy chế này).
6.	Điều 6 Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát	Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. <u>Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	1. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của Thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. <u>Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Nhiệm kỳ của Thành viên BKS được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ BKS. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. 2. <u>Nhân sự được bầu giữ chức Trưởng BKS và các Thành viên của BKS có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những nhân sự bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho nhân sự mới được bầu; đồng thời chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</u>	Khoản 2 Điều 46 Luật các TCTD 2024, Khoản 6 Điều 48 Điều lệ VAB (dự thảo 2025).
7.	Điều 7	Những	1. Những đối tượng thuộc trường hợp không được đảm	Điều chỉnh từ

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ	nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng không được là thành viên Ban Kiểm soát. 2. Trưởng Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát phải tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng.	nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ VAB không được là Thành viên BKS. 2. Trưởng BKS, các Thành viên BKS phải tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ VAB.	"Ngân hàng" thành "VAB"
8.	Điều 8	Tiêu chuẩn, điều kiện là Thành viên Ban Kiểm soát	Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng.	Tiêu chuẩn, điều kiện là Thành viên BKS thực hiện theo quy định tại Luật các TCTD, <i><u>các quy định pháp luật khác, Điều lệ và quy định nội bộ khác có liên quan của VAB.</u></i>	Điều chỉnh từ "Ngân hàng" thành "VAB" và bổ sung thêm nội dung
9.	Điều 9	Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	Ban Kiểm soát phải tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ban Kiểm soát. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ban Kiểm soát phải tối thiểu bao gồm các quy tắc sau đây: 1. Chính trực: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực; 2. Khách quan: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác; 3. Bảo mật: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB;	Thành viên BKS phải tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của BKS. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của BKS phải tối thiểu bao gồm các quy tắc sau đây: 1. Chính trực: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực. 2. Khách quan: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác. 3. Bảo mật: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB. 4. Trách nhiệm: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến	

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
			4. Trách nhiệm: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng; 5. Thận trọng: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố sau đây: a. Mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung được kiểm toán nội bộ; b. Khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.	độ và chất lượng. 5. Thận trọng: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố sau đây: a. Mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung được KTNB; b. Khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện KTNB. 6. <u><i>Đồng thời, Thành viên BKS phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp ngành Ngân hàng theo quy định của NHNN từng thời kỳ.</i></u>	Bổ sung thêm nội dung quy định về việc đáp ứng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp ngành Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 1 TT 10/2024/TT-NHNN
10.	Điều 10	Dương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS	1. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng. 2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng.	1. Thành viên BKS đương nhiên mất tư cách Thành viên BKS khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ VAB. <u><i>HDQT VAB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định gửi NHNN trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.</i></u> 2. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCD khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ VAB. <u><i>Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các cá nhân theo quy định, HDQT của VAB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.</i></u>	Khoản 2 Điều 45 Luật các TCTD 2024 và Khoản 5 Điều 73 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 3 Điều 46 Luật các TCTD 2024 và Khoản 6 Điều 73 Điều lệ VAB (dự thảo 2025)

STT	Điều khoản hiện hành để xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
			<u>3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo khoản 1, khoản 2 Điều này, Trưởng BKS, Thành viên BKS vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</u>	Khoản 3 Điều 45 và Khoản 2 Điều 46 Luật các TCTD 2024
11.	Điều 11 Bổ sung và thay thế Thành viên Ban Kiểm soát	1. Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát. 2. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng Ban phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục cho từ chức và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành. 3. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định. 4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm	1. Trong thời gian <u>tối đa</u> 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách, <u>các</u> Thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một Thành viên <u>làm</u> Trưởng BKS. 2. Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng Ban phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn <u>xin từ chức của Trưởng BKS</u>, BKS phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục <u>miễn nhiệm</u> và bầu Trưởng BKS <u>thay thế</u>. 3. <u>Trưởng BKS</u>, Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi đến HĐQT và BKS để trình ĐHĐCD gần nhất quyết định. 4. <u>Trường hợp BKS có số Thành viên ít hơn số Thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 5, trong thời hạn 90 ngày không đủ số Thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số Thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các TCTD 2024.</u>	Khoản 4 Điều 73 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 4 Điều 73 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Bổ sung nhằm diễn đạt rõ quy định Khoản 6 Điều 51 Luật các TCTD 2024 và khoản 5 Điều 66 Điều lệ VAB (dự thảo

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát. 5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.	5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHDCD sẽ bầu Thành viên BKS mới để thay thế cho Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những Thành viên còn thiếu.	2025)
12.	Điều 12 Cung cấp, công bố công khai thông tin	1. Thành viên Ban Kiểm soát phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên; b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).	1. Thành viên BKS cung cấp cho <u>VAB</u> các thông tin sau đây: a. Tên, <u>mã số doanh nghiệp</u>, địa chỉ Trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình <u>hoặc mình</u> và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên; b. Tên, <u>mã số doanh nghiệp</u>, địa chỉ Trụ sở chính của doanh nghiệp, <u>tổ chức kinh tế khác</u> mà mình và người có liên quan là Thành viên HĐQT, Thành viên Hội đồng Thành viên, <u>kiểm soát viên</u>, Thành viên BKS, TGD (Giám đốc). c. <u>Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</u>	Điểm a Khoản 1 Điều 49 Luật các TCTD 2024 và Điểm a Khoản 1 Điều 79 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Điểm b Khoản 1 Điều 49 Luật các TCTD 2024 và Điểm b Khoản 1 Điều 79 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Điểm c Khoản 1 Điều 49 Luật các TCTD 2024 và Điểm c Khoản 1 Điều 79 Điều lệ

STT	Điều khoản hiện hành để xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. 3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. 4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước (NHNN) các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định	<u>d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ Trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</u> 2. Thành viên BKS phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. 3. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hàng năm, VAB công bố thông tin tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này với DHDCĐ, 4. <u>Thành viên BKS cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phát chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.</u>	VAB (dự thảo 2025) Điểm d Khoản 1 Điều 49 Luật các TCTD 2024 và Điểm d Khoản 1 Điều 79 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 3 Điều 49 Luật các TCTD 2024 và Khoản 3 Điều 79 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 4 Điều 49 Luật các TCTD 2024 và Khoản 4 Điều 79 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 6 Điều 49 Luật các TCTD 2024 và Khoản 6 Điều 79 Điều lệ

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		tại khoản 2 Điều này.		VAB (dự thảo 2025)
13.	Điều 13 Thù lao và lợi ích khác của Thành viên Ban Kiểm soát	1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát. 2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.	1. Thành viên BKS được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức <u>thù lao</u> và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS. 2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác. 3. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của <u>VAB</u> theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của <u>VAB</u>.	Điều chỉnh theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 67 Luật các TCTD 2024 và Thông tư 13/2018/TT-NHNN
14.	Điều 14 Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát	1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	1. <u>Giám sát hoạt động quản trị, điều hành VAB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, chủ sở hữu, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, chủ sở hữu. Thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ VAB.</u>	Khoản 1 Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Khoản 1 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo 2025)

STT	Điều khoản hiện hành để xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		2. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và kiểm toán nội bộ; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. 3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ. 4. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban Kiểm soát và Kiểm toán viên nội bộ; 5. Nhiệm vụ đối với kiểm toán nội bộ bao gồm: a. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của kiểm toán nội bộ. b. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc: - Thực hiện kiểm toán nội bộ; - Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ; - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác; - Các nội dung khác do Ban Kiểm soát quy định. a. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Tổng	2. Ban hành quy định nội bộ của BKS và KTNB; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS và KTNB, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. 3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng KTNB. 4. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Thành viên BKS và KTNB; 5. <u>Giám sát của quản lý cấp cao</u> đối với KTNB, bao gồm: a. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của KTNB. b. Giám sát KTNB trong việc: - Thực hiện KTNB; - Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của KTNB và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng KTNB/Lãnh đạo phụ trách Phòng KTNB; - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của KTNB theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác; - Các nội dung khác do BKS quy định. a. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch KTNB hàng năm theo đề nghị của Trưởng KTNB/Lãnh đạo phụ trách Phòng KTNB sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT và TGD.	Điều chỉnh nhằm làm rõ quy định theo Thông tư 13/2028/TT-NHNN.

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		Giám đốc. b. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kiểm toán nội bộ phù hợp theo quy định pháp luật. 6. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao 7. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cân trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	b. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng KTNB phù hợp theo quy định pháp luật. 6. Tổ chức thực hiện KTNB; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành <u>VAB, có quyền sử dụng các nguồn lực của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS.</u> 7. <u>Giám sát thực trạng tài chính</u>, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của <u>VAB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện</u>; báo cáo ĐHĐCD về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cân trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCD. 8. <u>Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của VAB thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCD, HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho</u>	Khoản 3 Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Khoản 4 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 4 Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Khoản 5 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 5 Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Khoản 15 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo

STT	Điều khoản hiện hành để xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		8. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. 9. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu	<u>DHĐCĐ, HĐQT.</u> <u>9. Giám sát việc chấp hành các quy định liên quan các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của VAB theo quy định của Luật các TCTD.</u> <u>10. Giám sát của quản lý cấp cao đối với KTNB theo quy định của pháp luật.</u> 11. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây: a. Theo Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ; b. <u>Theo yêu cầu của NHNN</u> hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. 12. Kịp thời thông báo cho <u>DHĐCĐ, HĐQT</u> khi phát hiện Người quản lý, <u>Người điều hành VAB</u> có hành vi vi phạm pháp luật, <u>vi phạm Điều lệ VAB, quy định nội bộ của VAB,</u>	2025). Khoản 6 Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Khoản 16 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo 2025). Bổ sung theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Khoản 7 Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Khoản 6 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 8 Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Khoản 7 Điều 67 Điều lệ

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). 10. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này. 11. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ Ngân hàng. 12. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	<i>Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT</i>: yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). 13. Lập danh sách cổ đông sáng lập <i>trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, Thành viên góp vốn và người có liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGD của VAB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên</i>; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này. 14. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ <i>họp</i> bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ VAB. 15. Triệu tập <i>họp</i> ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ VAB.	VAB (dự thảo 2025) Khoản 9 Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Khoản 8 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Khoản 10 Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Khoản 9 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) (điều chỉnh chính tả) Khoản 11 Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Khoản 10 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) (Điều chỉnh chính tả)

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		13. Đề xuất và kiến nghị Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện được chấp thuận kiểm tra các hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết. 14. Kiểm soát hoạt động của Ngân hàng thông qua các báo cáo của Ban Điều hành để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong quá trình hoạt động. 15. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng thông qua các báo cáo của Ban Điều hành để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong hoạt động tài chính; giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. 16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	16. Đề xuất và kiến nghị ĐHDCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính <u>của VAB</u>; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết. 17. Kiểm soát hoạt động của <u>VAB</u> thông qua các báo cáo của BDH để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong quá trình hoạt động. 18. Giám sát tình hình tài chính của <u>VAB</u> thông qua các báo cáo của BDH để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong hoạt động tài chính; giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của Thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông. <u>19. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 9, khoản 12 và khoản 15 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các TCTD.</u>	Khoản 14 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo 2025); lược bỏ nội dung “và hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB” Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB” Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB” Khoản 13 Điều 52 Luật các TCTD 2024

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
			17. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm. 18. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	20. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Thành viên HĐQT, TGD tham dự và trả lời các vấn đề mà các <u>Thành viên BKS</u> quan tâm. <u>Có quyền, thông qua Trưởng BKS, tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của VAB.</u> <u>21. Báo cáo hoạt động của BKS và các nội dung khác tại ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định khác của VAB.</u> <u>22. Phê duyệt kế hoạch KTNB hàng năm theo đề nghị của Trưởng KTNB/Lãnh đạo phụ trách Phòng KTNB.</u> 23. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.	Khoản 11 Điều 67 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Bổ sung nhằm làm rõ quy định theo Luật TCTD 2024 Bổ sung nhằm làm rõ quy định theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB”
15.	Điều 15	Quyền hạn, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát và Thành viên BKS	Trưởng BKS và các Thành viên BKS có quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 67 Điều lệ Ngân hàng	Trưởng BKS và các Thành viên BKS có quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định tại <u>Luật các TCTD, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của VAB</u>	Mở rộng cơ sở tham chiếu
16.	Điều 16	Họp Ban Kiểm soát	1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban kiểm soát và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong		Không điều chỉnh

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát. 2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. 3. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của: a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị; b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị; c. Trưởng Ban Kiểm soát; d. Thành viên Ban Kiểm soát; e. Tổng Giám đốc; f. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân	2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. 3. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của: a. Chủ tịch HĐQT; b. Trưởng BKS; c. Tổng Giám đốc; d. <u>Giám đốc NHNN chi nhánh Khu vực nơi VAB đặt Trụ sở chính;</u> e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Lược bỏ nội dung "số lượng thành viên tham dự họp ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát" do được quy định tại khoản 7 Điều 16 dự thảo Quy chế Lược bỏ nội dung: "b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị; Thành viên Ban Kiểm soát" theo Điểm a Khoản 2 Điều 74 Điều lệ VAB (dự thảo 2025); d. Điều chỉnh nhằm

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		hàng đặt trụ sở chính; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các Điểm a, b, d, e, f Khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo chỉ nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban theo và gửi thông báo tới NHNN đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). 5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng. 6. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn	4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị <u>của một trong các đối tượng nêu trên</u>, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp BKS bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp, HĐQT và các Thành viên BKS phải có ngay văn bản báo cáo <u>NHNN chỉ nhánh Khu vực</u> nơi VAB đặt Trụ sở chính và tiến hành họp BKS để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh <u>Trưởng BKS</u>, bầu một Thành viên BKS đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng <u>BKS</u> và gửi thông báo tới NHNN đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức ĐHDCĐ bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). 5. Địa điểm họp: Các cuộc họp BKS được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của <u>VAB</u>. 6. Thông báo và chương trình họp: cuộc họp BKS được tiến hành sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các Thành viên BKS. Trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng	phù hợp theo quy định về cơ cấu tổ chức mới của NHNN các Khu vực. Điểm b Khoản 2 Điều 74 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) và nhằm phù hợp theo quy định về cơ cấu tổ chức mới của NHNN các Khu vực Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB”

STT	Điều khoản hiện hành để xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		theo quyết định của Trường Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. 7. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định. Trường Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần đầu không thể tổ chức do không đủ số thành viên tham dự. Sau 02 (hai) lần triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát không có đủ số thành viên tham dự, Trường Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần hai để Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban	BKS. Thông báo về cuộc họp BKS được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ các nội dung về: chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp BKS. Thành viên BKS không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những Thành viên trực tiếp dự họp. 7. Số Thành viên tham dự yêu cầu: cuộc họp BKS được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Thành viên BKS trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các Thành viên BKS được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp BKS định kỳ lần đầu nhưng không đủ số Thành viên tham dự theo quy định. Trường BKS phải triệu tập tiếp cuộc họp BKS lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần đầu không thể tổ chức do không đủ số Thành viên tham dự. Sau 02 (hai) lần triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát không có đủ số thành viên tham dự, Trường BKS phải thông báo cho HĐQT biết và đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần hai để Cổ đông xem xét tư cách của các Thành viên BKS. 8. Biểu quyết:	

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		Kiểm soát. 8. Biểu quyết: a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó. c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ. d. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh	a. Mỗi Thành viên tham dự cuộc họp BKS sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp BKS. Nếu Thành viên BKS không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Thành viên BKS khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. b. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó. c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của Thành viên BKS hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của Thành viên BKS và những nghi ngờ đó không được Thành viên BKS đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của Thành viên BKS có liên quan đó chưa được biết rõ. d. Bất kỳ Thành viên BKS nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó. 9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên BKS nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan đủ là trực tiếp hay gián tiếp	Điều chỉnh từ "Ngân hàng" thành "VAB"

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		nghiệp năm 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó. 9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan. 10. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua ít nhất trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự hợp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt). 11. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được	tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với <u>VAB</u> phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan <u>với</u> HĐQT và BKS, tại đây HĐQT và BKS sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, Thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của HĐQT và cuộc họp gần nhất của BKS sau khi Thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan. 10. Biểu quyết đa số: quyết định của BKS được thông qua ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số Thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự hợp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc Thành viên BKS được Trưởng BKS ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt <u>hoặc Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp theo đề nghị</u>). 11. Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Thành viên BKS tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu: a. Được sự nhất trí bằng văn bản của <u>ít nhất trên 1/2 (một</u>	Điểm e Khoản 2 Điều 74 Điều lệ VAB (dự thảo 2025) Điểm a Khoản 3 Điều 74 Điều lệ VAB (dự thảo 2025)

STT	Điều khoản hiện hành để xuất sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
			thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu: a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến; b. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức họp Ban Kiểm soát. Các vấn đề được quyết định bởi cuộc họp Ban Kiểm soát đều có thể được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	<u>phần hai</u> <u>số</u> Thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến; b. Số lượng Thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng Thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp BKS. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức họp BKS. Các vấn đề được quyết định bởi cuộc họp BKS đều có thể được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	
17.	Điều 19	Bảo mật thông tin	1. Các thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu của VAB và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Ngân hàng, hoặc các thông tin mà VAB chưa công bố ra bên ngoài. 2. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ. 3. Các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ VAB, Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.	1. Các Thành viên BKS không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu của VAB và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của <u>VAB</u> , hoặc các thông tin mà VAB chưa công bố ra bên ngoài. 2. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi Thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ. 3. Các Thành viên BKS có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ VAB, Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.	Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB”
18.	Điều 20	Quan hệ với cổ đông	BKS thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần	<u>Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra khi nhận được yêu cầu từ cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định</u>	Điểm b khoản 7 Điều 52 Luật các

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		Ngân hàng	phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ VAB	<i>của pháp luật khi xét thấy cần thiết. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ VAB</i>	TCTD; Điểm c khoản 2 Điều 30 Điều lệ VAB (dự thảo 2025)
19.	Điều 21	Cơ chế phối hợp	1. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị: a. Ban Kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ làm việc với Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. b. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho Hội đồng Quản trị về Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của Ban Kiểm soát để Hội đồng Quản trị biết và phối hợp hoạt động. c. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập họp Ban Kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị. d. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện người quản lý có hành vi vi phạm do Ban Kiểm soát phát hiện và có những kiến nghị cần thiết.	1. Phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT: a. Ban Kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của <u>VAB</u>, quan hệ làm việc với HĐQT theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. b. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho HĐQT về Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của BKS để HĐQT biết và phối hợp hoạt động. c. Trưởng BKS phải triệu tập họp BKS, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) Thành viên HĐQT. d. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho HĐQT khi phát hiện Người quản lý có hành vi vi phạm do BKS phát hiện và có những kiến nghị cần thiết. e. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì	Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB”

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <u>in nghiêng và gạch chân</u>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		e. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban Kiểm soát. f. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng Quản trị. g. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp. h. Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng Quản trị. i. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho Ban Kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. j. Hội đồng Quản trị phối hợp với Phòng Kiểm toán nội bộ thuộc Ban Kiểm soát khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng Quản trị. k. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.	hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số Thành viên BKS. f. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp HĐQT phải được gửi đến Trưởng BKS cùng thời gian gửi đến Thành viên HĐQT. g. Trưởng BKS có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp <u>nhưng không tham gia biểu quyết đối với các Nghị quyết của HĐQT</u>. h. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS cùng thời gian gửi đến Thành viên HĐQT. i. HĐQT có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của VAB cho BKS theo yêu cầu của BKS. j. HĐQT phối hợp với Phòng KTNB thuộc BKS khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT. k. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời. l. HĐQT thực hiện các kiến nghị của BKS đối với HĐQT tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho	Khoản 5 Điều 68 Điều lệ VAB (dự thảo 2025)

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QB số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		1. Hội đồng Quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị. 2. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Tổng giám đốc: a. Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình làm việc với Tổng giám đốc và hệ thống điều hành phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Tổng giám đốc và hệ thống điều hành phải tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. b. Tổng giám đốc báo cáo Ban Kiểm soát về việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Ban Kiểm soát. c. Tổng giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban Kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị. d. Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát	BKS về kết quả thực hiện kiến nghị. 2. Phối hợp hoạt động giữa BKS với TGD: a. Ban Kiểm soát và các Thành viên BKS trong quá trình làm việc với TGD và hệ thống điều hành phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình. TGD và hệ thống điều hành phải tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với BKS và KTNB trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. b. TGD báo cáo BKS về việc thực hiện các Nghị quyết của DHDCT, HDQT, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành <u>VAB</u> và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của BKS. c. TGD tiếp nhận báo cáo nội bộ về KTNB, tổ chức thực hiện các kiến nghị của BKS đối với TGD tại báo cáo kết quả KTNB (nếu có) và báo cáo BKS kết quả thực hiện các kiến nghị. d. Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của BKS, BKS có quyền đề nghị HDQT xem xét lại các quyết định của TGD.	Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB”

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		có quyền đề nghị Hội đồng Quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc. e. Ban Kiểm soát kiến nghị và/hoặc đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc sáu (06) tháng một lần gửi Hội đồng Quản trị. f. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của ngân hàng, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Tổng giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó và có giải pháp khắc phục hậu quả. Trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi có yêu cầu, Ban Kiểm soát thông báo ý kiến của Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của Tổng giám đốc. g. Tổng Giám đốc đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan. Tổng Giám đốc cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát các văn bản về cơ chế chính sách, quy chế, quy định,... của Ngân hàng, văn bản chỉ đạo của NHNN và văn bản pháp luật có liên quan. 3. Cơ chế phối hợp giữa Ban Kiểm soát và các tuyến bảo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ: a. Các tuyến bảo vệ trong hệ thống VAB thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này và quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của	e. Ban Kiểm soát kiến nghị và/hoặc đánh giá hoạt động của TGD sáu (06) tháng một lần gửi HĐQT. f. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ <u>VAB</u> và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của <u>VAB</u>, BKS có quyền đề nghị TGD dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó và có giải pháp khắc phục hậu quả. Trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi có yêu cầu, BKS thông báo ý kiến của BKS với các Thành viên HĐQT. HĐQT ra thông báo về việc thực hiện quyết định của TGD. g. TGD đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho BKS theo Quy chế này, Điều lệ <u>VAB</u> và các quy định có liên quan. TGD cung cấp kịp thời, đầy đủ cho BKS các văn bản về cơ chế chính sách, quy chế, quy định,... của <u>VAB</u>, văn bản chỉ đạo của NHNN và văn bản pháp luật có liên quan. 3. Cơ chế phối hợp giữa BKS và các tuyến bảo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ: a. Các tuyến bảo vệ trong hệ thống VAB thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động với BKS theo quy định tại Quy chế này và quy định về KTNB Ngân hàng, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của BKS. b. Lãnh đạo các Đơn vị được kiểm tra, kiểm toán chịu trách	Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB” Điều chỉnh từ “Ngân hàng” thành “VAB”

STT	Điều khoản hiện hành đề xuất sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được in nghiêng và gạch chân)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
			Ban Kiểm soát. b. Lãnh đạo các Đơn vị được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát và các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Ban Kiểm soát; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho Ban Kiểm soát về việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát theo quy định. 4. Mối quan hệ làm việc giữa Ban Kiểm soát và Phòng Kiểm toán nội bộ: a. Phòng Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát đối với hoạt động của kiểm toán nội bộ. b. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ trên toàn hệ thống VAB và chịu sự giám sát của quản lý cấp cao theo quy định tại Quy chế này và các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của Kiểm toán nội bộ.	nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho BKS và các Đoàn kiểm tra, kiểm toán của BKS; thực hiện các kiến nghị của BKS đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của BKS theo chỉ đạo của HĐQT và BDH; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho BKS về việc thực hiện các kiến nghị của BKS theo quy định. 4. Mối quan hệ làm việc giữa BKS và Phòng KTNB: a. Phòng KTNB là Đơn vị trực thuộc BKS chịu sự chỉ đạo trực tiếp của BKS. BKS thực hiện giám sát đối với hoạt động của kiểm toán nội bộ. b. Phòng KTNB thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ trên toàn hệ thống VAB và chịu sự giám sát của quản lý cấp cao theo quy định tại Quy chế này và các quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của KTNB.	
20.	Điều 29	Điều khoản thi hành	1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á được ban hành kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-BKS ngày 29/7/2020.	1. Quy chế này đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua ngày ... tháng 4 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát <u>VAB</u> được ban hành kèm theo <u>Quyết định số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023</u>. 2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ VAB và	Điều chỉnh từ "Ngân hàng" thành "VAB", dẫn chiếu Quyết định số 20/2023/QĐ-BKS

STT	Điều khoản hiện hành để xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS VAB năm 2023 (QĐ số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023)	Nội dung Dự thảo Quy chế 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung (Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành được <i>in nghiêng và gạch chân</i>)	Cơ sở tham chiếu điều chỉnh, bổ sung
		2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ VAB và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và các văn bản pháp luật có liên quan có nội dung khác với Quy chế này thì những quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát. 3. Đại hội đồng cổ đông giao Ban Kiểm soát thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở phù hợp với hoạt động trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ VAB; Việc sửa đổi phải được Ban Kiểm soát báo cáo trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên kỳ tiếp theo.	pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và các văn bản pháp luật có liên quan có nội dung khác với Quy chế này thì những quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức và hoạt động của BKS. 3. ĐHĐCĐ giao BKS thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở phù hợp với hoạt động trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ VAB; việc sửa đổi phải được BKS báo cáo trong kỳ ĐHĐCĐ thường niên kỳ tiếp theo. 4. <u>Quy định chuyển tiếp: Trường hợp BKS nhiệm kỳ hiện tại của VAB (được bầu trước ngày 01/7/2024) có số lượng Thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này, khoản 2 Điều 51 Luật các TCTD 2024 được tiếp tục duy trì số lượng Thành viên BKS cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, Thành viên BKS, trừ trường hợp VAB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế Thành viên BKS.</u>	Bổ sung quy định chuyển tiếp theo khoản 8 Điều 210 Luật các TCTD 2024 và Điều lệ VAB (dự thảo 2025).

**QUY CHẾ
VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á**

DỰ THẢO

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh - Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động và các mối quan hệ công tác của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á.
- Mọi hoạt động của Ban Kiểm soát và các Thành viên Ban Kiểm soát, Đơn vị, cá nhân tại VAB có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát phải tuân thủ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á và Quy chế này.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được thống nhất áp dụng trong toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Á, bao gồm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Giám đốc Khối, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng Phòng giao dịch, Giám đốc công ty con và các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Á.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. VAB hoặc Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.
2. “Người điều hành VAB” bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
3. “Người quản lý VAB” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương khác của VAB.
4. “Cổ đông lớn” là cổ đông của VAB sở hữu từ 05% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
5. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân được quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật có liên quan và tại Điều lệ VAB ban hành từng thời kỳ.
6. “Công ty con của VAB” là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng 2024 và Điều lệ VAB.

7. “Hệ thống kiểm soát nội bộ” là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VAB được xây dựng phù hợp theo quy định của pháp luật và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải có 03 tuyến bảo vệ độc lập:

a. Tuyến bảo vệ thứ nhất: có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro do các bộ phận sau thực hiện, gồm:

- i. Các bộ phận kinh doanh (bao gồm bộ phận phát triển sản phẩm), các bộ phận có chức năng tạo ra doanh thu khác, các bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định có rủi ro;
- ii. Các bộ phận có chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro (thuộc bộ phận kinh doanh hoặc bộ phận độc lập) đối với từng loại hình giao dịch, hoạt động kinh doanh;
- iii. Bộ phận nhân sự, bộ phận kế toán.

b. Tuyến bảo vệ thứ hai: có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật do Phòng Quản lý rủi ro và Phòng Pháp chế và Giám sát tuân thủ thực hiện.

c. Tuyến bảo vệ thứ ba: có chức năng kiểm toán nội bộ do Phòng Kiểm toán Nội bộ thực hiện theo quy định pháp luật.

8. “Giám sát của quản lý cấp cao” là việc giám sát của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và giám sát của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á đối với kiểm toán nội bộ.

9. “Luật các Tổ chức tín dụng 2024” là Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.

10. “Pháp luật” là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quy định, Thông tư, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.

11. “Điều lệ VAB” là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).

Điều 3. Giải thích các từ viết tắt

1. TCTD: Tổ chức tín dụng;
2. NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
3. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông;
4. BKS: Ban Kiểm soát;
5. HĐQT: Hội đồng Quản trị;
6. BDH: Ban Điều hành;

7. TGD: Tổng Giám đốc;
8. KTNB: Kiểm toán Nội bộ.

Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.

Các từ ngữ, khái niệm chưa được giải thích, định nghĩa trong Quy chế này sẽ được hiểu theo các quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và các quy định có liên quan khác của Ngân hàng.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc: Độc lập, khách quan, trung thực, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ VAB, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định của VAB.
2. Tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng các quy định, chương trình, kế hoạch công tác của BKS, đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, kịp thời và hiệu quả.
3. Bảo đảm sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Thành phần của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 05 (năm) Thành viên.
2. Việc đề cử, ứng cử Thành viên BKS được quy định theo pháp luật và Điều lệ VAB. VAB phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu làm Thành viên BKS trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu trúng cử.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định, tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và quy định nội bộ khác có liên quan của VAB.
4. Ban Kiểm soát có Phòng KTNB và bộ phận giúp việc khác để thực hiện nhiệm vụ của mình. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng KTNB, bộ phận giúp việc khác được điều chỉnh bởi Quy chế này, Quy chế KTNB VAB và các văn bản khác do BKS ban hành.

Điều 6. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của Thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ

không hạn chế. Nhiệm kỳ của Thành viên BKS được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ BKS. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

2. Nhân sự được bầu giữ chức vụ Trưởng BKS và các Thành viên của BKS có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những nhân sự bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho nhân sự mới được bầu; đồng thời chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Những đối tượng thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ VAB không được là Thành viên BKS.

2. Trưởng BKS, các Thành viên BKS phải tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ VAB.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện là Thành viên Ban Kiểm soát

Tiêu chuẩn, điều kiện là Thành viên BKS thực hiện theo quy định tại Luật các TCTD, các quy định pháp luật khác, Điều lệ và quy định nội bộ khác có liên quan của VAB.

Điều 9. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

Thành viên BKS phải tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của BKS. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của BKS phải tối thiểu bao gồm các quy tắc sau đây:

1. Chính trực: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực.
2. Khách quan: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác.
3. Bảo mật: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB.
4. Trách nhiệm: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng.
5. Thận trọng: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố sau đây:
 - a. Mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung được KTNB;
 - b. Khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện KTNB.
6. Đồng thời, Thành viên BKS phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp ngành Ngân hàng theo quy định của NHNN từng thời kỳ.

Điều 10. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS

1. Thành viên BKS đương nhiên mất tư cách Thành viên BKS khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ VAB. HĐQT VAB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định gửi NHNN trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ

nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của DHDCTD khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Luật các TCTD và Điều lệ VAB. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các cá nhân theo quy định, HĐQT của VAB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo khoản 1, khoản 2 Điều này, Trưởng BKS, Thành viên BKS vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 11. Bổ sung và thay thế Thành viên Ban Kiểm soát

1. Trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách, các Thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một Thành viên làm Trưởng BKS.

2. Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng Ban phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng BKS, BKS phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng BKS thay thế.

3. Trưởng BKS, Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi đến HĐQT và BKS để trình DHDCTD gần nhất quyết định.

4. Trường hợp BKS có số Thành viên ít hơn số Thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 5, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số Thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số Thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các TCTD 2024.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của DHDCTD sẽ bầu Thành viên BKS mới để thay thế cho Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những Thành viên còn thiếu.

Điều 12. Cung cấp, công bố công khai thông tin

1. Thành viên BKS phải cung cấp cho VAB các thông tin sau đây:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ Trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ Trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là Thành viên HĐQT, Thành viên Hội đồng Thành viên, kiểm soát viên, Thành viên BKS, TGD (Giám đốc).

c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ Trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Thành viên BKS phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hàng năm, VAB công bố thông tin tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này với ĐHĐCD.

4. Thành viên BKS cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 13. Thủ lao và lợi ích khác của Thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên BKS được trả thủ lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCD. ĐHĐCD quyết định tổng mức thủ lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS.

2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thủ lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được ĐHĐCD chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCD có quyết định khác.

3. Thủ lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VAB.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành VAB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCD, chủ sở hữu, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD, chủ sở hữu, Thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ VAB.

2. Ban hành quy định nội bộ của BKS và KTNB; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS và KTNB, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng KTNB.

4. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Thành viên BKS và Kiểm toán viên nội bộ.

5. Giám sát của quản lý cấp cao đối với KTNB, bao gồm:

a. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của KTNB.

b. Giám sát KTNB trong việc:

- Thực hiện KTNB;
 - Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của KTNB và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng KTNB/Lãnh đạo phụ trách Phòng KTNB.
 - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của KTNB theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - Các nội dung khác do BKS quy định.
- c. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch KTNB hàng năm theo đề nghị của Trưởng KTNB/Lãnh đạo phụ trách Phòng KTNB sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT và TGD.
- d. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng KTNB phù hợp theo quy định pháp luật.

6. Tổ chức thực hiện KTNB; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành VAB, có quyền sử dụng các nguồn lực của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS.

7. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của VAB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện; báo cáo DHDCD về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên DHDCD.

8. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của VAB thuộc thẩm quyền quyết định của DHDCD, HĐQT. Định kỳ hàng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho DHDCD, HĐQT.

9. Giám sát việc chấp hành các quy định liên quan các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của VAB theo quy định của Luật các TCTD.

10. Giám sát của quản lý cấp cao đối với KTNB theo quy định của pháp luật.

11. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

a. Theo Nghị quyết, Quyết định của DHDCD;

b. Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

12. Kịp thời thông báo cho DHDCD, HĐQT khi phát hiện Người quản lý, Người điều hành VAB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ VAB, quy định nội bộ của VAB, Nghị quyết, Quyết định của DHDCD, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

13. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, Thành viên góp vốn và người có liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGD của VAB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

14. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ VAB.

15. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ VAB.

16. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VAB; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết.

17. Kiểm soát hoạt động của VAB thông qua các báo cáo của BDH để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong quá trình hoạt động.

18. Giám sát tình hình tài chính của VAB thông qua các báo cáo của BDH để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong hoạt động tài chính; giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của Thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông.

19. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 9, khoản 12 và khoản 15 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các TCTD.

20. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Thành viên HĐQT, TGD tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên BKS quan tâm. Có quyền, thông qua Trưởng BKS, tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của VAB.

21. Báo cáo hoạt động của BKS và các nội dung khác tại ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định khác của VAB.

22. Phê duyệt kế hoạch KTNB hàng năm theo đề nghị của Trưởng KTNB/Lãnh đạo phụ trách Phòng KTNB.

23. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 15. Quyền hạn, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát và Thành viên BKS

Trưởng BKS và các Thành viên BKS có quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định tại Luật các TCTD, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của VAB.

Điều 16. Hợp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp BKS đầu tiên của nhiệm kỳ BKS để bầu Trưởng BKS và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử BKS nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên BKS có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một Thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Thành viên đã bầu

theo nguyên tắc đa số 01 (một) người trong số họ triệu tập họp BKS.

2. BKS phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

3. Cuộc họp bất thường: cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của:

- Chủ tịch HĐQT;
- Trường BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Giám đốc NHNN chi nhánh Khu vực nơi VAB đặt Trụ sở chính;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trường BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp BKS bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị liên tiếp mà Trường BKS không triệu tập cuộc họp, HĐQT và các Thành viên BKS phải có ngay văn bản báo cáo NHNN chi nhánh Khu vực nơi VAB đặt Trụ sở chính và tiến hành họp BKS để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trường BKS, bầu một Thành viên BKS đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trường BKS và gửi thông báo tới NHNN đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

5. Địa điểm họp: các cuộc họp BKS được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của VAB.

6. Thông báo và chương trình họp: cuộc họp BKS được tiến hành sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các Thành viên BKS. Trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trường BKS. Thông báo về cuộc họp BKS được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ các nội dung về: chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp BKS. Thành viên BKS không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những Thành viên trực tiếp dự họp.

7. Số Thành viên tham dự yêu cầu: cuộc họp BKS được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Thành viên BKS trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các Thành viên BKS được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp BKS định kỳ lần đầu nhưng không đủ số Thành viên tham dự theo quy định, Trường BKS phải triệu tập tiếp cuộc họp BKS lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần đầu không thể tổ chức do không đủ số Thành viên tham dự. Sau 02 (hai) lần triệu tập cuộc họp BKS không có đủ số Thành viên tham dự, Trường BKS phải thông báo cho HĐQT biết và đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần hai để Cổ đông xem xét tư cách của các Thành viên BKS.

8. Biểu quyết:

- Mỗi Thành viên tham dự cuộc họp BKS sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp BKS.

Nếu Thành viên BKS không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Thành viên BKS khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

b. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của Thành viên BKS hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của Thành viên BKS và những nghi ngờ đó không được Thành viên BKS đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp. Phản quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của Thành viên BKS có liên quan đó chưa được biết rõ.

d. Bất kỳ Thành viên BKS nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên BKS nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với VAB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với HĐQT và BKS, tại đây HĐQT và BKS sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, Thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của HĐQT và cuộc họp gần nhất của BKS sau khi Thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

10. Biểu quyết đa số: quyết định của BKS được thông qua ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số Thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự hợp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc Thành viên BKS được Trưởng BKS ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt hoặc Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp theo đề nghị).

11. Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Thành viên BKS tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a. Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số Thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b. Số lượng Thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng Thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp BKS.

Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức họp BKS. Các vấn đề được quyết định bởi cuộc họp BKS đều có thể được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Các cuộc họp BKS phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp BKS được lập bằng

tiếng Việt (theo BM01/QC-BKS) và phải được tất cả các Thành viên BKS tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp BKS. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp BKS cho các Thành viên BKS và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp BKS trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản đó. Trường hợp Thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của Thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp xem như không có giá trị.

Mục 3

QUYỀN ĐƯỢC TIẾP CẬN, CUNG CẤP THÔNG TIN, BẢO MẬT THÔNG TIN

Điều 18. Quyền được tiếp cận, cung cấp thông tin

1. Thành viên BKS có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của VAB.
2. HĐQT, Thành viên HĐQT, TGD và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VAB theo yêu cầu của BKS và phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các thông tin, tài liệu và các thông tin khác được cung cấp cho các Thành viên HĐQT sẽ phải được cung cấp cho Thành viên BKS vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Thành viên HĐQT.

Điều 19. Bảo mật thông tin

1. Các Thành viên BKS không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu của VAB và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của VAB, hoặc các thông tin mà VAB chưa công bố ra bên ngoài.
2. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi Thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ.
3. Các Thành viên BKS có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ VAB, Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 4

CƠ CHẾ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG, MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, CỔ ĐÔNG VÀ CÁC TUYẾN BẢO VỆ TRONG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ NGÂN HÀNG

Điều 20. Quan hệ với cổ đông Ngân hàng

1. Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của VAB tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều lệ VAB.
2. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra khi nhận được yêu cầu từ cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật khi xét thấy cần thiết. Việc kiểm tra được thực

hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ VAB.

Điều 21. Cơ chế phối hợp

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT:

a. Ban Kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của VAB, quan hệ làm việc với HĐQT theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

b. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho HĐQT về Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của BKS để HĐQT biết và phối hợp hoạt động.

c. Trưởng BKS phải triệu tập họp BKS, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) Thành viên HĐQT.

d. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho HĐQT khi phát hiện Người quản lý có hành vi vi phạm do BKS phát hiện và có những kiến nghị cần thiết.

e. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số Thành viên BKS.

f. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp HĐQT phải được gửi đến Trưởng BKS cùng thời gian gửi đến Thành viên HĐQT.

g. Trưởng BKS có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp nhưng không tham gia biểu quyết đối với các Nghị quyết của HĐQT.

h. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS cùng thời gian gửi đến Thành viên HĐQT.

i. HĐQT có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của VAB cho BKS theo yêu cầu của BKS.

j. HĐQT phối hợp với Phòng KTNB thuộc BKS khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT.

k. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.

l. HĐQT thực hiện các kiến nghị của BKS đối với HĐQT tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho BKS về kết quả thực hiện kiến nghị.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS với TGD:

a. Ban Kiểm soát và các Thành viên BKS trong quá trình làm việc với TGD và hệ thống

điều hành phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình. TGD và hệ thống điều hành phải tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với BKS và KTNB trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

b. TGD báo cáo BKS về việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, HĐQT, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành VAB và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của BKS.

c. TGD tiếp nhận báo cáo nội bộ về KTNB, tổ chức thực hiện các kiến nghị của BKS đối với TGD tại báo cáo kết quả KTNB (nếu có) và báo cáo BKS kết quả thực hiện các kiến nghị.

d. Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của BKS, BKS có quyền đề nghị HĐQT xem xét lại các quyết định của TGD.

e. Ban Kiểm soát kiến nghị và/hoặc đánh giá hoạt động của TGD 06 (sáu) tháng một lần gửi HĐQT.

f. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ VAB và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của VAB, BKS có quyền đề nghị TGD dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó và có giải pháp khắc phục hậu quả. Trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi có yêu cầu, BKS thông báo ý kiến của BKS với các Thành viên HĐQT. HĐQT ra thông báo về việc thực hiện quyết định của TGD.

g. TGD đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho BKS theo Quy chế này, Điều lệ VAB và các quy định có liên quan. TGD cung cấp kịp thời, đầy đủ cho BKS các văn bản về cơ chế chính sách, quy chế, quy định,... của VAB, văn bản chỉ đạo của NHNN và văn bản pháp luật có liên quan.

3. Cơ chế phối hợp giữa BKS và các tuyến báo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ:

a. Các tuyến báo vệ trong hệ thống VAB thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động với BKS theo quy định tại Quy chế này và quy định về KTNB Ngân hàng, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của BKS.

b. Lãnh đạo các Đơn vị được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho BKS và các Đoàn kiểm tra, kiểm toán của BKS; thực hiện các kiến nghị của BKS đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của BKS theo chỉ đạo của HĐQT và BDH; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho BKS về việc thực hiện các kiến nghị của BKS theo quy định.

4. Mối quan hệ làm việc giữa BKS và Phòng KTNB:

a. Phòng KTNB là Đơn vị trực thuộc BKS chịu sự chỉ đạo trực tiếp của BKS. BKS thực hiện giám sát đối với hoạt động của kiểm toán nội bộ.

b. Phòng KTNB thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ trên toàn hệ thống VAB và chịu sự giám sát của quản lý cấp cao theo quy định tại Quy chế này và các quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của KTNB.

Mục 5

DANH GIÁ, KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, CÁC NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Điều 22. Đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát

Công tác đánh giá hoạt động của Thành viên BKS có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

1. Tự nhận xét đánh giá.
2. Đánh giá định kỳ 06 (sáu) tháng/01 (một) lần.
3. Đánh giá hoạt động.
4. Đánh giá hoạt động hàng năm và được tiến hành vào cuối năm.
5. Tổ chức lấy phiếu thăm dò và tín nhiệm.

Điều 23. Tiêu chí đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát

Tiêu chí đánh giá hoạt động của Thành viên BKS bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao: bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc được giao.
2. Đối với cấp lãnh đạo, thực hiện đánh giá khả năng quản lý, thái độ trong quản lý, mức độ tín nhiệm của nhân viên.
3. Phẩm chất đạo đức, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ, chủ trương, chính sách của VAB và quy định pháp luật.
4. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tinh trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm.
5. Đoàn kết, phối hợp giữa các Thành viên trong BKS, Đoàn kiểm tra, giám sát với các Đơn vị khác trong hệ thống VAB.

Điều 24. Xếp loại đánh giá

Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại Thành viên BKS được phân thành các mức độ sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
3. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4. Chưa hoàn thành nhiệm vụ cần cố gắng.
5. Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 25. Khen thưởng đối với Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát Ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc Thành viên BKS.

2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc Thành viên BKS được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được ĐHĐCĐ thông qua thì sẽ trình ĐHĐCĐ quyết định.

3. Hàng năm, Trường BKS tiến hành tổ chức đánh giá hoạt động của các Thành viên BKS và đề xuất hình thức khen thưởng để HĐQT tham gia ý kiến và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

4. Trường BKS đánh giá kết quả hoạt động của cán bộ thuộc Phòng KTNB theo quy định của VAB và đề xuất hình thức khen thưởng, ký luật đề Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng xử lý kỷ luật lao động xem xét, quyết định.

Điều 26. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên BKS không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

2. Ngân hàng sẽ bồi thường các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện) nếu người đó thực hiện nhiệm vụ với tư cách là Thành viên BKS mà những người này phải tham gia hoặc đại diện được Ngân hàng ủy quyền, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các Quy chế của Ngân hàng một cách trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng với năng lực chuyên môn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua ngày ... tháng 4 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát VAB được ban hành kèm theo Quyết định số 20/2023/QĐ-BKS ngày 15/5/2023.

2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ VAB và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và các văn bản pháp luật có liên quan có nội dung khác với Quy chế này thì những quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức và hoạt động của BKS.

3. DHDGD giao BKS thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở phù hợp với hoạt động trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ VAB; việc sửa đổi phải được BKS báo cáo trong kỳ DHDGD thường niên kế tiếp theo.

4. Quy định chuyển tiếp: Trường hợp BKS nhiệm kỳ hiện tại của VAB (được bầu trước ngày 01/7/2024) có số lượng Thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này, khoản 2 Điều 51 Luật các TCTD 2024 được tiếp tục duy trì số lượng Thành viên BKS cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, Thành viên BKS, trừ trường hợp VAB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế Thành viên BKS.

✓

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN KIM PHƯƠNG

Số: /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: “Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Á”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC);
- Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á (“VAB”),

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế Quản trị nội bộ VAB, cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi và ban hành:

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã ban hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024, theo đó sẽ có nhiều điểm mới, thay đổi liên quan về khuôn khổ quản trị và hoạt động của ngân hàng.

Trên cơ sở rà soát lại Quy chế Quản trị nội bộ VAB, căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và căn cứ yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ của VAB là cần thiết để:

- Đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.
- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty đại chúng (như là Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC) vì VAB cũng là 1 công ty đại chúng.
- Đảm bảo tuân thủ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 13/2018/TT-NHNN;
- Đảm bảo tuân thủ các nội dung theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.

2. Nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung và ban hành mới:

Nội dung sửa đổi các Điều/Khoản của Quy chế Quản trị nội bộ VAB: theo nội dung tại Bảng so sánh Quy chế Quản trị nội bộ VAB năm 2024 và sau khi sửa đổi - đính kèm Tờ trình này.

3. Nội dung trình phê duyệt của Hội đồng quản trị:

Từ các nội dung nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

- a. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VAB;
- b. Chấp thuận giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc như sau:
 - (i) Ký ban hành Quy chế Quản trị nội bộ VAB theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông 2025 thông qua tại cuộc họp;
 - (ii) Xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VAB căn cứ trên các quy định pháp luật hiện hành giữa 02 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và/hoặc theo hướng dẫn, yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - (iii) Thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại website của VAB. Đối với nội dung này, Hội đồng quản trị được quyền ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc VAB thực hiện.
- c. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại Quy chế Quản trị nội bộ VAB 2024.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu Phòng PC&GSTT.

Phương Thành Long

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ VAB

STT	Điều khoản sửa đổi		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2024	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
1.			Header: Địa chỉ cũ	Header: Địa chỉ hiện tại	Cập nhật theo thông tin hiện tại.
2.			Ban điều hành	Tổng Giám đốc và Người điều hành khác	Sửa đổi để thống nhất với các quy định tại Điều lệ.
3.	Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh	Khoản 1	1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB"), đảm bảo VAB hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ VAB và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.	1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB"), quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác đảm bảo VAB hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ VAB và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.	Điều chỉnh quy định tương ứng theo mẫu Quy chế quản trị nội bộ tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.
		Khoản 2	2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của VAB được quy định tại Điều lệ VAB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"), Hội đồng quản trị ("HDQT"), Ban kiểm soát, Ban điều hành và các đơn vị, bộ phận, cá nhân liên quan khác của VAB.	2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của VAB được quy định tại Điều lệ VAB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"), Hội đồng quản trị ("HDQT"), Ban Kiểm soát, Tổng	

				Giám đốc và các đơn vị, bộ phận, cá nhân liên quan khác của VAB.	
4.	Điều 4. Giải thích thuật ngữ		Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ VAB cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.	Các từ ngữ và thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ VAB có cùng ý nghĩa khi áp dụng trong Quy chế này. Mọi tham chiếu đến một hoặc nhiều quy định hay văn bản khác đều bao gồm cả các nội dung sửa đổi hoặc các văn bản thay thế của những quy định, văn bản đó. Trường hợp các định nghĩa không được thể hiện trong Quy chế này hoặc không còn phù hợp, sẽ áp dụng các quy định mới theo quy định của pháp luật hoặc theo Điều lệ của VAB ban hành từng thời kỳ.	Sửa đổi lại cách diễn đạt nhằm đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng.
5.	Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 2, Khoản 3	2. ĐHĐCD bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCD thường niên, ĐHĐCD bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản. 3. ĐHĐCD gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB.	2. ĐHĐCD gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCD thường niên, ĐHĐCD bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 67.3 Luật các TCTD 2024.
6.	Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông		a. Hội ĐHĐCD thường niên: ĐHĐCD thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp ĐHĐCD thường niên trong trường hợp cần thiết.	a. Hội ĐHĐCD thường niên: ĐHĐCD thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp.
7.	Điều 8. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua	Khoản 2	2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của VAB và theo quy định tại Điều lệ VAB.	2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD được lập dựa trên danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán	Sửa đổi phù hợp với thực tế hiện hành của VAB và đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng.

8.	Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông			Việt Nam (VSDC) cung cấp và theo quy định tại Điều lệ VAB.	
		Khoản 7	7. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ĐHĐCĐ: Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ VAB. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.	Bỏ	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều lệ VAB.
		Khoản 10	10. VAB tiến hành trình tự, thủ tục triệu tập họp, điều kiện tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; các quy định khác về cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của VAB và Quy chế này. Những nội dung chưa được quy định tại Điều lệ thì sẽ áp dụng tại Quy chế này.	10. VAB tiến hành trình tự, thủ tục triệu tập họp, điều kiện tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; các quy định khác về cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của VAB. Những nội dung chưa được quy định tại Điều lệ thì sẽ áp dụng tại Quy chế này.	Sửa đổi phù hợp với thực tế hiện hành của VAB và đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng.
	Điều 9. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn	Khoản 3	3. Trình tự thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và các hình thức khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB. Hướng dẫn cụ thể liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại phụ lục 01 đính kèm Quy chế này.	3. Trình tự thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến được hướng dẫn tại phụ lục 01 đính kèm Quy chế này, các hình thức khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB.	Sửa đổi lại cách diễn đạt cho phù hợp theo quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.

	bản, hội nghị trực tuyến và các hình thức khác				
9.	Điều 11. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng quản trị trong quản trị	Khoản 3	3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được ĐHDCTD. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định theo pháp luật hiện hành, quy định nội bộ và Điều lệ VAB từng thời kỳ.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 69 Luật các TCTD 2024 và theo quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.
10.	Điều 19. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát trong quản trị ngân hàng	Khoản 3	3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận Kiểm toán nội bộ của VAB, được sử dụng các nguồn lực của VAB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.	Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội, bộ giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình, được sử dụng các nguồn lực của VAB, được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.	Sửa đổi phù hợp với thực tế.
		Khoản 4	Ban Kiểm soát xây dựng ban hành và thực hiện các Quy định tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở quy định pháp luật và Điều lệ VAB.	Ban Kiểm soát ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.	
11.	Điều 21. Tiền lương và các quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát		Chưa có quy định.	Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ, quy định của pháp luật hiện hành.	Bổ sung thêm nội dung.
CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC					

5

12.	Điều 26. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác	Khoản 1	1. Ban điều hành gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.	Bổ quy định này.	Sửa đổi thống nhất với các quy định tại Điều lệ.
		Khoản 2	2. Ban điều hành có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của VAB theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.	6. Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của VAB theo chính sách, định hướng được ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra trong từng thời kỳ và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.	
		Khoản 3	3. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của VAB, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ và pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của VAB và việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ VAB.	1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của VAB, chịu sự giám sát của HĐQT và Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VAB.	
		Khoản 4	4. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một số lĩnh vực trong hoạt động của VAB theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, phân quyền.	2. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một số lĩnh vực trong hoạt động của VAB theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, phân quyền.	
		Khoản 5	5. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB	3. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.	

		Khoản 6	6. Giám đốc Khối/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.	5. Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.	
		Khoản 7	7. Tổng Giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định điều hành của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định tại Quy chế này.	7. Tổng Giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định điều hành của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định tại Quy chế này.	
			Chưa có quy định.	4. Giám đốc Khối Tài chính thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.	
13.	Điều 27. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác	Khoản 3	3. Giám đốc Khối/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ của VAB. Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng và quyết định tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức danh trên.	3. Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ của VAB. Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng và quyết định tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức danh trên	Sửa đổi để thống nhất nội dung.
14.	Điều 28. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và	Khoản 2	2. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành thực hiện theo Điều lệ và các quy định có liên quan của VAB từng thời kỳ.	2. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện theo Điều lệ và các quy định có liên quan của VAB từng thời kỳ.	Sửa đổi để thống nhất nội dung.
		Khoản 3	3. VAB thực hiện thủ tục công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm	3. VAB thực hiện thủ tục công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm,	

	Người điều hành khác		thành viên Ban điều hành theo các quy định pháp luật hiện hành.	bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo các quy định pháp luật hiện hành.	
15.	Điều 29. Quyết định, chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác	Khoản 1	1. Quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc c. Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc và thành viên điều hành khác có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.	1. Quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc: c. Các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.	Sửa đổi để thống nhất nội dung.
		Khoản 2	2. Quyết định, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi quyền hạn được Tổng Giám đốc phân cấp, phân quyền, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác được quyền thay mặt Tổng Giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động mảng công việc được Tổng Giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của VAB trong từng thời kỳ. b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác khi được Tổng Giám đốc phân cấp/phân quyền có giá trị hiệu lực đối với các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong VAB tương tự quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc. c. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phù định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám	2. Quyết định, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác: a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi quyền hạn được Tổng Giám đốc phân cấp, phân quyền, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác được quyền thay mặt Tổng Giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động mảng công việc được Tổng Giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của VAB trong từng thời kỳ. b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác khi được Tổng Giám đốc phân cấp/phân quyền có giá trị hiệu lực đối với các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong VAB tương tự quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc. c. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phù định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.	

5

16.	Điều 35. Giao dịch với người có liên quan		đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác		Điều chỉnh lại cho thống nhất toàn văn bản.
		Khoản 3	3. Quyết định chỉ đạo của Kế toán trưởng Trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Luật kế toán và các quy định về kế toán của VAB.	3. Quyết định chỉ đạo của Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính Trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kế toán, các quy định pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ và Điều lệ của VAB trong từng thời kỳ.	
		Khoản 4	4. Báo cáo a. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của thành viên Ban điều hành có liên quan đến hoạt động kinh doanh quan trọng, các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới đều phải gửi 01 (một) bản đến Hội đồng quản trị để báo cáo. b. Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nhiệm vụ được phân công.	4. Báo cáo: a. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh quan trọng, các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới đều phải gửi 01 (một) bản đến Hội đồng quản trị để báo cáo. b. Các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nhiệm vụ được phân công.	
		Khoản 1	1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, VAB phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Ban điều hành tiến hành công bố thông tin hợp đồng theo quy định pháp luật và quy định VAB (nếu có).	1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, VAB phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Tổng Giám đốc và/hoặc Người điều hành khác tiến hành công bố thông tin hợp đồng theo quy định pháp luật và quy định VAB (nếu có).	

5

17.	Điều 43. Hiệu lực thi hành	Khoản 4	4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định sau khi được ĐHĐCĐ phân công hoặc do HĐQT ban hành sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cá nhân, Đơn vị liên quan trong toàn hệ thống VAB có trách nhiệm thi hành Quy chế này	4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Quy chế quản trị nội bộ VAB sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, ĐHĐCĐ giao HĐQT ký ban hành Quy chế và thực hiện các thủ tục công bố, báo cáo theo quy định pháp luật.	Sửa đổi để làm rõ quy định.
18.	Điều 2 – Phụ lục I	Khoản b	b. Đại biểu là cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.	b. Đại biểu là cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia ĐHĐCĐ và biểu quyết tại cuộc họp.	Điều chỉnh đáp ứng trường hợp biểu quyết tại ĐHĐCĐ trực tiếp bằng phương thức bỏ phiếu điện tử
		Khoản c	e. Bỏ phiếu điện tử là việc Đại biểu kết nối internet và thực hiện biểu quyết trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại thời điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.	e. Bỏ phiếu điện tử là việc Đại biểu thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại thời điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.	

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ngày tháng năm ... của Hội đồng quản trị
Ngân hàng TMCP Việt Á)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Việt Á (“VAB”), quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác đảm bảo VAB hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ VAB và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của VAB được quy định tại Điều lệ VAB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng Quản trị (“HDQT”), Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị, bộ phận, cá nhân liên quan khác của VAB.

Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Cơ cấu quản trị, điều hành hợp lý, hiệu quả.
3. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của HDQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc; nâng cao trách nhiệm của HDQT.
4. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị VAB.
5. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông.
6. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của VAB; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
7. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

Điều 3. Cơ cấu quản trị VAB

Cơ cấu quản trị VAB gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

Các từ ngữ và thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ VAB có cùng ý nghĩa khi áp dụng trong Quy chế này. Mọi tham chiếu đến một hoặc nhiều quy định hay văn bản khác đều bao gồm cả các nội dung sửa đổi hoặc các văn bản thay thế của những quy định, văn bản đó. Trường hợp các định nghĩa không được thể hiện trong Quy chế này hoặc không còn phù hợp, sẽ áp dụng các quy định mới theo quy định của pháp luật hoặc theo Điều lệ của VAB ban hành từng thời kỳ.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB. Ngoài ra, cổ đông VAB có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp VAB có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
2. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VAB công bố theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VAB, nghị quyết/quyết định của HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ VAB gây thiệt hại cho VAB, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định/nghị quyết đó theo quy định của pháp luật.
4. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
 - a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của VAB và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
 - b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và các quy định nội bộ của VAB.

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ VAB tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB.
4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được thực hiện, HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 7. Cuộc họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ của VAB được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB, cụ thể như sau:

- a. Họp ĐHĐCĐ thường niên: ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- b. Hợp ĐHĐCĐ bất thường: ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ VAB.
- c. VAB phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của VAB dự hợp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VAB có các khoản ngoại trừ trọng yếu.
- d. Các trường hợp triệu tập hợp ĐHĐCĐ khác và nội dung liên quan thực thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 8. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

- 1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ được triệu tập bởi HĐQT hoặc theo các trường hợp quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
- 2. Danh sách cổ đông có quyền dự hợp ĐHĐCĐ được lập dựa trên danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp và theo quy định tại Điều lệ VAB.
- 3. VAB phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự hợp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- 4. Thông báo mời hợp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự hợp với nội dung và theo phương thức, thời gian được quy định tại Điều lệ VAB.
- 5. Chương trình, nội dung hợp ĐHĐCĐ:

Chương trình hợp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của VAB. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời hợp ĐHĐCĐ, thông báo mời hợp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hợp được công bố trên website của VAB để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: Chương trình hợp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; Phiếu biểu quyết; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình hợp.

6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:

- a. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự hợp ĐHĐCĐ theo các cách thức sau: gửi giấy xác nhận tham dự hợp ĐHĐCĐ đến VAB, xác nhận với người được ghi tên thay mặt VAB tiếp nhận xác nhận tham dự hợp ĐHĐCĐ trên thông báo mời hợp qua điện thoại, thư điện tử hoặc fax hoặc hình thức khác được ghi trên thông báo mời hợp.
- b. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự hợp ĐHĐCĐ. Việc ủy quyền cho người đại diện dự hợp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và có chữ ký theo quy định sau đây:
 - Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự hợp;
 - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và người được ủy quyền dự hợp;

- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

7. Cách thức phân đối nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ VAB. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

8. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: Biên bản họp ĐHĐCĐ phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại điều lệ VAB và diễn biến của cuộc họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin trên Website của VAB trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải trên Website của VAB.
9. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; VAB thực hiện gửi nghị quyết bằng việc đăng tải lên Website của VAB, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
10. VAB tiến hành trình tự, thủ tục triệu tập họp, điều kiện tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; các quy định khác về cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của VAB. Những nội dung chưa được quy định tại Điều lệ thì sẽ áp dụng tại Quy chế này.

Điều 9. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hội nghị trực tuyến và các hình thức khác

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức khác để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB.
2. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
3. Trình tự thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến được hướng dẫn tại phụ lục 01 đính kèm Quy chế này, các hình thức khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB. Ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.
 - b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT.
 - c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về

hoạt động của HĐQT (đối với trường hợp VAB đã niêm yết).

- d. Hoạt động của các ủy ban khác thuộc HĐQT (nếu có).
 - e. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc.
 - f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
 - g. Các kế hoạch trong tương lai.
 - h. Báo cáo về các giao dịch giữa VAB, công ty con của VAB với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VAB với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB. Ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:
- a. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.
 - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của VAB.
 - d. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác của VAB.
 - e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
 - f. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VAB, công ty con của VAB với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của VAB và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa VAB với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của VAB là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý VAB trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản trị VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT bao gồm các thành viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB từng thời kỳ.
Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Cơ cấu thành phần của HĐQT, số lượng thành viên HĐQT độc lập đảm bảo theo quy định tại Điều lệ VAB.
3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn

chế. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định theo pháp luật hiện hành, quy định nội bộ và Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định nội bộ của VAB. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.

2. Giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

- a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VAB để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

- b. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- Các lợi ích liên quan đến VAB và các bên có liên quan của VAB (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

3. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của VAB nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ VAB.
5. Các trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ.
6. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, nhận được đơn xin từ chức của thành viên HĐQT, VAB phải công bố thông tin về các quyết định này trên trang thông tin điện tử của VAB (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ). Đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

Điều 14. Tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của VAB.
3. Thành viên HĐQT không cùng đảm nhiệm các chức vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định theo Điều lệ VAB và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự, thủ tục họp quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB.
2. Chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và chi tiết tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB.
3. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp HĐQT phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Điều 17. Nghị quyết, quyết định của HĐQT

1. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB và chi tiết tại Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT VAB.
2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát và 01 bản sao cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau ban hành.
3. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có tính hiệu lực cao nhất giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ. Mọi bộ phận, cá nhân trong VAB, kể cả thành viên HĐQT đều có nghĩa vụ thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT.
4. Tổng Giám đốc và/hoặc người được Tổng Giám đốc phân công chỉ đạo chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung có liên quan đã nêu tại nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc phải nhanh chóng báo cáo Chủ tịch HĐQT trong trường hợp nhận thấy việc thực hiện nghị quyết, quyết định trên thực tế tại thời điểm hiện tại hoặc tương lai có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của VAB để HĐQT xem xét. Trường hợp HĐQT không ban hành nghị quyết, quyết định thay thế, Tổng Giám đốc có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được ban hành.

Điều 18. Các Ủy ban/Hội đồng thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban/Hội đồng để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ VAB và theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban/Hội đồng này do HĐQT quy định phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban/Hội đồng thuộc HĐQT bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
 - a. Các Ủy ban/Hội đồng thuộc HĐQT
 - b. Cơ cấu của các Ủy ban/Hội đồng
 - c. Tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban/Hội đồng, chủ tịch Ủy ban/Hội đồng

- d. Việc thành lập Ủy ban/Hội đồng
- e. Trách nhiệm và nội dung hoạt động của các Ủy ban/Hội đồng và từng thành viên.

Chương IV **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 19. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát trong quản trị ngân hàng

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 05 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Trưởng Ban Kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban Kiểm soát về toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội, bộ giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình, được sử dụng các nguồn lực của VAB, được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Ban Kiểm soát ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, các trường hợp không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Điều 21. Thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ, quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát
 - a. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
 - b. Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định nội bộ của VAB. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
2. Giới thiệu ứng viên thành viên Ban Kiểm soát
 - a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VAB để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
 - b. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - Các lợi ích liên quan đến VAB và các bên có liên quan của VAB (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
3. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VAB nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ VAB.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
6. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, nhận được đơn xin từ chức của thành viên Ban Kiểm soát, VAB phải công bố thông tin về các quyết định này trên trang thông tin điện tử của VAB (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ). Đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB. Ngoài ra, Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
2. Giám sát tình hình tài chính VAB, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;
3. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VAB của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của VAB, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
4. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ VAB.
5. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 24. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát họp định kỳ mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết công việc đột xuất. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
2. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Trong trường hợp cần thiết, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 25. Quyết định của Ban Kiểm soát

1. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
2. Quyết định của Ban Kiểm soát phải được gửi 01 bản cho các thành viên HĐQT và 01 bản cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện ngay sau khi ban hành.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 26. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác¹

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của VAB, chịu sự giám sát của HĐQT và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VAB.
2. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một số lĩnh vực trong hoạt động của VAB theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, phân quyền.
3. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
4. Giám đốc Khối Tài chính thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
5. Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
6. Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của VAB theo chính sách, định hướng được ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra trong từng thời kỳ và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
7. Tổng Giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định điều hành của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định tại Quy chế này.

Điều 27. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

¹ Người điều hành khác được hiểu là những Người điều hành (theo khoản 13 Điều 1 Điều lệ VAB) còn lại ngoài Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB.

1. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, các trường hợp không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB.
2. Kế toán trưởng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ của VAB.
3. Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ của VAB. Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng và quyết định tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức danh trên.

Điều 28. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. HĐQT lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm một trong số các thành viên HĐQT làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật và quy định nội bộ VAB.
2. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện theo Điều lệ và các quy định có liên quan của VAB từng thời kỳ.
3. VAB thực hiện thủ tục công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 29. Quyết định, chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. Quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc:
 - a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi trách nhiệm, quyền hạn được HĐQT phân cấp theo quy định nội bộ VAB và quy định pháp luật, Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định hoặc chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động VAB phát triển an toàn, bền vững theo đúng định hướng, chiến lược được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua trong từng thời kỳ.
 - b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc có hiệu lực cao nhất đối với mọi cán bộ trong VAB, trừ các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.
 - c. Các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.
2. Quyết định, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác
 - a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi quyền hạn được Tổng Giám đốc phân cấp, phân quyền, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác được quyền thay mặt Tổng Giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động mảng công việc được Tổng Giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của VAB trong từng thời kỳ.
 - b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác khi được Tổng Giám đốc phân cấp/phân quyền có giá trị hiệu lực đối với các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong VAB tương tự quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.
 - c. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phủ định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.
3. Quyết định chỉ đạo của Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính
Trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kế toán, các quy định pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ và Điều lệ của VAB trong từng thời kỳ.

4. Báo cáo

- a. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh quan trọng, các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới đều phải gửi 01 (một) bản đến HĐQT để báo cáo.
- b. Các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo của mình trong phạm vi mảng nhiệm vụ được phân công.

HĐQT

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Nguyên tắc phối hợp

HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo nguyên tắc:

1. Luôn vì lợi ích chung của VAB.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 31. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Tổng Giám đốc

1. HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng theo quy định tại Điều lệ của VAB, Quy chế này và quy định nội bộ của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật. HĐQT quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (không bao gồm các vấn đề ĐHĐCĐ đã ủy quyền việc ra quyết định cho HĐQT) và các vấn đề xin chấp thuận/phê duyệt của Ngân hàng nhà nước theo quy định của pháp luật.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi HĐQT các biên bản, kết luận các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Điều hành trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT kết quả thực hiện các các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông định kỳ hàng quý.
5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc cần báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi mảng công việc đó.
6. HĐQT được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các Đơn vị báo cáo thực hiện công việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát ngân hàng theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho HĐQT phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của VAB, phù hợp với yêu cầu quản trị ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.

7. HĐQT tạo điều kiện để các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc được tham gia học tập, nâng cao trình độ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành VAB. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc không được ảnh hưởng đến công việc chung của VAB.

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban Kiểm soát

1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
2. HĐQT đảm bảo quyền của Ban Kiểm soát được tiếp cận, cung cấp thông tin, tài liệu, quyền tham gia các cuộc họp được triệu tập theo quy định của HĐQT.
3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VAB.
4. HĐQT đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho thành viên HĐQT, biên bản họp HĐQT phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.
5. Ban Kiểm soát phối hợp và thông tin kịp thời cho HĐQT về kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ, tham khảo ý kiến của HĐQT đối với các nội dung báo cáo, tài liệu của Ban Kiểm soát trước khi trình ĐHCĐ hoặc cung cấp/công bố cho các đơn vị bên ngoài VAB.

Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Tổng Giám đốc

1. Phối hợp trong triển khai công việc được giao
 - a. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có thể mời Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp. Khi tham dự họp, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Chủ tọa và/hoặc thư ký cuộc họp gửi cho Ban Kiểm soát 01 biên bản họp này.
 - b. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Ban Kiểm soát đó được phân công thực hiện.
 - c. Tổng Giám đốc chịu mọi trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin và báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
 - d. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB, Tổng Giám đốc cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng công việc đó.
2. Phối hợp khác

Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Ban Kiểm soát tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành ngân hàng. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Ban Kiểm soát không được ảnh hưởng đến công việc chung của VAB.
3. Các nội dung phối hợp cụ thể giữa Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định nội bộ của VAB ban hành từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VAB vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch do chính thành viên đó hoặc do những người có liên quan của thành viên đó thực hiện có liên quan đến VAB theo quy định tại Điều lệ VAB. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, VAB phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định pháp luật về công bố thông tin.
4. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban Kiểm soát trong các giao dịch giữa VAB với Công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa VAB với Công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.
5. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích trong giao dịch này chưa được xác định, và/hoặc cho dù lợi ích này là vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong báo cáo tài chính thường niên.
6. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VAB hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, VAB phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Tổng Giám đốc và/hoặc Người điều hành khác tiến hành công bố thông tin hợp đồng theo quy định pháp luật và quy định VAB (nếu có).
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu những người phải công khai lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ VAB và các cổ đông sở hữu tối thiểu 05% số cổ phần có quyền biểu quyết của VAB cung cấp và cập nhật định kỳ những thông tin về người có liên quan của họ.
3. VAB áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của VAB.

Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến VAB

1. VAB tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến VAB bao gồm chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ của VAB, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến VAB.
2. VAB hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến VAB thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho chủ nợ để giúp họ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của VAB và đưa ra quyết định.
 - b. Khuyến khích những người có quyền lợi liên quan đến VAB đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan đến lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
 - c. VAB tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Phương thức đánh giá hoạt động

Tùy thuộc quyết định của HĐQT, việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

1. Tự nhận xét đánh giá;
2. Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;
3. Đánh giá hoạt động hằng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
4. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
5. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

Điều 38. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác tối thiểu bao gồm các tiêu chí như sau:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ VAB và quy định pháp luật;
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực và cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 39. Xếp loại, đánh giá

1. Việc xếp loại, đánh giá thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện theo quy định của VAB.

2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại VAB.

Điều 40. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng
 - a. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của VAB.
 - b. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của VAB tại từng thời điểm.
2. Kỷ luật, bồi thường thiệt hại
 - a. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của VAB, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý theo các hình thức khác theo quy định pháp luật và/hoặc VAB và bồi thường thiệt hại cho VAB.
 - b. Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo Nội quy lao động, Quy chế xử lý kỷ luật và các văn bản khác của VAB tại từng thời kỳ.

Chương IX

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 41. Công bố thông tin

HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, ban hành Quy chế về công bố thông tin và tổ chức công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của VAB.

Điều 42. Xử lý vi phạm

1. Khi thấy cán bộ, nhân viên nào của VAB (bao gồm cả thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Trưởng Ban Kiểm soát.
2. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được HĐQT xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật và/hoặc quy định của VAB. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho VAB, người vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho VAB.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ VAB về cùng một vấn đề thì quy định tại Điều lệ của VAB được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ của VAB với quy định pháp luật về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật hiện hành.
3. Các nội dung chưa được quy định tại Quy chế này sẽ được áp dụng theo quy định của pháp

luật hiện hành và quy định nội bộ của VAB tùy từng thời điểm do HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc ban hành.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Quy chế quản trị nội bộ VAB sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, ĐHĐCĐ giao HĐQT ký ban hành Quy chế và thực hiện các thủ tục công bố, báo cáo theo quy định pháp luật.

5. Quy định chuyển tiếp:

- a. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ VAB có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều lệ VAB được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
- b. HĐQT của VAB được bầu trước ngày Điều lệ VAB có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định của Điều lệ VAB được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.
- c. Ban Kiểm soát của VAB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Điều lệ VAB được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, trừ trường hợp VAB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát.

TM. HĐQT
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I

TỔ CHỨC ĐHĐCĐ TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phụ lục này quy định về việc tổ chức và tham dự ĐHĐCĐ (thường niên hoặc bất thường) của VAB theo hình thức Đại hội trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.
2. Phụ lục này áp dụng đối với toàn bộ cổ đông của VAB và trong toàn hệ thống VAB.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

Trong Phụ lục này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **Điều lệ** là Điều lệ hoạt động hiện hành đang được áp dụng của VAB.
- b. **Đại biểu** là cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia ĐHĐCĐ và biểu quyết tại cuộc họp.
- c. **ĐHĐCĐ trực tuyến** là các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường của VAB được tổ chức dưới hình thức sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải âm thanh, hình ảnh thông qua hệ thống trực tuyến kết nối bằng internet để các Đại biểu tham gia dự họp thực hiện các quyền biểu quyết, ý kiến, chất vấn và các quyền liên quan của mình khi tham dự ĐHĐCĐ. VAB có thể lựa chọn:
 - i. Đại hội cổ đông trực tuyến toàn phần: là toàn bộ các Đại biểu tham gia trực tuyến; hoặc,
 - ii. Đại hội cổ đông trực tuyến một phần: là các Đại biểu có thể lựa chọn tham gia trực tiếp hoặc trực tuyến.
- d. **Đại hội truyền thống** là hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- e. **Bỏ phiếu điện tử** là việc Đại biểu thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại thời điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.
- f. **Bỏ phiếu truyền thống** là việc Đại biểu tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội truyền thống.
- g. **Hệ thống bỏ phiếu điện tử** là hệ thống do VAB quy định và thông báo nhằm cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện quyền biểu quyết khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến.
- h. **Sự kiện bất khả kháng** là những sự việc xảy ra ngoài ý chí và khả năng kiểm soát của người triệu tập đại hội, người điều hành đại hội và không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp sau: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác....
- i. **Ngày đăng ký cuối cùng** là ngày làm việc do VAB ấn định để xác định danh sách cổ đông được hưởng quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ phù hợp với thông báo của VAB và quy định pháp luật.

Điều 3. Các nguyên tắc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Được thực hiện và tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và Phụ lục này.
2. Đảm bảo tính phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế; mang lại hiệu quả và an toàn cho việc tổ chức ĐHĐCĐ.
3. Đảm bảo không bỏ sót bất cứ thủ tục nào theo quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ, đáp ứng đầy đủ lợi ích hợp pháp của cổ đông như tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp.
4. Đảm bảo việc bỏ phiếu minh bạch, công khai và thống kê chính xác.

Điều 4. Các trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và nguyên tắc bỏ phiếu

1. Việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến được tiến hành căn cứ tình hình và điều kiện thực tế của VAB cũng như yêu cầu xã hội và đảm bảo tuân thủ các quy định về tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:
 - a. Khi xảy ra dịch bệnh, thiên tai, có lệnh hạn chế hoặc cấm đi lại (nội địa và/hoặc quốc tế).
 - b. Phải thực hiện cách ly xã hội hoặc phong tỏa từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - c. Các lý do khách quan và/hoặc trường hợp khác mà HĐQT xét thấy không thuận tiện và/hoặc không thể tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tiếp.
2. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến
 - a. Số Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến (tổ chức cuộc họp lần 1, lần 2 và lần 3) theo quy định tại Điều lệ VAB hiện hành.
 - b. Hệ thống tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đảm bảo đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, không bị/ hạn chế bị gián đoạn; địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác đáp ứng kịp thời cho việc truyền thông tin, hình ảnh, dữ liệu; đảm bảo an toàn bí mật thông tin, việc truyền và tiếp nhận thông tin tuân thủ theo quy định Luật an toàn thông tin mạng và quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước; cuộc họp và dữ liệu điện tử của chương trình ĐHĐCĐ trực tuyến phải được lưu trữ, trích xuất theo quy định.
3. Nguyên tắc bỏ phiếu theo từng hình thức tổ chức ĐHĐCĐ:
 - a. Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến toàn phần: sử dụng hình thức bỏ phiếu điện tử để thực hiện việc biểu quyết.
 - b. Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến một phần hoặc trực tiếp: sử dụng hình thức bỏ phiếu truyền thống kết hợp với bỏ phiếu điện tử tùy theo tình hình, nhu cầu thực tế và quy định pháp luật hiện hành.
 - c. Trường hợp phát sinh nội dung mới cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ thì Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu quy định tại điểm b khoản này tương ứng với hình thức tham dự của từng Đại biểu.
4. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT/Người triệu tập quyết định hình thức tổ chức họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên và/hoặc bất thường (họp trực tiếp và/hoặc trực tuyến, bỏ phiếu truyền thống và/hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được pháp luật cho phép) và thông báo tới các cổ đông khi quyết định thực hiện căn cứ theo tình hình và điều kiện thực tế tại thời điểm dự kiến tổ chức cuộc họp.

Điều 5. Trình tự, thủ tục tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

Việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được pháp luật cho phép phải bao gồm đầy đủ và theo trình tự, đảm bảo thời gian các thủ tục cần thực hiện tương tự như tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan (chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp; gửi lại thông báo mời họp và chương trình, tài liệu cuộc họp; đăng ký cổ đông/đăng ký ủy quyền dự họp; xác định Chủ tọa cuộc họp, thông qua chương trình, nội dung cuộc họp và cử Thư ký, bầu Ban kiểm phiếu; thảo luận và biểu quyết; lập và thông qua Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; công bố thông tin liên quan...) cũng như phải đảm bảo các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan (tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội...).

Điều 6. Điều kiện tham dự và ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ của VAB theo thông báo quyền dự họp của VAB đều được tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Phụ lục này.
2. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
3. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được thực hiện như sau:
 - a. Cổ đông là cá nhân: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho duy nhất một cá nhân khác thay mặt tham dự và bỏ phiếu biểu quyết.
 - b. Cổ đông là tổ chức: tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông chỉ được ủy quyền cho 01 người đại diện.
 - c. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền để có cơ sở để cấp mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền, gồm: họ và tên, số CMND/CCCD/Mã số doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ, địa chỉ liên lạc.
 - d. Hiệu lực của việc ủy quyền: việc ủy quyền của các cổ đông chỉ có hiệu lực khi thỏa mãn đủ các điều kiện sau:
 - i. Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
 - ii. Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
 - iii. VAB nhận được bản chính Giấy ủy quyền nêu trên trước 04 ngày khi ĐHĐCĐ được khai mạc chính thức.
 - e. Khi ủy quyền có hiệu lực theo như điểm d khoản này thì bên nhận ủy quyền sẽ nhận được thông tin truy cập tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua số điện thoại theo thông tin được cung cấp tại Giấy ủy quyền.
 - f. Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: cổ đông phải gửi văn bản chính thức đề nghị hủy việc ủy

quyền trực tuyến cho VAB. Việc hủy ủy quyền chỉ có hiệu lực khi VAB nhận được văn bản đề nghị hủy ủy quyền trước khi ĐHĐCĐ khai mạc chính thức.

- g. Hủy bỏ ủy quyền sẽ không có hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu điện tử để biểu quyết với vấn đề nào của nội dung chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 7. Cung cấp thông tin và cách thức đăng nhập để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Đại biểu được nhận Thư mời họp trực tuyến có hướng dẫn và đường dẫn để truy cập đăng ký tham dự ĐHĐCĐ cũng như các tài liệu cho Đại hội.
2. Đại biểu đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện theo tài liệu hướng dẫn có trong Thư mời để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách Đại biểu trước khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến. Đại biểu đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo quy định là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến.
3. Sau khi xác thực tư cách Đại biểu hợp lệ, VAB sẽ gửi thông tin được cấp duy nhất cho từng Đại biểu gồm mã đăng nhập (user) và mật khẩu (password) vào số điện thoại do Đại biểu đăng ký. Việc đăng nhập đúng bằng user và đúng password do VAB cấp được xem là chính Đại biểu xác nhận tham dự Đại hội. Đại biểu đăng nhập bằng user và password được cấp để bắt đầu tham dự Đại hội theo như hướng dẫn của VAB đã cung cấp trong Thư mời họp.
4. Đại biểu không đăng ký thông tin và xác nhận tư cách Đại biểu với VAB theo khoản 2 Điều này sẽ không được tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến nhưng vẫn có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp (nếu ĐHĐCĐ tổ chức trực tuyến một phần).
5. Trường hợp Đại biểu muốn đăng ký thay đổi/đăng ký mới thông tin định danh khác với thông tin đã đăng ký với VAB thì liên hệ với VAB để cập nhật thông tin trước ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VAB.
6. VAB không chịu trách nhiệm đối với việc Đại biểu không cập nhật và/hoặc không cập nhật kịp với VAB các thông tin định danh mới làm ảnh hưởng đến việc tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 8. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Đại biểu được hệ thống trực tuyến ghi nhận là tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống trực tuyến bằng các thông tin và theo cách thức đăng ký tham dự quy định tại Điều 7 Phụ lục này.
2. Việc Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống trực tuyến được xem như Đại biểu trực tiếp tham dự và kết quả bỏ phiếu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử cũng có giá trị như kết quả bỏ phiếu trực tiếp tại ĐHĐCĐ.
3. Hệ thống trực tuyến sẽ bắt đầu ghi nhận việc Đại biểu đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến trước thời điểm khai mạc 60 phút so với chương trình dự kiến hoặc một thời gian khác sớm hơn theo thông báo mà VAB gửi cho cổ đông.
4. Ban kiểm tra Đại biểu căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản truy cập của các Đại biểu để làm cơ sở xác định số Đại biểu tham dự Đại hội trực tuyến.

Điều 9. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung được trình bày trong chương trình ĐHĐCD trực tuyến.
 - b. Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.
 - c. Đại biểu có thể phát biểu, góp ý trực tiếp với Đại hội thông qua hệ thống âm thanh, hình ảnh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình chat với Ban thư ký Đại hội.
 - d. Ban thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
- a. Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa Đại hội hoặc thành viên do Chủ tọa Đại hội chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu.
 - b. Trường hợp do thời gian bị giới hạn, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được VAB trả lời sau.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu điện tử

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - a. Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết **“tán thành”**, **“không tán thành”**, **“không ý kiến”** với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - b. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết (đối với bỏ phiếu điện tử) để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
2. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - a. Việc bỏ phiếu điện tử chỉ được thực hiện khi Đại biểu đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo cách thức quy định tại Điều 7 Phụ lục này.
 - b. Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện vào thời điểm diễn ra cuộc họp và theo diễn tiến cuộc họp cho từng vấn đề cần biểu quyết của nội dung chương trình Đại hội. Đại biểu biểu quyết theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội/người điều hành Đại hội cho các vấn đề cần biểu quyết của nội dung chương trình Đại hội và theo Điều lệ.
 - c. Trường hợp Đại biểu đang kết nối không thực hiện biểu quyết quyết thì được hiểu là Đại biểu đó bỏ phiếu **“không ý kiến”** đối với các nội dung xin ý kiến biểu quyết của Đại biểu.
 - d. Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết đối với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu bỏ phiếu **“không ý kiến”** đối với các nội dung này.
 - e. Khi tiến hành Đại hội, Chủ tọa phải thông báo trực tiếp thời gian bỏ phiếu điện tử đối với từng nội dung được biểu quyết. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, Hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.
 - f. Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết trong thời gian biểu quyết nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết (bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội). Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ

phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu đối với từng nội dung được biểu quyết theo thông báo trực tiếp của Chủ tọa Đại hội.

- g. Đại biểu dừng kết nối trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử thì các nội dung nào Đại biểu đã bỏ phiếu sẽ được ghi nhận và nội dung nào chưa bỏ phiếu sẽ không được tính khi kiểm phiếu và không được tính vào tỷ lệ cổ đông biểu quyết đối với nội dung chưa bỏ phiếu này. Trường hợp Đại biểu kết nối lại thì Đại biểu được tiếp tục bỏ phiếu nếu chưa kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử của đợt kiểm phiếu đó theo thông báo trực tiếp của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết các nội dung còn lại mà Đại hội chưa tiến hành biểu quyết.
- h. Trường hợp Đại biểu gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức Đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung biểu quyết, Đại biểu không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã biểu quyết và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả biểu quyết này.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu.

1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến. Hệ thống sẽ kết xuất biên bản kiểm phiếu đối với các nội dung mà Đại biểu thực hiện biểu quyết.
2. Tổng số biểu quyết của từng nội dung biểu quyết tại Đại hội trực tuyến toàn phần là tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ đối với nội dung biểu quyết đó của tất cả Đại biểu tham dự Đại hội trực tuyến. Tổng số biểu quyết tại Đại hội trực tuyến một phần kết hợp trực tiếp bao gồm phiếu biểu quyết hợp lệ của hình thức bỏ phiếu điện tử cộng với hình thức bỏ phiếu truyền thống của tất cả các Đại biểu tham dự.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu được ghi nhận như quy định tại Điều 11 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 13. Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tuyến

Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tuyến đối với từng nội dung được biểu quyết tương tự như tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tiếp được quy định tại Điều lệ.

Điều 14. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam;
2. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến được lập và thông qua tương tự như Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định tại Điều lệ.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và biểu quyết tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định pháp luật, Điều lệ và Phụ lục này.
2. Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận trực tiếp tại ĐHĐCĐ trực tuyến theo quy định tại

Điều 9 Phụ lục này.

3. Phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của ĐHĐCĐ trực tuyến.
4. Đại biểu có trách nhiệm bảo mật mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) để đảm bảo rằng chỉ Đại biểu mới có quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả bỏ phiếu của Đại biểu trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử được xem là quyết định cuối cùng của Đại biểu và Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước VAB về kết quả bỏ phiếu trên.
5. Đại biểu phải thông báo ngay cho VAB để kịp thời xử lý khi phát hiện mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) bị mất, đánh cắp, bị lộ hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu mọi trách nhiệm đối với tất cả các thiệt hại, tổn thất, rủi ro khác xảy ra trước thời điểm VAB nhận được thông báo của Đại biểu nếu nguyên nhân là do lỗi của Đại biểu.
6. Đại biểu đồng ý để VAB cung cấp các dữ liệu thông tin của Đại biểu cho Bên thứ ba có liên quan (nếu có, như bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử ...) để hỗ trợ việc thực hiện các quyền của Đại biểu trong việc tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 16. Trường hợp diễn ra sự kiện bất khả kháng

Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để ĐHĐCĐ có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong ĐHĐCĐ được triệu tập gần nhất.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Phụ lục này có hiệu lực theo hiệu lực của Quy chế quản trị nội bộ.
2. Phụ lục này là một phần đính kèm, không thể tách rời của Quy chế quản trị nội bộ.
3. Những vấn đề về tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử chưa được đề cập đến trong Phụ lục này sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và các văn bản khác có liên quan của VAB.
4. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật có liên quan dẫn đến các quy định tại Phụ lục này khác với Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật đó.
5. Toàn thể cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác, các Đơn vị và các cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống VAB có trách nhiệm thực hiện theo Phụ lục này.

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH**

**V/v: Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngân hàng TMCP Việt Á nhiệm kỳ 2023 – 2028**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);
- Căn cứ Nghị quyết số/2025/NQ-HDQT ngày/2025 về việc Thông qua danh sách nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028;
- Căn cứ Công văn số ngày của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

I. Lý do việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 của VAB.

Đại hội đồng cổ đông thường niên (DHDCT) năm 2023 của VAB đã thông qua số lượng thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 là 05 (năm) thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập HDQT.

Để tăng cường công tác quản trị, phù hợp với định hướng phát triển của ngân hàng trong thời gian tới, HDQT VAB đã gửi Thông báo số 03/2025/TB-HDQT đến tất cả các cổ đông của VAB về số lượng thành viên dự kiến được bầu bổ sung vào HDQT là 02 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập HDQT; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với chức danh thành viên HDQT để các cổ đông ứng cử hoặc đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VAB.

Hết thời hạn đề cử, ứng cử vào ngày 03/02/2025, HDQT VAB không nhận được đề cử của cổ đông nào. Trên cơ sở tham chiếu theo quy định tại Điều lệ VAB, HDQT VAB đã tổ chức họp thảo luận, xem xét năng lực để đề cử ứng viên và VAB đã có Công văn gửi Ngân hàng Nhà nước về việc đề nghị chấp thuận nhân sự dự kiến bầu bổ sung thành viên HDQT nhiệm kỳ 2023 – 2028.

II. Đề xuất của Hội đồng Quản trị.

Căn cứ danh sách nhân sự bầu bổ sung thành viên HDQT đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, HDQT kính trình DHDCT xem xét các nội dung sau:

1. Thông qua số lượng thành viên HDQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 và bầu bổ sung thành viên HDQT như sau:

- a. Số lượng thành viên HDQT nhiệm kỳ 2023 – 2028: 07 (bảy) thành viên HDQT, trong đó có 02 thành viên HDQT độc lập.

- b. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: 01 (một) thành viên HĐQT, 01 thành viên HĐQT độc lập.
- c. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT bầu bổ sung: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ HĐQT 2023-2028.

2. Thông qua danh sách ứng viên để thực hiện thủ tục bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:

Họ và tên	Chức danh dự kiến bầu
.....	Thành viên Hội đồng Quản trị
.....	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

(Thông tin ứng viên sẽ được cập nhật khi NHNN chấp thuận danh sách dự kiến).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phuong Thành Long

Số: /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp
được can thiệp sớm theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Luật Các tổ chức tín dụng 2024 số 32/2024/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật các TCTD 2024) quy định như sau:

• Khoản 1 Điều 143: "Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm."

• Khoản 7 Điều 143: "Phương án khắc phục quy định tại Điều này phải được xây dựng, thông qua trước ngày 01/7/2025 hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài."

Để đảm bảo tính tuân thủ các quy định liên quan và tăng tính chủ động, kịp thời trong việc xây dựng, điều chỉnh Phương án khắc phục, Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông giao, ủy quyền cho HĐQT:

1. Triển khai chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng, thông qua "Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm" theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN); bao gồm việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các nội dung theo yêu cầu của NHNN và theo nhu cầu của VAB tại từng thời kỳ và theo định kỳ rà soát ít nhất 02 (hai) năm theo quy định của Luật các TCTD 2024 để báo cáo NHNN theo quy định.

2. Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng Cổ đông kết quả xây dựng phương án được can thiệp sớm tại kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo theo quy định.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

Phương Thành Long

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương đầu tư góp vốn/mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/07/2024;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và phê duyệt các nội dung có liên quan đến chủ trương, phương án mà VAB thực hiện đầu tư góp vốn/mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết;... cụ thể như sau:

1. Tổng nhất về mặt chủ trương và thông qua các phương án VAB sẽ thực hiện góp vốn/mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết, liên danh, hợp tác... để thực hiện các hoạt động kinh doanh được phép theo quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; Hình thức thực hiện và lĩnh vực tham gia:
 - a. Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau: Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; cho thuê tài chính; bảo hiểm;
 - b. Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - c. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - d. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác sau khi được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản;
2. Tỷ lệ tham gia góp vốn/mua cổ phần: toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ của doanh nghiệp mà VAB sẽ tham gia góp vốn, mua cổ phần tùy thuộc vào thỏa thuận với các bên liên quan và tối đa trong phạm vi pháp luật cho phép;
3. Giá mua: Theo cơ chế thỏa thuận trên cơ sở đánh giá hiện trạng doanh nghiệp, thỏa thuận với các bên liên quan và điều kiện thị trường;

4. Giá trị góp vốn, mua cổ phần: từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất nhưng tổng mức góp vốn, mua cổ phần của VAB vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của VAB không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của VAB;
5. Giao Hội đồng Quản trị quyết định hình thức, phương thức, trình tự, giá trị đầu tư, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết; Tổ chức thực hiện các phương án chi tiết và báo cáo kết quả thực hiện tại ĐHĐCĐ trong kỳ họp thường niên gần nhất. HĐQT được thỏa thuận với các bên liên quan; làm việc, trao đổi, thống nhất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quyết định các vấn đề liên quan đến giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn việc lựa chọn doanh nghiệp mục tiêu, mức/tỷ lệ tham gia của VAB, giá và các điều kiện kèm theo; cơ cấu tổ chức, hình thức pháp lý của doanh nghiệp mục tiêu; các mô hình/cách thức hợp tác, liên kết, quyết định các nội dung giao dịch, các tài liệu do VAB ký và/hoặc tham gia để thực hiện giao dịch cũng như tất cả các vấn đề khác trong quá trình VAB tham gia đầu tư, hợp tác; quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa các phương án, vấn đề, giao dịch theo thống nhất với Cơ quan có thẩm quyền, bên liên quan...;
6. Trong quá trình thực hiện, HĐQT được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, đơn vị, cá nhân khác trong hệ thống VAB (phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB) để thực hiện các công việc nêu trên.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HQĐT.

Phương Thành Long

Số: /2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á
PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Các Tổ chức Tín dụng (TCTD) số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB") ngày 26/4/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng Cổ đông nhất trí:

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025 theo Báo cáo số .../2025/BC-HĐQT, ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát ("BKS") tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 theo Báo cáo số .../2025/BC-BKS ngày .../4/2025 của Ban Kiểm soát.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của VAB theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024 theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua mức thù lao năm 2024 và dự kiến mức thù lao năm 2025 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị.

- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 của VAB theo nội dung Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày/4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua phương án tăng Vốn điều lệ năm 2025 theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày/4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua việc niêm yết cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á tại Sở Giao dịch chứng khoán theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày/4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua việc niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành ra công chúng theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày/4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT ngày/4/2025 của HĐQT.
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB năm 2025 theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày/4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VAB năm 2025 theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày/4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị - Ngân hàng TMCP Việt Á theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày/4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua phương án đầu tư, góp vốn/mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT, ngày/4/2025 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính và Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ năm 2026 theo nội dung tại tờ trình số .../TTr-HĐQT, ngày/4/2025.
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS theo nội dung tại tờ trình số.../2025/TTr-BKS, ngày/4/2025 của Ban Kiểm soát.
- Thông qua nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT ngày/4/2025 của Hội đồng Quản trị về việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á nhiệm kỳ 2024 – 2028.

Điều 2. Đại hội đồng Cổ đông nhất trí bầu bổ sung các ông/bà có tên sau đây vào chức danh thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2024-2028:

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, gồm:

.....

.....

.....

.....

.....

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng Cổ đông VAB biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26/4/2025.

Toàn thể cổ đông VAB chấp hành Nghị quyết này. Các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc VAB chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, theo chức năng hoạt động, phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của VAB./.



Nơi nhận:

- Cổ đông, HĐQT, BKS, TGD;
- Cơ quan quản lý Nhà nước (để b/c);
- Đăng website;
- Lưu: VP. HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á/ THE 2025 ANNUAL
GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF
VIETNAM ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**

DỰ THẢO/DRAFT



THẺ BIỂU QUYẾT/VOTING CARD

..... cổ phần / shares

Họ tên Cổ đông/Shareholder's Full name:

.....

Mã số/Code:



QR code để xem tài liệu ĐHĐCĐ 2025/ Please scan QR code to see documents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders

Ngày ... tháng ... năm 2025/month ... date ... year 2025

DỰ THẢO/DRAFT

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025/ Hanoi, month ... date ...
 year 2025*

PHIẾU BIỂU QUYẾT/VOTING SLIP

.....

- Họ và tên Cổ đông/ Shareholder's full name:
- Mã số/ Code:
- Số cổ phần sở hữu và được ủy quyền/ Number of owned and authorized shares: cổ phần/ shares
- Số phiếu biểu quyết tương ứng/ Number of corresponding ballots : phiếu biểu quyết/ voting ballots

Biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á ("VAB") ngày 26/04/2025 như sau/ Voting on the contents at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank ("VAB") on April 26, 2025 as follows:

CÁC NỘI DUNG CẦN BIỂU QUYẾT/ CONTENTS TO BE VOTED

STT / No.	Nội dung biểu quyết	Tán thành/ Favor	Không tán thành/ Against	Không có ý kiến/ Abstention
01	Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025 theo Báo cáo số .../2025/BC-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of BOD's Report on the 2024 operation results and 2025 orientation according to the Report No. .../2025/BC-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors.</i>			
02	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 theo Báo cáo số .../2025/BC-BKS ngày .../4/2025 của Ban Kiểm soát. <i>Approval of SB's Report at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders according to the Report No. .../2025/BC-BKS dated .../4/2025 of the Supervisory Board.</i>			
03	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của VAB theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of VAB's Audited 2024 Financial Statements according to the content in the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors.</i>			
04	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024 theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of the 2024 profit distribution plan and fund allocation according to the content in the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors.</i>			
05	Thông qua mức thù lao năm 2024 và dự kiến mức thù lao năm 2025 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of the 2024 remuneration payment and the 2025 remuneration proposal to members of BOD and SB according to the content of the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors.</i>			

STT / No.	Nội dung biểu quyết	Tán thành / Favor	Không tán thành / Against	Không có ý kiến / Abstention
06	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 của VAB theo nội dung Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of VAB's 2025 business plan according to the content of the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors</i>			
07	Thông qua phương án tăng Vốn điều lệ năm 2025 theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of VAB's 2025 Charter Capital increasing plan according to the content of the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors</i>			
08	Thông qua việc niêm yết cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á tại Sở Giao dịch chứng khoán theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of listing VAB's shares on the Stock Exchange according to the content of the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors</i>			
09	Thông qua việc niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành ra công chúng theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of offering VAB's bonds to the public according to the content of the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors</i>			
10	Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of the proposed remedial plan for early intervention according to the content of the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors</i>			
11	Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB năm 2025 theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of amendment and supplement to VAB's 2025 Charter according to the content of the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors</i>			
12	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VAB năm 2025 theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of amendment and supplement to VAB's 2025 Internal Governance Regulations according to the content of the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors</i>			
13	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị - Ngân hàng TMCP Việt Á theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of amendments and supplements to the Regulations on organization and operation of the Board of Directors - Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank according to the content in the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors</i>			
14	Thông qua phương án đầu tư, góp vốn/mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HDQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị. <i>Approval of investment plans, capital contribution/share purchase, establishment, acquisition of subsidiaries, affiliates according to the content in the Submission No. .../2025/TTr-HDQT dated .../4/2025 of the Board of Directors</i>			

STT / No.	Nội dung biểu quyết	Tán thành / Favor	Không tán thành / Against	Không có ý kiến / Abstention
15	Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính và Thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2026 theo nội dung tại tờ trình số .../TTr-BKS ngày .../4/2025 của Ban Kiểm soát. <i>Approval of selection of an independent auditing company to audit the Financial Statements and to provide assurance services for the operation of the internal control system in the preparation and presentation of the Financial Statements in the fiscal year of 2026 according to the content in the Submission No. .../TTr-BKS dated .../4/2025 of the Supervisory Board</i>			
16	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát theo nội dung tại tờ trình số .../2025/TTr-BKS ngày .../4/2025 của Ban Kiểm soát. <i>Approval of amendments and supplements to the Regulation on organization and operation of the Supervisory Board according to the content in the Submission No. .../2025/TTr-BKS dated .../4/2025 of the Supervisory Board</i>			
17	Thông qua nội dung tại Tờ trình số .../2025/TTr-HĐQT ngày .../4/2025 của Hội đồng Quản trị về việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á nhiệm kỳ 2023 – 2028. <i>Detailed information on the Shareholder, number of votes, and authorized proxy is stated in the Registration and Confirmation for Attendance at the Annual General Meeting of Shareholders on April 26, 2025. If many Shareholders authorize 01 (one) person, the information of the said Shareholder is representative of 01 (one) of the Shareholders and the number of owned and authorized shares is total number of shares of all Shareholders (the Principal).</i>			
18	Thông qua nội dung tại Tờ trình. <i>Approval of the contents in the Submittal</i>			

Quy định cách thức biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào 01 trong 03 ô biểu quyết "Tán thành"; "Không tán thành" và "Không có ý kiến" tương ứng với mỗi nội dung biểu quyết/ Shareholders vote by marking (X) in 01 of 03 voting boxes "Favor"; "Against" and "Abstention" corresponding to each voting content.

Phiếu biểu quyết **không** có đánh dấu (X) vào bất kỳ ô biểu quyết nào được xem là "**Không có ý kiến**". / The voting ballots **without** marking (X) in any voting box is considered as "**Abstention**".

Trường hợp chọn nhầm ô, Cổ đông tô đen ô đã chọn và chọn (X) lại vào ô khác. / In case of change in another box, the Shareholder shall blacken the selected box and select (X) in another box.

Phiếu biểu quyết có đánh dấu (X) nhiều hơn 01 (một) ô tương ứng với mỗi nội dung biểu quyết được xem là "**Không hợp lệ**" đối với nội dung biểu quyết đó. / The voting ballot with an (X) marking in more than 01 (one) box corresponding to each voting content is considered "**Invalid**" for that voting content.

Các thông tin chi tiết về Cổ đông, số phiếu biểu quyết, người được ủy quyền được nêu tại Giấy đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26/4/2025. Trường hợp nhiều Cổ đông cùng ủy quyền cho 01 (một) người thì thông tin Cổ đông nêu trên là đại diện 01 (một) trong số Cổ đông và số lượng cổ phần sở hữu và ủy quyền là tổng số cổ phần của tất cả các Cổ đông (bên ủy quyền). / Detailed information on the Shareholder, number of votes, authorized person is stated in the Registration and confirmation of attendance at the Annual General Meeting of Shareholders on April 26, 2025. In case many Shareholders authorize 01 (one) person, the said information of the Shareholder is the representative of 01 (one) of the Shareholders and the number of shares owned and authorized is the total number of shares of all Shareholders (the Principal).

Cổ đông/Người được ủy quyền / Shareholder/ Authorized Proxy
(ký và ghi rõ họ tên/ Please attach signature and full name)

**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025/ THE 2025 ANNUAL GENERAL
PHIẾU BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ ELECTION BALLOT
FORM FOR ELECTION OF ADDITIONAL MEMBER OF BOD**
(Nhiệm kỳ 2023 - 2028/ 2023 - 2028 Term)

1. Thông tin của Cổ đông tham gia bầu cử/ Information on the voting shareholder :

- Mã số/Code :
- Tên Cổ đông/Shareholder's Full name :
- Số cổ phần sở hữu và được ủy quyền: cổ phần/Total owned and authorized shares: shares
- Tổng số phiếu được quyền bầu : phiếu/Total eligible election ballot: ballots

2. Phần bầu cử/ Voting information :

STT/ No.	Danh sách ứng viên/List of candidates	Số phiếu bầu/Number of election ballot
1	NGUYỄN VĂN A / NGUYEN VAN A	
2	TRẦN VĂN B / TRAN VAN B	
Tổng cộng phiếu bầu (không vượt quá : phiếu) / Total election ballot (no more than ballots)		

3. Hướng dẫn :

- * Tổng số phiếu bầu = tổng số cổ phần có quyền biểu quyết x số Thành viên được bầu vào HĐQT/ Total number of election ballot = total number of authorized shares x number of members elected to the Board of Directors.
- * Cổ đông có thể dồn toàn bộ số phiếu được bầu của mình để bầu cho 01 (một) ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn với điều kiện Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên cộng lại không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin Cổ đông. / Shareholders can accumulate all of their votes to vote for 01 (one) candidate or divide the votes among the selected candidates, provided that the total number of election ballot for the candidates does not exceed the total number of election ballot specified in the Shareholder information section
- * Trường hợp không bầu cho ứng cử viên nào thì ghi số 0 vào ô "Số phiếu bầu" của ứng cử viên đó hoặc gạch tên ứng cử viên đó. / In case of not voting for any candidate, write 0 in the "Number of votes" box of that candidate or cross out that candidate's name
- * Số phiếu bầu cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau tùy theo sự tín nhiệm của Cổ đông đối với các ứng cử viên. / The number of votes for each candidate may vary depending on the Shareholder's trust in the candidates
- * Các thông tin chi tiết về Cổ đông, số phiếu biểu quyết, người được ủy quyền được nêu tại Giấy đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26/4/2025. Trường hợp nhiều Cổ đông cùng ủy quyền cho 01 (một) người thì thông tin Cổ đông nêu trên là đại diện 01 (một) trong số Cổ đông và số lượng cổ phần sở hữu và ủy quyền là tổng số cổ phần của tất cả các Cổ đông (bên ủy quyền). / Detailed information on the Shareholder, number of votes, and authorized proxy is stated in the Registration and Confirmation for Attendance at the Annual General Meeting of Shareholders on April 26, 2025. If many Shareholders authorize 01 (one) person, the information of the said Shareholder is representative of 01 (one) of the Shareholders and the number of owned and authorized shares is total number of shares of all Shareholders (the Principal).

Hà Nội, ngày ... tháng năm 2025/ Hanoi, month ... date ...
year 2025

**CỔ ĐÔNG / NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
SHAREHOLDER/ AUTHORIZED PROXY**

(ký và ghi rõ họ tên/ Please attach signature and full name)

